

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13816

Trang: 1/1

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:7

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E18H0173	Phùng Lê Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E18H0205	Nguyễn Hoàng Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E18H0044	Võ Quốc Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1729	Tiêu Ngọc Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	717H0612	Nguyễn Anh Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E18H0516	Nguyễn Thanh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E18H0528	Nguyễn Hoàng Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13812

Trang: 1/1

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1581	Phạm Thái An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E17H0068	Phùng Bạch Kim	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	218H0402	Nguyễn Thụy Nam	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	218H0407	Nguyễn Đình Hoàn	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	418H0399	Nguyễn Khánh Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	518H0506	Đỗ Mai Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B17H0009	Hoàng Thiên Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1423	Dương Hữu Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1931	Nguyễn Ngọc Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B18H0056	Phạm Chánh Ngữ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1506	Phạm Hoàng Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41606074	Lê Tấn Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0495	Nguyễn Bảo Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H2027	Bùi Như Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	418H0208	Lục Hoàng Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1101	Nguyễn Hoàng Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	417H0229	Nguyễn Khắc Hoàng Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B18H0400	Đinh Mai Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13817

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	717H0265	Vương Hồng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1584	Hà Kỳ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1137	Nguyễn Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	018H0410	Thàm Nguyễn Hoài	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	018H0417	Lê Hoàng Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	018H0425	Trần Ngọc Khải	Dân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	018H0453	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	018H0462	Đinh Thị Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1663	Trần Lê	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	318H0207	Nguyễn Phan Chiêu	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71600041	Nguyễn Thái	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	018H0492	Đinh Trương Nguyên	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	318H0386	Nguyễn Minh	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B18H0470	Hứa Bảo	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	717H0120	Tôn Đoàn Duy	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1691	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B18H0482	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41606047	Lê Nguyễn Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	018H0549	Trần Tú	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	018H0561	Trần Hoài	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13817

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	418H0471	Nguyễn Bảo Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	318H0077	Nguyễn Thanh Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	018H0585	Trần Hồng Phi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	318H0087	Lưu Quán Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	218H0076	Lê Nguyễn Thu Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	018H0369	Phạm Dương Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	318H0120	Nguyễn Quan Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	018H0661	Trần Thị Thiên Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13813

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	018H0009	Mai Phạm Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	018H0010	Nguyễn Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	318H0010	Phạm Ngọc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	517H0108	Trần Hồ Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H0664	Trần Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	018H0031	Trương Trí	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	318H0378	Nguyễn Đặng Bạch Thanh Thiê	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	318H0201	Hoàng Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	018H0234	Lê Huỳnh Thanh	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	318H0221	Lê Trần Thị Ánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1928	Lê Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	018H0073	Nguyễn Hồ Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	018H0560	Nguyễn Thiện	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	018H0567	Nguyễn Cao Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0182	Trần Khoa Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	517H0152	Trần Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1745	Trần Anh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	018H0610	Nguyễn Quang	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	018H0611	Trần Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	018H0106	Trần Trọng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13813

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1754	Đinh Đức	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	018H0347	Phạm Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	018H0356	Huỳnh Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	018H0646	Lê Nguyễn Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	018H0123	Lã Trần Đoan	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	718H1799	Lê Quang	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B18H0102	Đỗ Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	018H0663	Trần Hoài Hoàng	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	018H0667	Đào Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13828

Trang: 1/1

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:3

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	018H0483	Huỳnh Phước Thụy	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	318H0061	Nguyễn Phương Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91600059	Nguyễn Đình	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13814

Trang: 1/1

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:13

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	518H0469	Mai Văn Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	018H0014	Phạm Hoàng Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	417H0033	Bùi Vĩ Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	018H0447	Hương Hiểu Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B17H0054	Trần Quang Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1646	Trương Thị Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	018H0503	Nguyễn Hồng Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	018H0533	Mai Huỳnh Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	017H0150	Bùi Kim Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	218H0442	Trần Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	218H0443	Trần Thị Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	017H0154	Đỗ Khoa Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	518H0434	Dương Trọng Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13957

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Thống kê tính toán (C03040 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C1703002	Phương Gia An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C1703005	Nguyễn Kiều Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C1503098	Phạm Hoàng Mai Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C1603003	Huỳnh Thị Ngọc Bích			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C1703009	Dương Trần Chí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C1703011	Đặng Nguyễn Thùy Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C1703016	Võ Thị Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C1700044	Nguyễn Hồng Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C1700045	Nguyễn Minh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C1603016	Nguyễn Thị Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C1603017	Lê Nguyễn Thực Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C1703020	Trương Trần Phương Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C1703021	Vũ Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C1703022	Vũ Ngọc Minh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1603024	Hồ Công Thể Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C1601026	Nguyễn Khắc Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C1601149	Hồ Thị Lan Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C1703024	Trần Ngọc Quỳnh Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C1601031	Ngô Thị Huỳnh Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C1700053	Nguyễn Ngọc Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13957

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Thống kê tính toán (C03040 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C1603099	Phan Trần Ngọc	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C1601038	Phạm Thị Nhật	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C1700063	Phạm Thị Kiều	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C1503020	Trần Thị Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C1601066	Dương Minh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C1700073	Phạm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C1700077	Nguyễn Kim	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	C1601162	Mai Thế	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	C1700025	Nghi Bình Mai	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	C1503082	Võ Thị Diễm	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13958

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Thống kê tính toán (C03040 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C1800247	Vũ Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C1601007	Trần Đăng Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C1703025	Trần Thị Diễm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C1800178	Nguyễn Hoàng	Huynh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41602078	Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C1703028	Nguyễn Cao Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C1703029	Nguyễn Thị Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C1800183	Nguyễn Thị Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C1800295	Lê Thị Kiều	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C1800297	Huỳnh Ngọc Kim	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C1703034	Đặng Thị Tuyết	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C1703035	Nguyễn Lê Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C1703040	Bé Mai Diễm	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C1703042	Đặng Hoàng Bảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1800203	Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C1703046	Tạ Khánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C1703051	Trần Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C1703055	Võ Trần Khánh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C1703058	Nguyễn Lệ	Song		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C1703059	Hà Thái	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13958

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Thống kê tính toán (C03040 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C1703060	Nguyễn Lê Trang	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C1800311	Bùi Kim	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C1703064	Phan Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C1703065	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C1703070	Đỗ Thị Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C1703071	Lê Thị Kiều	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C1703072	Đặng Nhựt	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	C1703075	Đoàn Nguyễn Đan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	C1703078	Trần Lâm Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	C1703080	Võ Thị Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13815

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1592	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	518H0599	Nguyễn Hữu Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	018H0420	Ngô Bích	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	518H0479	Nguyễn Phạm Mạnh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	018H0432	Trần Nguyễn Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	618H0243	Tống Ngọc Kim	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	018H0450	Bạch Vũ Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	018H0193	Đỗ Mai	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	518H0494	Trần Quán	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	018H0211	Phạm Thị Xuân	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	018H0527	Nguyễn Thị Lệ	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	018H0260	Đoàn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	018H0262	Lại Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	818H0066	Nguyễn Hoàng	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	018H0562	Đặng Hoàng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	618H0257	Nguyễn Thúy	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	518H0661	Đặng Vi	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	018H0575	Đặng Thanh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81701140	Hứa Gia	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	018H0598	Lý Trần Khải	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13815

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (301001 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1749	Lâm Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	617H0078	Đinh Thanh Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	018H0324	Phùng Thị Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	018H0640	Nguyễn Thụy Phước Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	018H0641	Lê Trung Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	018H0657	Trần Ngọc Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	018H0670	Nguyễn Tú Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....			
2/ .....		2/ .....			

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13787

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900010	Nguyễn Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900013	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900027	Bùi Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D1503051	Nguyễn Đức	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900054	Trang Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71605082	Lê Nhật	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71900070	Đinh Trí	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71802520	Nguyễn Xuân Bảo	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A1600045	Võ Hữu	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900124	Phạm Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71705082	Đồng Thị	Lượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71705407	Nguyễn Cao Thanh	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71801854	Trần Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71802275	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802300	Phan Thị Diệp	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1800455	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71901487	Phạm Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71901496	Trần Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71801715	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A1900156	Đào Trọng	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13787

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A1800243	Võ Kha Hải	Vy		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71504091	Lin Chun	Yu		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13770

Trang: 1/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71900002	Hoàng Thị Ngọc	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71900691	Huỳnh Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71802377	Lê Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71900030	Huỳnh Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71801962	Lê Văn	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71900729	Nguyễn Hải	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71900734	Nguyễn Quỳnh	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71900737	Trương Ngọc	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71801754	Bạch Thu	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21800456	Lê Thị Hoàng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71606095	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71705312	Nguyễn Võ Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71705331	Hoàng Thị Thu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71706286	Nguyễn Hồng	Khả		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71900125	Lý Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71900453	Trần Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71902032	Phan Công	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71900135	Mạch Hải	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71900146	Trần Nhật	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71900148	Đặng Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13770

Trang: 2/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71900156	Phan Thị Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1900418	Nguyễn Bùi Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71900233	Trần Khánh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71802301	Trần Nguyên	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71705484	Nguyễn Phương Xuân	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71801374	Võ Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71802537	Trương Thị Hồng	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71801506	Nguyễn Huỳnh Phương	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71900317	Võ Thị Minh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71900330	Trần Hoàng Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13771

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71901291	Phạm Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900363	Trương Hào	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71901294	Lưu Nguyễn Hồng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71901300	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71900741	Phạm Minh	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71901331	Trần Thị Thúy	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900383	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71900801	Mai Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71902025	Tạ Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71901355	Đỗ Thị Thiên	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71900846	Nguyễn Thị Bảo	Huyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71900852	Đinh Ngọc Diệp	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71900872	Mai Huyền	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71901371	Châu Trí	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71900881	Bùi Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71900888	Nguyễn Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71901970	Trần Ngọc Ánh	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900396	Huỳnh Triệu	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900397	Tô Huỳnh Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71900920	Nguyễn Như Ánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13771

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71902084	Xailee Mouamen			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71901651	Nguyễn Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1900402	Mã Huỳnh Tuyết Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901973	Võ Thị Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901746	Nguyễn Thành Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A1700055	Hoàng Lan Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71900984	Đinh Nhật Uyển Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	A1800057	Nguyễn Lan Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901977	Bùi Diệu Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B1900426	Lâm Thị Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	B1900429	Lê Thị Nhã Thị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	71901215	Phạm Bùi Bảo Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	71901222	Nguyễn Vũ Băng Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13772

Trang: 1/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71900731	Võ Thị Diễm	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71901325	Nguyễn Đỗ Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71901327	Võ Thị Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900053	Nguyễn Tôn Bình	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900058	Đinh Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71900802	Nguyễn Thị	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71902026	Võ Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71901967	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71802521	Trần Tú	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900105	Nguyễn Trần Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71900869	Trần Thị Anh	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71902029	Trương Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71901375	Trần Thị Tài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71900178	Thái Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900184	Nguyễn Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71901001	Võ Hoàng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1900198	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A1700067	Võ Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900207	Diệp Đình	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71901087	Trương Thị Kim	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13772

Trang: 2/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71900243	Lê Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71705146	Bành Nguyễn Trường Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71901140	Lê Mỹ Thực			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901170	Huỳnh Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901676	Nguyễn Bảo Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71902048	Huỳnh Như Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71901984	Trần Ngọc Tố Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71900324	Lê Huỳnh Khánh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71900325	Lưu Ngọc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71900326	Mã Phong Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13773

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900337	Lê Hà Nhựt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900369	Phan Thị Yến	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900380	Phan Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900382	Lin Tsun	Han		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900384	Trần Thị Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900388	Trần Việt	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900445	Yayongkay	Leeta		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900406	Lưu Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C1800113	Hà Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900414	Lâm Trần Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900221	Hồ Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900421	Nguyễn Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900449	Phetsikhieo	Souliya		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900230	Dương Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900425	Phạm Thị	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900238	Nguyễn Hoàng Loan	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1900430	Châu Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900253	Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900263	Châu Thị Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900269	Nguyễn Thanh	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13773

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900280	Nguyễn Thị Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1900281	Phan Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1900436	Đào Hữu	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1900438	Đặng Duy	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B1900440	Phan Thị Kim	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1900314	Nguyễn Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900315	Phạm Thị Thu	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1900319	Lý Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B1900442	Ngô Phan Thùy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B1900444	Nguyễn Phạm Lê	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	B1900324	Lê Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	C1800284	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....		.....	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13788

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900366	Trần Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900367	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900368	Vũ Minh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900374	Tô Thị Mỹ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900375	Lê Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900065	Đoàn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900071	Nguyễn Thị Diễm	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900101	Lâm Dỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900117	Lý Yên	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900395	Trần Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900399	Nguyễn Quốc	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21900489	Nguyễn Thị Tú	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900715	Võ Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900408	Nguyễn Khánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900410	Võ Phạm Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900446	Khai Phom	Nouny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1900412	Đặng Ngô Mỹ	Nương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900432	Phùng Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900268	Huỳnh Thanh Chí	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900437	Trần Quang	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13788

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900443	Huỳnh Hữu Khang	VĨ		•	<input checked="" type="radio"/>	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	
22	B1900329	Từ Thanh	VY		•	<input checked="" type="radio"/>	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13921

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700187	Trần Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700197	Trương Khải	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700205	Nguyễn Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700208	Hồ Thị Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700034	Quách Phạm Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700214	Hoàng Thị	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700216	Thái	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700217	Dương Phùng Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700044	Nguyễn Thụy Hạnh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700062	Nguyễn Hải Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700065	Trần Lưu Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700069	Nguyễn Phan Hồng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700080	Trần Lưu Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700096	Nguyễn Lê Phi	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700099	Nguyễn Thị Kiều	Nương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700106	Trần Phan Như	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700119	Tô Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700129	Huỳnh Lâm Hoài	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700149	Nguyễn Lê Mỹ	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700160	Lê Thị Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13921

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700162	Phạm Tố Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1700163	Trương Ngọc Ái Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1700177	Trịnh Thị Mỹ Xuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13922

Trang: 1/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700223	Nguyễn Trần Hạ	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700224	Bùi Văn	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1600063	Nguyễn Quế	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700229	Trần Hải	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700230	Trịnh Văn	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700234	Nguyễn Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1600008	Nguyễn Phương Huyền	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700240	Phạm Thị Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700082	Trương Ánh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700251	Huỳnh Yến	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700253	Nguyễn Thị Chân	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700256	Phan Nguyễn Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700257	Trần Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1600115	Kongpachith	Phitsamay		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700263	Mai Yến	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700269	Mã Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700272	Lưu Văn	Sáng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700282	Nguyễn Hoàng Minh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700288	Trần Thị	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700301	Trần Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13922

Trang: 2/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700306	Trần Kim Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1700318	Hoàng Thị Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1700320	Lê Thị Hoàng Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13774

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71901321	Phạm Thị Diệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71900051	Cao Hoàng Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900759	Mai Phương Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71900809	Nguyễn Đỗ Thuý Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71800993	Quách Thanh Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71902058	Lăng Thị Mỹ Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71900848	Trương Thị Mỹ Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801038	Nguyễn Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71900144	Lê Thị Hoàng Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71900940	Trần Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71901391	Đặng Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71802437	Lê Thị Hiếu Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71901401	Nguyễn Tuyết Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71800177	Đặng Bảo Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71901457	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71705464	Nguyễn Hữu Sinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71901459	Bùi Phạm Hồng Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71901104	Võ Thu Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71901471	Danh Thị Huệ Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71901130	Nguyễn Thị Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13774

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71901145	Trần Công Quang	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71900264	Trần Thị Diệu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71900267	Phạm Trần Nhã	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901163	Phùng Trọng	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71801231	Đặng Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71901198	Nguyễn Quốc	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71900294	Phùng Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71900295	Mai Anh	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901536	Trần Minh	Ty		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71802545	Nguyễn Viết Hoàng	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	71900323	Bùi Thị Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	71901270	Phan Đỗ Đan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	71801722	Phạm Thị Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13791

Trang: 1/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31800949	Nguyễn Thị Minh	Ai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71705246	Lê Long	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900082	Phạm Thị Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71901388	Phạm Thị Huyền	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71900962	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71901415	Nguyễn Thị Phương	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71900192	Nguyễn Thị Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41602115	Đặng Bảo Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71901445	Nguyễn Lê Ngọc	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71504218	Lê Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	017H0191	Trịnh Thế	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71901453	Nguyễn Thị Thu	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71901454	Phan Thị Tố	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71901061	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71901063	Phùng Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71901462	Lương Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71504224	Bùi Hoàng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71801894	Lê Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71901483	Trần Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21800648	Phạm Hữu	Tĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13791

Trang: 2/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71900283	Lê Châu Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D1503067	Lê Anh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71900657	Đỗ Tiểu Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901273	Nguyễn Thị Kim Xuyến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13780

Trang: 1/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900364	Lê Phan Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71901965	Lê Thanh	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900046	Ngô Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900070	Trần Ngọc Phương	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71901693	Đinh Phạm Thực	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900072	Nguyễn Thị Thu	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71902023	Nguyễn Thúy	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71901966	Nguyễn Thị Kim	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71902030	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900398	Đỗ Minh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900400	Phan Thị	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1800214	Lê Thị Trà	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900152	Nguyễn Lý Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900178	Võ Lê Thanh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900179	Huỳnh Thị Ngọc	Nhé		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71802082	Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71902069	Trần Văn	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71901779	Nguyễn Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71901976	Nguyễn Minh	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900428	Trương Thị Kim	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13780

Trang: 2/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71902074	Trần Văn Thìn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71901782	Dương Ánh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71901480	Huỳnh Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71902045	Nguyễn Thái Bảo Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901981	Hà Huỳnh Huyền Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1900434	Trần Thị Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900300	Nguyễn Nhật Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1900305	Nguyễn Phạm Phương Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B1900309	Trịnh Nguyễn Ánh Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71901985	Vũ Ngọc Phương Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	71901988	Nguyễn Nhật Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	71902051	Đoàn Thị Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	71901989	Trần Hải Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13781

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71900680	Nguyễn Ngọc Minh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801674	Lý Bích	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900709	Võ Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71801679	Đinh Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701183	Nguyễn Thị Tuyết	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71801966	Trần Quê	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71800925	Nguyễn Văn	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801973	Nguyễn Phương	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71900747	Nguyễn Thị Phương	Du		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71900762	Nguyễn Thanh Thảo	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71801686	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71900838	Lý Thị Thu	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71802519	Ngô Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71900850	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71900875	Nguyễn Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71801060	Đỗ Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71900929	Đỗ Thị Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701289	Nguyễn Hoàng Hoàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71900947	Lê Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71900956	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13781

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71900959	Nguyễn Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71900161	Trần Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701318	Ngô Phương	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71801705	Nguyễn Thị Bích	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71801155	Trần Duy	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71800295	Trần Tuấn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71901107	Ngô Thị Hồng	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71802327	Võ Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71900291	Nguyễn Thị Diễm	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13782

Trang: 1/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1701126	Mã Kỳ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900036	Nguyễn Thị Thu	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900037	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900378	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900379	Nguyễn Trần Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71902024	Trần Mai	Hiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900091	Tạ Nguyễn Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900102	Lâm Trí	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900349	Chau Võ Diệu	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900121	Hoàng Thị Kim	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900351	Trần Thị Hồng	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900133	Trần Lê Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900403	Trần Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900405	Trần Thị Trúc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71901974	Phan Minh	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900165	Võ Yến	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1900187	Hà Kim	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900415	Nguyễn Hoàng Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900416	Vũ Thị Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900355	Trần Thị Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13782

Trang: 2/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900217	Tiêu Ngọc Tố	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1900419	Trần Thị Lệ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1900420	Lê Nguyễn Thúy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1900424	Dương Khương	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901780	Nguyễn Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1701252	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900427	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1900251	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901138	Bùi Tiến	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B1900357	Hồ Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	B1900433	Nguyễn Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	B1800465	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	B1900441	Phạm Thảo	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13783

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71900681	Trần Huỳnh Phúc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71900023	Trần Ngọc Trâm Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900749	Trịnh Minh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71900072	Đoàn Thanh Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71900783	Lê Đường Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71900079	Võ Nguyễn Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71802518	Huỳnh Thị Thúy Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71900825	Cao Đào Thanh Kim Huệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71900836	Phan Ngọc Thanh Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71802524	Bùi Phạm Ngọc Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71802526	Nguyễn Ngọc Phương Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71802527	Nguyễn Thành Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71900933	Nguyễn Phạm Thảo My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71900935	Nguyễn Thị Diễm My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71900948	Lê Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71900949	Lê Thị Thảo Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71900955	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71800571	Trần Thị Thùy Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71900183	Phan Thị Hiếu Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71900998	Trần Mẫn Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13783

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71704140	Dương Trúc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71802534	Nguyễn Thụy Tố Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71900226	Huỳnh Thị Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71802304	Phạm Hoàng Phúc		Thịnh	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71802536	Nguyễn Thị Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71802539	Trần Thị Thanh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71801716	Nguyễn Thị Hải Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71802542	Nguyễn Thị Trúc		Trúc	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71801719	Lưu Hoàng Hạ Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71900332	Phạm Thị Hương		Xuân	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....		.....	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13923

Trang: 1/1

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1600017	Nguyễn Thị Hải	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1600019	Đoàn Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700008	Xà Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700025	Trần Vũ Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700040	Nguyễn Thị Hoàng	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1600055	Hồ Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1600057	Lê Minh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700048	Bùi Hữu	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1600060	Lê Ái Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1500072	Lưu Thị	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1600064	Trần Thị Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700064	Phạm Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700077	Huỳnh Biện Thiên	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1600069	Lưu Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1600075	Trần Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1600114	Võ Viết	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1500068	Đặng Nguyễn Phương	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1600106	Nguyễn Tân	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1600014	Nguyễn Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1500026	Lương Thị Thành	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13924

Trang: 1/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700188	Trần Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700191	Phạm Tấn	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700194	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700199	Nguyễn Thị	Điểm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700182	Nguyễn Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700207	Hà Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700209	Phạm Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700232	Nguyễn Thị Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700233	Thái Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700236	Châu Bội	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700258	Nguyễn Thị Kim	Phản		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700266	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700267	Nguyễn Minh Nhựt	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700113	Lê Nhất	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700287	Nguyễn Quang	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700298	Phạm Thị Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700310	Phan Thị Kim	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700311	Doãn Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700172	Nguyễn Hoàng Kiều	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700319	Lê Dương Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13924

Trang: 2/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700321	Phan Phước Yên			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13925

Trang: 1/1

Phòng thi: B309

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700003	Nguyễn Bảo Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700201	Trịnh Xuân Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700204	Ngô Tiến Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700038	Tạ Thị Thu Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700220	Võ Thị Khánh Huỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700049	Châu Phạm Thị Mỹ Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700225	Hoàng Thị Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700237	Nguyễn Thị Trà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700239	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700075	Đỗ Nguyễn Xuân Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700241	Võ Song Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700243	Lại Thụy Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700078	Nguyễn Thị Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700098	Nguyễn Minh Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700110	Trần Mai Trúc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700111	Trần Ngọc Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700117	Lê Quốc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700121	Hoàng Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700132	Nguyễn Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700134	Phan Võ Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13926

Trang: 1/1

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700350	Phạm Nhật Phương	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700244	Nguyễn Phương	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700245	Trần Phạm Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700247	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700249	Đoàn Vũ Linh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700254	Vương Ngô Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700260	Huỳnh Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700268	Trần Kim Nguyệt	Quế		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700271	Vũ Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700323	Phimmakone	Sommaly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700276	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700280	Nguyễn Phạm Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700284	Phạm Duy	Thiệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700290	Phạm Chí	Thức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700291	Phan Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700299	Đỗ Cao	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700303	Đặng Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700309	Đỗ Châu Khánh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700313	Trần Lê	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700315	Nguyễn Trung	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13930

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700001	Đỗ Ngọc Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700002	Hồ Hà	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700189	Trương Tiểu	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700192	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700014	Nguyễn Hà Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700196	Nguyễn Mai Khánh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700016	Huỳnh Thị Ngọc	Chuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700198	Lê Quang	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700202	Đặng Hoàng Thanh	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700021	Đỗ Phạm Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700203	Nguyễn Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700036	Nguyễn Ngọc Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700074	Phan Thanh Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700076	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700143	Nguyễn Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700145	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700146	Phạm Phan Bích	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700148	Võ Tuyết Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700167	Vũ Nguyễn Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700175	Duy Kỳ	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13930

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700181	Trương Thị Bảo Yến			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13784

Trang: 1/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71901990	Đỗ Thị Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71901301	Phan Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71901963	Võ Trịnh Hoài	Bão		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900370	Nguyễn Thị Lan	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71902054	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900372	Phạm Nguyễn Thu	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900055	Võ Thị Cẩm	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900381	Võ Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900391	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900092	Võ Diệu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71902031	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71901394	Hà Mỹ	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71901400	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71901402	Trần Minh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71901774	Dương Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71901408	Nguyễn Hồ Yến	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71901410	Đào Thái	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71902067	Mai Hoàng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900411	Trần Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900413	Lê Hoàng	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13784

Trang: 2/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71901750	Nguyễn Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71901667	Ngô Thục	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1800439	Trần Bình	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901476	Đào Ngọc Hồ	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901157	Lê Thị Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71901171	Bùi Dương Tố	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900435	Trần Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1800468	Hồ Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901251	Phạm Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B1900335	Ngô Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	71901571	Phan Thị Bảo	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13931

Trang: 1/1

Phòng thi: B402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Hóa dược 2 (H01043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700206	Phan Ngọc Tiểu	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700212	Nguyễn Thanh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700227	Phạm Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700228	Từ Bội	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700235	Lê Thị Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700248	Võ Thị Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700264	Nguyễn Phạm Hà	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700279	Huỳnh Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700281	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700285	Văn Hà Cẩm	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700286	Ngô Thị Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700289	Hà Bích	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1600097	Nguyễn Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700293	Trần Gia	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700296	Đoàn Huyền	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700297	Đào Thị Hà	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700302	Trần Thanh	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700307	Đặng Lê	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700312	Nguyễn Thụy Hà	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700316	Hà Nguyệt	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13785

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71802514	Nguyễn Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71802515	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900038	Phạm Quan	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71900054	Phạm Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71900063	Trương Lê Quốc Quỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71801994	Danh Vũ	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71900086	Nguyễn Lương Kim	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61203262	Mai Xuân Anh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71705315	Lê Thị Khánh	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A1700041	Nguyễn Ngọc Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71802234	Tử Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21900480	Trần Đăng Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701259	Nguyễn Thị Thúy	Liễu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21800623	Hà Nguyễn Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71605396	Phothisane	Malaypho		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71704529	Huỳnh Nhân	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71705614	Mai Thị	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21800073	Lê Thị Hồng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71706316	Trần Hà	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71504002	Nguyễn Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13785

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41502055	Lê Đức Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71900320	Lê Bạch Long	Ví		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21900392	Võ Hoàng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71802547	Nguyễn Huỳnh Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21900399	Trần Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71705585	Vũ Thị	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13786

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71901961	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71901311	Mai Thị Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900034	Dương Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71900732	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71901318	Trương Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71900735	Trần Thị Hồng	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71901639	Nguyễn Thế	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71900764	Phạm Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71900765	Phạm Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71901338	Hà Thị Mỹ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900073	Phùng Thị Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71900803	Triệu	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900387	Nguyễn Quang	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A1600034	Trần Đức An	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802020	Lê Thị Diễm	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71802252	Huỳnh Ngọc Phan	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71901437	Nguyễn Thùy Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900205	Nguyễn Văn	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71604244	Bùi Minh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71901037	Huỳnh Hoàng Như	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13786

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900417	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71802092	Nguyễn Duy Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71902070	Tăng Chí	Quyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1900422	Phan Trần Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71604271	Trần Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71901075	Châu Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71901979	Hoàng Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71901516	Trần Thị Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71902080	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71901982	Trần Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13789

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71900692	Lê Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71900717	Hồ Thị Quỳnh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71900720	Trần Hoàng Kim	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71900036	Nguyễn Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71900037	Nguyễn Trường	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71900751	Võ Lê Hà	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71802517	Hoàng Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71900758	Lê Thị Kim	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71706033	Trần Lâm Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71900766	Trần Ngọc Phương	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71900078	Trần Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71801689	Lê Thị Quỳnh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71901352	Lê Thái	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71901357	Phạm Thị Mai	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71706283	Phan Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71900892	Nguyễn Thị Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71900893	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71900979	Nguyễn Hoàng Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71900997	Tăng Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71901015	Trần Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13789

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71901047	Nguyễn Công Gia	Qui		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71901078	Trần Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71901083	Châu Thị Thiên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901091	Huỳnh Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901172	Huỳnh Thị Huế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71901179	Nguyễn Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71901190	Nguyễn Âu Đoan	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71704459	Phan Xuân	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901244	Đặng Lê Nhật	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71802546	Trịnh Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	71705582	Nguyễn Lý Bảo	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13790

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A1800101	Nguyễn Thị Diễm	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71901760	Nguyễn Thành	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71902053	Bùi Thị	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A1800005	Phạm Hoài	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71901358	Lê Duy	Hướng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71902059	Lê	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71902061	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71902062	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71901372	Lương Hoàng Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71902063	Nguyễn Phạm Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71901742	Trần Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71901376	Nguyễn Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900401	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71901392	Đinh Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71902065	Nguyễn Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1800414	Nguyễn Thị Bé	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71901416	Tân Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71901426	Dương Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A1800286	Lê Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71901430	Phạm Ngọc Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký: .....	Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13790

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71901447	Lê Hữu Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71901448	Nguyễn Duy Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1900233	Võ Ngọc Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71902073	Phan Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71902044	Phạm Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A1800312	Đỗ Thị Thanh Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71901530	Nguyễn Ngọc Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71901564	Nguyễn Diễm Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901567	Nguyễn Thị Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	71901759	Giang Minh Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	71902082	Phạm Hoàng Hải Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13971

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702067	Lê Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61702072	Võ Nguyên	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61702008	Hồ Thị Chi	Em		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61702012	Nguyễn Minh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702141	Huỳnh Thị	Lê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702020	Huỳnh Lê Nhị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702024	Lê Vũ Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61702025	Trần Thị Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702163	Lưu Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61702029	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61702167	Phạm Võ Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702034	Trần Khánh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61502091	Lê Huỳnh Uyển	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702036	Phan Đặng Lộc	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702037	Lê Thị Mỹ	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61702206	Nguyễn Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61702041	Nguyễn Thanh	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702043	Đặng Huệ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702234	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61502227	Hứa Tấn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13971

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61502105	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702269	Trần Thị Phương	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61702273	Trần Thị	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13972

Trang: 1/2

Phòng thi: B408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702068	Nguyễn Hùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61702071	Trần Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61702077	Nguyễn Ngọc	Chinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61702099	Lê Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702101	Vũ Hoàng Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702115	Vũ Việt	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702116	Nguyễn Thị Minh	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61702119	Huỳnh Hậu	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702128	Phan Huỳnh Minh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61702138	Nguyễn Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61702139	Vũ Thị Phương	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702144	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61702145	Phan Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702151	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702154	Nguyễn Thanh Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61702157	Nguyễn Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61702169	Lê Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702183	Nguyễn Anh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702185	Tô Thị Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702192	Nguyễn Hoàng	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13972

Trang: 2/2

Phòng thi: B408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61702195	Lê Hoài Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702052	Nguyễn Thị Cẩm Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61702061	Kiều Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13973

Trang: 1/2

Phòng thi: B409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702179	Chu Khả	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61702188	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61702196	Dương Văn	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61702199	Trần Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702201	Tô Võ Thi	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702203	Lê Hồng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702209	Phan Như	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61702211	Nguyễn Tiến Chí	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702225	Võ Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61702236	Lê Nguyễn Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61702246	Lê Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702247	Huỳnh Thị Kim	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61702249	Lê Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702257	Nguyễn Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702258	Đào Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61702263	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61702264	Trần Thị Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702268	Lê Huy Khánh	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702271	Tăng Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702278	Lê Thị Thanh	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13973

Trang: 2/2

Phòng thi: B409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61702284	Nguyễn Tường	Vi		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	61702287	Bùi Nguyễn Thảo	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	61702289	Lê Thùy Bích	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	61702290	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13934

Trang: 1/1

Phòng thi: B410

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21800435	Nguyễn Quốc Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	218H0132	Nguyễn Trương Thiên	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	218H0155	Ngô Thị Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	218H0165	Nguyễn Thị Hồng	Gấm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	218H0176	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	218H0187	Nguyễn Thị Diễm	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	218H0030	Lê Đào Mai	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	218H0034	Trà Ngọc Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	217H0065	Đoàn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701290	Lê Thị Việt	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	218H0223	Đặng Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	218H0224	Lê Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	217H0080	Nguyễn Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	218H0056	Tạ Phương	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	218H0062	Huỳnh Trang Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	217H0088	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	217H0096	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	218H0086	Lê Nguyễn Hoàng	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	218H0092	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	218H0093	Trần Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13935

Trang: 1/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	218H0384	Trần Nguyễn Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	218H0398	Đinh Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	218H0403	Dương Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	218H0404	Lê Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	218H0409	Nguyễn Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	218H0429	Nguyễn Thành	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	218H0431	Nguyễn Bá Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	218H0054	Nguyễn Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	218H0252	Lê Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	218H0448	Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	218H0450	Nguyễn Thị Yến	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	218H0280	Trương Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	217H0103	Nguyễn Kim	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	218H0459	Trần Linh	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	218H0296	Phạm Lưu	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	218H0304	Hoàng Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	218H0312	Ngô Liêm	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	218H0340	Trần Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	218H0480	Huỳnh Lê Hoàng	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	218H0488	Ngô Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13935

Trang: 2/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	218H0491	Dương Quốc Vinh			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	218H0374	Đinh Huỳnh Thảo Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13792

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71901962	Trần Quỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900023	Trần Gia Bửu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71902022	Nguyễn Thị Hồng Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71902056	Hồng Thể Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71901768	Trương Thị Thu Huệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71902027	Đặng Thị Mai Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71901646	Lưu Mỹ Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71902060	Đặng Gia Khiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900394	Phan Tường Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71704341	Vũ Ngọc Kiều My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71901656	Trần Lê Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71902066	Trần Lý Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71902036	Nguyễn Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71902068	Nguyễn Hoàng Yến Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71902037	Nguyễn Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1800490	Sengpanya Nouny			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71902038	Phan Thị Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71902042	Hoàng Thị Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71902072	Lê Nguyễn Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D1600091	Nguyễn Đức Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13792

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Nguyên lý kế toán (201039 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 19 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900258	Tống Hồng	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71901489	Phan Thị Kim	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71902046	Phan Nguyễn Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71901503	Nguyễn Thị Băng	Trăm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71901504	Lý Thu	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71902077	Nguyễn Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D1600116	Nguyễn Châu	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	71901541	Nguyễn Thị Diễm	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	71901548	Nguyễn Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13970

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702073	Mẫn Thị Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61203204	Nguyễn Thị Ngọc Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61402009	Vũ Ngọc Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61602029	Lê Tuấn Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702088	Trần Thị Thùy Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702090	Ngô Thị Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702100	Lương Thị Thảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61602052	Nguyễn Hà Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61502131	Phan Xuân Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61702132	Trần Lê Nhật Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61502087	Trần Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702152	Nguyễn Thị Kim Lụa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61702155	Nguyễn Thị Ngọc Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702168	Huỳnh Quan Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702191	Châu Nhân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61502011	Lưu Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61602172	Võ Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702200	Vũ Nguyễn Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61602176	Mai Tân Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702208	Phạm Thị Hồng Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13970

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61602187	Hồ Thị Trúc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702218	Dương Hải	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61502020	Nguyễn Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61502044	Nguyễn Thị Diễm	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61702223	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61702233	Nguyễn Phan Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61702237	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	61702238	Nguyễn Trần Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	61502086	Trần Nguyễn Anh	Thuy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	61702262	Hồ Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	61602252	Hoàng Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	61702285	Bùi Quang	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	61602273	Trần Xuân	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13974

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702066	Đặng Trần Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61702076	Phạm Ngọc Minh	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61702083	Nguyễn Lê Hoàng	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61702089	Nguyễn Hữu Dũng	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702092	Nguyễn Thanh Duy	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61602046	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702094	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61702095	Lê Quang Trấn	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702096	Nguyễn Huỳnh Kim Giàu	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61602049	Nguyễn Ngọc Diễm	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61602051	Phan Thanh Hải	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702109	Trần Quốc Hiển	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61702110	Đào Minh Hiếu	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702113	Đặng Thanh Hoài	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702114	Nguyễn Trọng Hoàng	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61702121	Lê Nhật Huy	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61702122	Nguyễn Gia Huy	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702124	Trần Võ Thiện	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702126	Nguyễn Hoàng Khang	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702131	Lý Quốc Khánh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13974

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61702140	Trịnh Bảo	Lân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702147	Trần Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61702148	Trần Thị Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61702150	Ngô Vũ	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61702158	Nguyễn Thị Quế	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61702164	Trần Thị	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61702165	Huỳnh Lê Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	61702173	Trần Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	61402064	Phạm Lăng Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	61702181	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	61502145	Nguyễn Minh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13959

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H2085	Lê Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H2086	Lưu Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1138	Nguyễn Ngọc Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1139	Nguyễn Thị Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H2088	Võ Tân Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1145	Vũ Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H0417	Phan Hoài	Chiêu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H2093	Lê Dương Anh	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1155	Trần Thị Hồng	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H2096	Ngô Trúc	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H2099	Phan Công	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H2100	Trần Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H2101	Trần Ngọc Thu	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0420	Nguyễn Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0422	Phạm Văn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71800024	Phạm Nguyễn Thái	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H0426	Nguyễn Thị Quế	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H2137	Bùi Mỹ	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1236	Từ Lịnh	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1238	Phạm Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13959

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1248	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H1252	Trang Kim Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	718H1310	Đỗ Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13960

Trang: 1/2

Phòng thi: B508

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H2104	Phạm Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H2111	Lâm Thị Hồng	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H2114	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H2115	Lê Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H2121	Nguyễn Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H2122	Phan Nguyễn Hoài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H2131	Vũ Anh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H2136	Trần Thùy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H2141	Nguyễn Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H2147	Thái Trung	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H2150	Mai Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H2152	Thái Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H2158	Lưu Thanh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H2167	Phạm Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H2169	Nguyễn Hiếu	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H2170	Lương Thị Ngọc	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H2172	Nguyễn Minh	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H2175	Nguyễn Hồng Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H2180	Nguyễn Thị Ngọc	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H2181	Nguyễn Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13960

Trang: 2/2

Phòng thi: B508

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H2193	Phan Gia Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H2197	Lê Thanh Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	718H2209	Nguyễn Thị Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13961

Trang: 1/2

Phòng thi: B511

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H2084	Vũ Ngọc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1134	Chu Tiến Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1159	Mai Quỳnh Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1161	Trần Doanh Doanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1170	Lưu Thị Ngọc Giàu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H0428	Nguyễn Đình Đông Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1195	Nguyễn Quốc Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H0433	Lạc Tuấn Lương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1214	Âu Huệ Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H0434	Nguyễn Thị Hương Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1223	Nguyễn Hoàng Thị Phương My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1231	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1233	Phạm Lê Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1239	Nguyễn Trọng Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1275	Lục Nguyễn Thiên Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H0448	Nguyễn Chí Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1293	Nguyễn Thị Kiều Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1304	Nguyễn Vương Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1306	Trương Lan Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1320	Trần Thùy Phương Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13961

Trang: 2/2

Phòng thi: B511

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1329	Võ Thành Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H0462	Phạm Mỹ Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13975

Trang: 1/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61602031	Đào Thị Ánh	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61602075	Lê Minh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61602090	Dương Quân	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61602136	Tăng Phước	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702186	Bùi Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702190	Huỳnh Thị Lan	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702194	Bạch Thanh	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61602169	Đinh Tiên	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702207	Võ Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61702215	Nguyễn Thị Thu	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61702216	Tăng Thái	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702217	Phạm Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61602194	Trương Quang	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702220	Nguyễn Văn	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702224	Quách Chí	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61702226	Nguyễn Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61702227	Hà Trọng	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702231	Đỗ Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702244	Nguyễn Hữu	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702250	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13975

Trang: 2/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Thiết kế nhà máy (602045 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61602236	Phạm Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702255	Ngô Quốc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61702256	Lý Thị Kim	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61702266	Nguyễn Xuân	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61702275	Phạm Đức Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61702279	Trần Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61602266	Hoàng Tú	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	61702281	Ngô Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	61702282	Nguyễn Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	61702293	Nguyễn Thị Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13962

Trang: 1/2

Phòng thi: C204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H2109	Phạm Trần Thanh	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H2118	Lê Tường	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H2120	Võ Thành	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H2125	Nguyễn Tuấn	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H2129	Huỳnh Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H2214	Nguyễn Cao Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H2134	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H2146	Nguyễn Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H2148	Trương Định	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H2149	Đào Thị Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H2154	Nguyễn Lưu Yến	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H2157	Nguyễn Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H2159	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H2163	Nguyễn Minh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H2179	Nguyễn Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H2189	Trương Thanh Nhã	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H2190	Nguyễn Anh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H2202	Phạm Ngọc Uyển	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H2203	Trần Thị Thùy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H2206	Nguyễn Xuân Anh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký: .....	Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13962

Trang: 2/2

Phòng thi: C204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: An toàn vệ sinh lao động (707013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H2210	Phạm Ngọc Uyển Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H2213	Văn Bửu Ý			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13757

Trang: 1/2

Phòng thi: C205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Giao tiếp liên văn hóa (001174 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	019K0097	Đinh Phan Hùng	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	019K0165	Nguyễn Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	019K0100	Nguyễn Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	019K0138	Lê Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	019K0153	Trần Việt Mỹ	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	019K0040	Đinh Hùng Đức	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	019K0041	Lý Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	019K0157	Nguyễn Thùy Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	019K0048	Võ Thị Minh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	019K0139	Trần Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	019K0053	Ngô Trần Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	019K0141	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	019K0113	Nguyễn Lam	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	019K0064	Vũ Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	019K0068	Nguyễn Hồng Loan	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	019K0074	Nguyễn Thiện	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	019K0076	Dương Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	019K0143	Tạ Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	019K0159	Lê Thị Huyền	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	019K0087	Hồ Vũ Nhựt	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13757

Trang: 2/2

Phòng thi: C205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Giao tiếp liên văn hóa (001174 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	019K0148	Lưu Quốc Vinh			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓷ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13758

Trang: 1/1

Phòng thi: C206

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Giao tiếp liên văn hóa (001174 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	019K0003	Nguyễn Nam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	019K0135	Trần Thị Việt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	019K0013	Nguyễn Mỹ Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	019K0015	Triệu Đoan	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	019K0016	Lưu Phạm Quang	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	019K0017	Trần Khánh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	019K0022	Trần Thị Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	019K0026	Trần Lê Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	019K0107	Nguyễn Thị Triệu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	019K0028	Dương Ngọc Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	019K0152	Nguyễn Tuấn	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	019K0035	Dương Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	019K0056	Võ Thụy Đông	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	019K0059	Đỗ Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	019K0168	Canini Julien Minh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	019K0078	Bùi Bích	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	019K0080	Phạm Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	019K0161	Lê Cao Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13932

Trang: 1/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	218H0009	Phạm Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	218H0133	Lê Thị Cẩm	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	218H0138	Trần Hồ Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	218H0139	Trần Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	218H0141	Võ Trần	Chung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	218H0156	Nguyễn Hữu Quý	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	218H0396	Ngô Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	218H0193	Nguyễn Thị Kiều	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	217H0062	Nguyễn Thị Diễm	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	218H0419	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	218H0421	Bùi Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21606048	Đào Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	218H0425	Nguyễn Ngọc Khanh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	218H0209	Nguyễn Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	217H0068	Vương Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	218H0214	Nguyễn Thị Tuyết	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	218H0240	Nguyễn Lâm Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	217H0093	Phan Tiên	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	218H0453	Trương Gia	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	217H0095	Lê Thị Hoài	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13932

Trang: 2/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	218H0075	Phạm Thị Như	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	218H0473	Bùi Nguyễn Hồng	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21606122	Phan Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	218H0490	Võ Gia Thế	Viễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	218H0376	Nguyễn Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	218H0497	Đoàn Thị Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	218H0112	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13933

Trang: 1/3

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:41

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	218H0006	Lê Ngọc Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	218H0381	Nguyễn Thùy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	218H0129	Phạm Nguyễn Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	218H0391	Phan Mai Bảo	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	218H0395	Đinh Nguyễn Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	218H0397	Phan Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	218H0161	Lê Nguyễn Ngọc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	218H0169	Lý Chí	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	218H0411	Nguyễn Thị Mỹ	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	218H0412	Nguyễn Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	218H0414	Trần Thị Chi	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	218H0036	Bùi Nguyễn Hoàng	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	218H0205	Đào Thị Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	218H0040	Nguyễn Đặng Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	218H0424	Nguyễn Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	218H0427	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	218H0434	Đoàn Gia	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	218H0219	Nguyễn Ngọc	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	218H0437	Phạm Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	218H0060	Nguyễn Dương Hoàng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13933

Trang: 2/3

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:41

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	218H0265	Trần Thị Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	218H0268	Ngô Ngọc Phương	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	218H0071	Đoàn Yến	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	218H0285	Hà Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	218H0286	Huỳnh Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	218H0293	Tưởng Thị Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	218H0461	Phạm Hoàng Minh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	218H0301	Nguyễn Đăng Xuân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	218H0082	Nguyễn Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	218H0314	Võ Hoàng	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	218H0316	Vũ Thị	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	218H0469	Tống Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	218H0470	Võ Phạm Hoàng Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	218H0344	Ngô Phương	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	218H0094	Nguyễn Dương Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	218H0481	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	218H0483	Nguyễn Ngọc Vân	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	218H0371	Nguyễn Thái	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
39	218H0105	Võ Thị Kim	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
40	218H0495	Lê Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13933

Trang: 3/3

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:41

Lần:1

Môn học: Kế toán tài chính 2 (201058 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
41	218H0378	Phạm Tường Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13966

Trang: 1/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61900352	Võ Duy Kim	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61900359	Âu Dương Thi	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61900360	Bùi Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61900372	Huỳnh Thị Viễn	Âu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61900374	Nguyễn Trung	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61900424	Nguyễn Thị Trúc	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61900452	Nguyễn Trần Hữu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61900469	Hà Nguyễn	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61900473	Phạm Văn	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61900474	Bành Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61900477	Lê Hoài	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61900486	Nguyễn Thị Khánh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61900491	Huỳnh Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61800072	Nguyễn Quỳnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61900505	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61900506	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61900516	Huỳnh Võ Như	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61900517	Lê Ngọc	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61900549	Lê Bùi Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61603156	Nguyễn Phước Phát	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13966

Trang: 2/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61900567	Phạm Thị Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61900569	Dương Thị Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61900571	Bùi Thị Thu	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61900572	Giảng Thị Bích	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61900574	Trương Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13967

Trang: 1/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61900815	Dương Linh	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	619H0005	Nguyễn Thị Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61900821	Hoàng Uyển	Đình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61900830	Đinh Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61900840	Hà Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61900842	Châu Thị Phương	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61900848	Võ Thị	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61900851	Lê Hồng	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61900856	Nguyễn Thị Tuyết	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61900858	Lê Nguyễn Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61900859	Đỗ Trần Mỹ	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61900862	Hà Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61900863	Nguyễn Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61900705	Trần Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61900869	Lê Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61900577	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61900877	Lê Phạm Phụng	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61900879	Mai Trần Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61900881	Nguyễn Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61900597	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13967

Trang: 2/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61900890	Nguyễn Thành Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61900631	Đoàn Triệu Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61900634	Nguyễn Đinh Thái Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61900639	Phạm Phan Huỳnh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61900640	Châu Mỹ Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13968

Trang: 1/2

Phòng thi: C311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61900379	Lê Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61900381	Trần Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61703086	Nguyễn Thị Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61800928	Nguyễn Hữu Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61900392	Trần Nguyễn Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61703099	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61900410	Bùi Thị	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61900416	Trần Thị Thu	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61900429	Trần Đạt	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61900430	Trương Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61900455	Trần Thanh Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61900461	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61900488	Võ Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61900497	Trương Trần Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61900507	Lê Hoài	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61703181	Đỗ Thị Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61900530	Nguyễn Thị Minh	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61900532	Võ Thị Nhã	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61900548	Huỳnh Trần Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61703206	Nguyễn Đăng Phúc	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13968

Trang: 2/2

Phòng thi: C311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61900557	Tô Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61703207	Ngô Nguyễn Nhật	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61900564	Võ Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61900576	Nguyễn Thị Hồng	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61800671	Lê Ngọc Mai	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13969

Trang: 1/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61900816	Bùi Thị Thanh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61900820	Võ Thành	Chung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61900825	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61900832	Lã Thị Mai	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61900834	Phạm Thị Ngọc	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61900835	Trương Thị Kiều	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61900846	Võ Nguyễn Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61900850	Nguyễn Mỹ	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61900698	Nguyễn Thị	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61900855	Phan Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61900857	Lưu Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61900702	Ngô Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61900860	Lữ Cao	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61900707	Lê Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61900867	Nguyễn Võ Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61900871	Đào Thị	Sony		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61900873	Huỳnh Văn	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61900874	Chẽ Ngọc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61900875	Châu Thị Ngọc	Thiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61900876	Phạm Thị Tiên	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13969

Trang: 2/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Sinh học phân tử (603103 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61900583	Trần Vĩnh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61900882	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61900885	Phan Huỳnh Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61900887	Phan Hiền	Tỵ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61900625	Nguyễn Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61900888	Huỳnh Phúc	Viễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61900891	Nguyễn Thanh Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	61900893	Đoàn Thị Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13913

Trang: 1/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (001180 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701001	Hoàng Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01801353	Trần Vũ Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800015	Nguyễn Hoàng Khả	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800971	Trần Thị Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01800337	Nguyễn Thị Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01701571	Phạm Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01800421	Vũ Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800422	Nguyễn An	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01800930	Đỗ Quang	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800359	Nguyễn Nhật	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01800993	Huỳnh Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800483	Phạm Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01800490	Hoàng Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01801010	Bùi Lưu Nhật	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801016	Lưu Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01603135	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01800518	Nguyễn Thảo	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801018	Tiền Ngọc	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01800533	Nguyễn Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01800536	Nguyễn Ngọc Thực	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13913

Trang: 2/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (001180 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01701429	Nguyễn Thị Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01701105	Nguyễn Ngọc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01800114	Tôn Thị Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01800570	Phạm Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01800953	Nguyễn Thanh Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01801037	Phạm Nguyễn Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01801380	Ngô Đức Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13914

Trang: 1/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (001180 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800392	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800965	Vũ Ngọc Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800402	Bùi Thị Ngọc	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800893	Lê Tuyết Hồng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01800014	Nguyễn Minh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01800984	Nguyễn Việt	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01800895	Võ Thị Thúy	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800035	Phạm Thị Kim	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01800038	Trương Thái Tuân	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800992	Trần Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01800994	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800997	Nguyễn Vũ Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01800052	Trần Trương Sĩ	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01801006	Lương Thiện	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01800489	Hồ Khánh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01800901	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01800505	Đặng Phương	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01800069	Nguyễn Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01800532	Đinh Mai	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801029	Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13914

Trang: 2/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (001180 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01800108	Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01801340	Nguyễn Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01801043	Lê Khả	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01801047	Nguyễn Thụy Uyển	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01800146	Dương Nữ Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01800147	Lại Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01801052	Lê Vũ Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	01801053	Lương Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	01800155	Lý Nhã	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	01801055	Nguyễn Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13735

Trang: 1/1

Phòng thi: E0305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01603004	Huỳnh Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01701558	Trịnh Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900928	Lê Thị Lan	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900932	Nguyễn Đoàn Khánh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900937	Lâm Phương	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01701207	Nguyễn Kim	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900993	Phạm Vũ Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01901005	Trương Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01901006	Lê Thị	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01901007	Trần Nguyễn Ánh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01901012	Hồ Nguyễn Hoài	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01901023	Võ Trần Duật	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01901028	Nguyễn Thị Thúy	Ny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01901038	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01603102	Nguyễn Thị Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701677	Phạm Nữ Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01801294	Trương Thị	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701525	Nguyễn Hải	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13736

Trang: 1/1

Phòng thi: E0306

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901332	Nguyễn Thu	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01403169	Trịnh Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71704332	Võ Thị Hương	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01901041	Cao Ngọc	Quyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01901045	Trịnh Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01901046	Trương Quách An	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01901335	Lưu Tố	San		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	11900467	Leang	Sopheakk		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01901056	Lâm Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01901058	Đoàn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01901338	Đặng Như	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01901339	Dương Thị Hạnh	Tiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01901095	Võ Thị Mộng	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01901209	Nguyễn Bùi Khánh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01901102	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01901210	Nguyễn Phạm Nhà	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01901107	Nguyễn Thị Tố	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01901130	Trần Thị Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13734

Trang: 1/1

Phòng thi: E0308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901330	Trần Bội Dinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900991	Nguyễn Dương Hoài My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01901004	Thái Thị Mỹ Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01901334	Huỳnh Ngọc Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01901016	Nguyễn Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01901019	Hà Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01901037	Lê Thị Thanh Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01901205	Lỗ Diệu Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01901043	Phạm Thị Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01901049	Phan Việt Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01901207	Đồng Thị Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01901063	Lê Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01901088	Nguyễn Thị Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01901096	Trần Nguyên Quốc Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01901097	Trương Việt Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01901100	Danh Nguyễn Phương Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01901129	Trần Ngọc Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13732

Trang: 1/1

Phòng thi: E0312

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901326	Cao Hoàng Lâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900998	Trần Lâm	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01901000	Trần Nguyễn Ngọc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01901001	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01901011	Đào Thị Quế	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01901202	Đặng Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01901020	Nguyễn Lê Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01901031	Dương Thị Thương	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01901040	Trần Dũ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01901206	Nguyễn Tân	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01901052	Hà Tân	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01901057	Nguyễn Thanh	Thoản		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01901070	Tạ Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01901074	Nguyễn Thị Kiều	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01901087	Ngô Thị Phương	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01901091	Huỳnh Ngọc Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01901094	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01901344	Lưu Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01901124	Nguyễn Hoàng Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13733

Trang: 1/1

Phòng thi: E0313

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:16

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900921	Võ Văn Cảnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900930	Lê Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01701013	Nhan Thị Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900941	Phạm Hướng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900945	Trần Thị Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900952	Lê Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900957	Đặng Gia			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900967	Huỳnh Văn Bá			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900973	Bùi Thị Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900981	Dương Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900990	Ngô Nguyễn Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01701320	Trương Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900345	Lê Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701082	Văn Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701132	Nguyễn Thị Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701507	Đinh Thị Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13729

Trang: 1/1

Phòng thi: E0314

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900907	Đoàn Bảo	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900909	Huỳnh Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900915	Bùi Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701560	Phạm Thị Bích	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801182	Nguyễn Thị Trang	Đài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900934	Huỳnh Thị Phương	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900938	Lê Phạm Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01703060	Nguyễn Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01701237	Nguyễn Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900955	Huỳnh Kim	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900960	Nguyễn Thị Mai	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800889	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801215	Trần Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01801233	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701626	Tăng Nguyễn Quỳnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701400	Nguyễn Hương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01701668	Võ Thị Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701526	Phạm Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13730

Trang: 1/1

Phòng thi: E0401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901327	Đặng Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01901331	Lê Việt	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900965	Trần Thị Thu	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900994	Đỗ Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01901017	Trần Lê Hương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01901337	Dương Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01901066	Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01901068	Phạm Đình Anh	Thục		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01901071	Phan Hiếu Đan	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01901084	Hoàng Thảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01901092	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01901109	Hồ Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01901113	Lê Hải	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01901114	Nguyễn Đoàn Tuyết	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01901115	Nguyễn Kim	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01901342	Hoàng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01901119	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01901120	Phan Hà Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01901128	Phạm Hoàng	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13731

Trang: 1/1

Phòng thi: E0402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 7:30

SL:16

Lần:1

Môn học: Nghe 1 (001120 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900926	Đào Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01701191	Võ Thị Kiều	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900943	Nguyễn Trần Mỹ	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900949	Nguyễn Thị Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900950	Nguyễn Tôn Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703074	Trần Thị Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900951	Phù Thị	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01701589	Nguyễn Nữ Thanh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900962	Tô Thị Kim	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900986	Đinh Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01701394	Võ Thị Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703135	Nguyễn Thị Nguyệt	Quế		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701527	Trần Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701528	Trịnh Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01800306	Trương Thị Kim	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701541	Hà Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13843

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 96 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31800521	Trần Chí Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71800931	Nguyễn Công Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61800729	Lê Thị Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800865	Trần Thị Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800875	Nguyễn Trọng Hình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71800991	Trần Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61800941	Đỗ Thị Thúy Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61800945	Hoàng Kim Hướng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71801008	Tạ Thị Mai Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71800508	Vũ Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71801043	Nguyễn Đỗ Hồng Loan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61800961	Trần Thúy Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61800583	Nguyễn Trần Phụng Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61800588	Nguyễn Xuân Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31800186	Phạm Ngọc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61800980	Nguyễn Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800192	Lâm Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61800841	Trần Nguyễn Thanh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41800058	Nguyễn Chế Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61800095	Vũ Lê Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13843

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 96 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61801002	Trần Ngọc Mỹ	Thuận		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	31800268	Nguyễn Diễm	Thy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	31800596	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	61800898	Lê Quốc	Việt		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	71800891	Nguyễn Tường	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13844

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 96 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800786	Chau Mènh	Chu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801628	Phạm Quang	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800973	Phạm Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01801084	Tất Thúy	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801086	Nguyễn Thị Diệu	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01800035	Phạm Thị Kim	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801005	Phùng Khánh	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801648	Nguyễn Ngọc	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21800423	Trần Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71801838	Vũ Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21800526	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01801244	Ngụy Ngọc Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01800509	Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800072	Trương Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21800536	Trần Mỹ	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71802093	Trần Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800636	Trương Đức	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801270	Dung Tú	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01801142	Cao Chân Mỹ	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71801886	Nguyễn Quốc Vĩnh	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13844

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 96 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01801143	Hồ Thị Ngọc	Thúy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	71801901	Nguyễn Ngọc Minh	Thy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	21800577	Vũ Thị Thu	Trà		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	71801671	Đỗ Thị Thanh	Tuyền		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	21800397	Đặng Hà Song	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
26	01801045	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
27	01800155	Lý Nhã	Yến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13842

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 96 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1800452	Lê Thị Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800158	Nguyễn Huỳnh Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1800126	Trần Lê Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1800456	Trần Văn Đức	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1800459	Phạm Khang	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800171	Trần Bạch	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71802217	Lê Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1801652	Ngô Duy	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1800465	Trần Thị Hải	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800179	Ngô Cẩm	Lin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71802241	Phạm Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1800466	Phan Hải	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800367	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1800088	Nguyễn Thị	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1800268	Nguyễn Thị Khánh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1800089	Trương Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1800294	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800474	Bùi Thị Như	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1800301	Phạm Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1800475	Phạm Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13842

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 96 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800304	Phạm Thị Thúy	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1701324	Phonebandith	Phetlinda		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1800626	Trương Văn	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1800481	Trần Minh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1801664	Phạm Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1800483	Đỗ Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41801271	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13846

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 97 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800001	Huỳnh Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801959	Đào Trần Hải Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1800554	Trần Thị Lương Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71802198	Nguyễn Thục Hạ Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1800170	Võ Thị Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1800176	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1800568	Nguyễn Thị Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C1800293	Trương Thị Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1800221	Lê Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800039	Hồ Kim Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01800051	Trương Thị Mỹ Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1800596	Trần Hoàng Bảo Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1800598	Võ Nam Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800254	Lư Gia Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1800603	Nguyễn Bá Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71802255	Nguyễn Phạm Phương Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71802275	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800624	Đặng Thị Ninh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91800565	Ung Thị Diễm Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01800098	Nguyễn Thị Mai Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13846

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 97 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800409	Nguyễn Huỳnh Kiều	Trinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
22	71802351	Hồ Thị Ngọc	Tuyễn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
23	E1800687	Nguyễn Ái	Vân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
24	71801943	Cao Thanh	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
25	01800148	Lê Thị Ngọc	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13847

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 97 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01801174	Trần Thái Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800399	Phạm Thị Ngọc Bích			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01801182	Nguyễn Thị Trang Đài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71800622	Diệp Khải Đồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801193	Đặng Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01801076	Nguyễn Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801358	Đỗ Quỳnh Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71800664	Mạc Phạm Quỳnh Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01800673	Nguyễn Hoàng Thu Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800889	Nguyễn Thị Thanh Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01801091	Lê Hoàng Nhã Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800256	Lê Thị Ngọc Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801007	Trần Thị Thanh Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800275	Trần Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801131	Trần Bùi Thảo Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01800281	Đỗ Thị Kim Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01800282	Trần Thị Mỹ Sa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01800543	Võ Thị Lê Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01801029	Nguyễn Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801282	Lê Thị Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13847

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 97 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01801379	Nguyễn Dương Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01800602	Mai Thị Mộng	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21800654	Bùi Thị	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01801306	Trần Kiến	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01801052	Lê Vũ Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01801055	Nguyễn Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13848

Trang: 1/1

Phòng thi: A603

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 98 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31800852	Nguyễn Thị Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	51800386	Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41801012	Trần Nhật	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800963	Bùi Ngọc Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41800326	Nguyễn Trường	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800625	Phùng Thị Diệu	Lê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71706297	Nguyễn Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800985	Lâm Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41703137	Trần Ngọc	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61703187	Võ Văn	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01701642	Lê Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31800645	Nguyễn Thảo	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800992	Ngô Đức	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800928	Trần Huyền	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701446	Trần Thị Diễm	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	51800753	Nguyễn Đình	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800320	Nguyễn Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701530	Thái Nhã	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	51800836	Phan Khánh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41703209	Trần Duy	Vượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13849

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 98 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	11800219	Nguyễn Châu Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	11704009	Vũ Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800402	Bùi Thị Ngọc	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91800201	Đoàn Nhật	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	11604006	Dương Trọng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	11701041	Đặng Hải	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81602052	Bùi Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21800038	Lưu Thị Thu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21800419	Lê Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	11601036	Lương Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11504042		Lượm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71802251	Võ Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81800665	Nguyễn Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01801237	Lâm Chấn	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	11702005	Tô Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	11800352	Đinh Trúc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800073	Lê Thị Hồng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	11601057	Lê Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	11604029	Ngô Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	11604031	Phạm Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13849

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 98 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	11800186	Nguyễn Ngọc Phương	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81800755	Phạm Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	11503086	Võ Thị Ngọc	Thân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71802301	Trần Nguyên	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81701171	Lý Hoàng	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	11501140	Nguyễn Ngọc Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13850

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 98 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31702039	Puih	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31702044	Nguyễn Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1600077	Trần Ngọc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81703012	Nguyễn Quang	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D1800326	Nguyễn Hoàng Minh	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D1800059	Trần Thành	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01800474	Đặng Vũ	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701328	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D1800077	Huỳnh Thị Ánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81702048	Vòng Pencil	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81800671	Phan Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	11701106	Đinh Hoàng	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800647	Nguyễn Dương Sang	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	11701116	Trương Thị Bích	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802114	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41602155	Nguyễn Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1701272	Lê Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701471	Trương Thị Phương	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1800116	Lê Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1800678	Tăng Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13850

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 98 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800757	Huỳnh Đặng	Trường		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	41801069	Nguyễn Duy	Trường		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	E1800693	Phan Thanh	Việt		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	01503079	Nguyễn Huỳnh Hải	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13856

Trang: 1/1

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:12

Lần:1

Môn học: Ứng dụng tin học trong ngành môi trường (902067 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	917H0001	Thái Lê Vĩnh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	917H0004	Trần Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	917H0006	Đào Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	917H0007	Nguyễn Gia	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	917H0009	Trần Nguyễn Hoàng	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	917H0011	Trần Hoài Tú	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	917H0015	Văn Thị Minh	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	917H0017	Phạm Gia	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	917H0018	Nguyễn Nhật	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	917H0021	Trần Kim	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	917H0022	Nguyễn Lập	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	917H0023	Nguyễn Thị Trường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13835

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 95 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71800002	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01801171	Trần Thị Hoài	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01801172	Võ Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01801176	Phan Hạnh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801177	Lê Đoàn Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800685	Lê Văn	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801189	Đoàn Thị Hồng	Gấm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01801191	Nguyễn Thị	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41801117	Nguyễn Bảo	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61800752	Trần Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61800775	Đỗ Đức	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61800968	Phạm Thị Tuyết	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801226	Dương Thị Thanh	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61800373	Ngô Ngọc Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31800568	Đoàn Vĩnh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61800824	Lê Huỳnh Minh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61800825	Nguyễn Hải	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801138	Lê Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01801375	Đỗ Mạnh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61800851	Nguyễn Hữu	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13835

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 95 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01801277	Ngô Thu Thảo			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	31800453	Nguyễn Huỳnh Thư			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	01801293	Trần Thanh Tuân			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	61800902	Võ Tân Vũ			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	61800695	Nguyễn Thảo Vy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....			
2/ .....		2/ .....			

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13841

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 95 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91703010	Phạm Thế Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D1800300	Nguyễn Thị Linh Chi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71802393	Phạm Thanh Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1800025	Phạm Thị Ngọc Giàu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71800116	Đoàn Thị Diễm Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71802414	Đặng Thị Thu Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71802005	Nguyễn Thanh Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D1800320	Đặng Trọng Hữu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71801783	Quách Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71802424	Nguyễn Thị Mỹ Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1800590	Nguyễn Thanh Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1800237	Nguyễn Lê Yến Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71802033	Lê Nguyễn Như Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D1800061	Đỗ Huỳnh Quang Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802441	Lý Phương Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D1800348	Ngô Hùng Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1800298	Trần Bảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1800072	Trương Phạm Hoài Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1800090	Lâm Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71801489	Phạm Thành Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13841

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 95 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1800293	Hồ Võ Kim	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71801504	Lưu Kim	Tôa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71801607	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1800688	Nguyễn Thị	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D1800155	Lê Nguyễn Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1800450	Mai Bình	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13834

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 95 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800390	Nguyễn Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800646	Lê Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800974	Thạch Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800227	Nguyễn Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01800228	Nguyễn Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01800986	Nguyễn Thị Thúy	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01800236	Nguyễn Diệu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800447	Thang Chấn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01801092	Võ Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800990	Lê Minh	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01800991	Nguyễn Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800687	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01800483	Phạm Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800830	Võ Trần Thảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801014	Trần Hán	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71800277	Lê Văn Hữu	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01800518	Nguyễn Thảo	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01800852	Vũ Thị Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01800540	Lê Nhựt	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01800737	Đặng Phú	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13834

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 95 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71801492	La Xuân	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01801031	Phạm Huy	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01801032	Đặng Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01800294	Nguyễn Võ Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01800295	Chung Mỹ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01800297	Nguyễn Huỳnh Ngọc Lam	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01800131	Nguyễn Thị Cẩm	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H1800358	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	01800311	Phùng Phạm Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13845

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 97 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71801742	Cao Tâm	Cát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801745	Phạm Thị Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61800925	Trần Văn	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41800012	Huỳnh Tân Đăng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41801103	Nguyễn Trần	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41800300	Phan Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71801756	Phan Ngọc Kỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41801019	Đỗ Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71801809	Đoàn Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41801188	Vũ Xuân	Ngàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800398	Lê Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71801651	Hồ Lê Phi	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41801037	Thạch Si	Nô		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71801703	Trương Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71801595	Lê Vy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71800471	Nguyễn Phạm Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41800434	Phạm Ngọc	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31800446	Vũ Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41800762	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41801252	Thành Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13845

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 97 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800207	Hồ Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41801263	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61800125	Phạm Nhật Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41801270	Nguyễn Sỹ	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41801275	Võ Văn	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71801929	Âu Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71801611	Nguyễn Văn	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13799

Trang: 1/1

Phòng thi: B202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1665	Đinh Nguyễn Thục Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1690	Nguyễn Đức Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1441	Nguyễn Thị Tuyết Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1448	Phạm Nguyễn Tố Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1720	Đoàn Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1498	Lê Ích Trường Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1752	Trần Thị Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1507	Huỳnh Trung Thạch			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1758	Nguyễn Trương Đoan Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H1764	Nguyễn Thị Cẩm Thị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1519	Nguyễn Thị Cẩm Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1520	Lê Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1523	Trần Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1527	Nguyễn Trương Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1534	Trần Duy Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1539	Nguyễn Hoàng Quỳnh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1547	Lê Nguyễn Phúc Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1550	Đỗ Phan Thị Anh Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1578	Trần Hải Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13800

Trang: 1/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1353	Lê Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	717H0272	Trần Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0017	Phó Hỷ	Dinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	717H0293	Nguyễn Thị Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H0021	Võ Cát	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1391	Nguyễn Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71800024	Phạm Nguyễn Thái	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	717H0317	Nguyễn Hồ Xuân	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H0683	Nguyễn Ngọc	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H2115	Lê Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H0152	Lê Thái	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0047	Vũ Hải	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0176	Nguyễn Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0182	Trần Khoa Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0752	Trịnh Như	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71801876	Nguyễn Hữu	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1293	Nguyễn Thị Kiều	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1785	Nguyễn Hoài	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H0212	Vương Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1788	Nguyễn Đài	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13800

Trang: 2/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H0783	Đỗ Nguyễn Ánh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H0104	Nguyễn Xuân	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	718H1808	Trần Vũ Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13801

Trang: 1/1

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1843	Võ Nguyễn Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1600	Nguyễn Thị Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1608	Lê Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1630	Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1649	Đặng Xuân	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71600041	Nguyễn Thái	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1425	Trần Khánh	Lê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1713	Nguyễn Mai Thúy	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1734	Trần Ngọc	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H1475	Lê Công Tấn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1499	Nguyễn Minh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1500	Nguyễn Thị Ngọc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1521	Lương Xuân	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1525	Trần Ngọc My	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1535	Nguyễn Hữu	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1542	Hoàng Vũ Đài	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	618H0075	Đào Quốc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13802

Trang: 1/1

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1365	Nguyễn Quốc	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H0661	Trần Phương	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0662	Nguyễn Xuân	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1374	Huỳnh Thị Kiều	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1375	Lê Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H0669	Tô Ngọc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H0144	Trương Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H0030	Trần Thị	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1406	Đoàn Thanh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H0153	Nguyễn Trọng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H0698	Nguyễn Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0699	Nguyễn Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0053	Dương Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0179	Võ Hữu Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0759	Nguyễn Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H0091	Tống Quốc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H0598	Nguyễn Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H0095	Nguyễn Thị Thùy	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H0606	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H0632	Nguyễn Minh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13803

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71800601	Lê Thị Tuyết	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1145	Vũ Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0492	Lý Ái	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1411	Phan Công Minh	Hy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	717G0013	Lâm	Hỷ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H0034	Nguyễn Hồ Ngọc	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1420	Võ Thị Thúy	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H0039	Dao Tú	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71802029	Phan Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H0527	Nguyễn Huy	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1460	Trần Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1239	Nguyễn Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0059	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	618H0179	Đoàn Nguyễn Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1474	Phan Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1489	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1509	Diệp Thiên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1528	Trần Thị Ánh	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1530	Võ Thị Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H0769	Phạm Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13803

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H0622	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H0633	Bảo Thùy Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	718H0637	Nguyễn Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13804

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1588	Nguyễn Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1616	Hoàng Minh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1621	Nguyễn Tân Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H2106	Lý Lê Khả Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H2120	Võ Thành Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1682	Huỳnh Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H2128	Vy Nhật Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1712	Lê Cao Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1715	Nguyễn Thị Minh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H2148	Trương Định Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1731	Nguyễn Phạm Yên Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0187	Nguyễn Thu Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1748	Huỳnh Thị Kim Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1756	Lê Nhật Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1767	Nguyễn Thị Minh Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1772	Nguyễn Ngọc Như Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1554	Lê Thành Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1556	Phạm Duy Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1557	Đoàn Minh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1800	Sơn Hà Mỹ Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13804

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1569	Nguyễn Hoàng Quang	Vinh		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13805

Trang: 1/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71800098	Khuê Toàn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H0480	Lê Thành Công			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0484	Võ Ngọc Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H0487	Lê Thùy Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H0666	Nguyễn Quốc Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H0499	Nguyễn Tố Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H0033	Trương Nguyễn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H0519	Đỗ Thị Hương Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H0156	Lê Hoàng Phương Liên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H0530	Trần Đặng Thảo Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H0707	Lý Thị Thùy Mị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0554	Trương Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0558	Lê Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0066	Vương Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0736	Lý Thị Ngọc Nữ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H0565	Nguyễn Võ Vân Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H0070	Nguyễn Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H0200	Phạm Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H0580	Hồ Thị Thị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H0591	Trương Đỗ Gia Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13805

Trang: 2/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H0605	Nguyễn Duy Phương	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H0616	Đào Quốc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	718H0112	Ngô Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	718H0115	Trần Ngọc Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13806

Trang: 1/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1343	Bùi Thúy	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	717H0265	Vương Hồng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1358	Vũ Thị Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1367	Kiều Minh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71607009	Đàm Lê Đỗ	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H2101	Trần Ngọc Thu	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1643	Đinh Bảo Ngọc	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1400	Đoàn Hữu	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1403	Lê Thị Phương	Huê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	717H0322	Phan Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1413	Trần Tâm	Khảm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1434	Trần Thành	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1699	Lưu Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1709	Phạm Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1717	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1467	Huỳnh Bình	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H2154	Nguyễn Lưu Yến	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1468	Phạm Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1471	Võ Trần Ái	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1769	Trần Nguyễn Minh	Thư'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13806

Trang: 2/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1532	Trịnh Thị Thanh	Thủy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	718H1780	Bùi Nguyễn Vĩnh	Tiến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	718H1572	Trần Anh	Vũ		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	718H1573	Đinh Hoàng Thảo	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	718H1814	Mai Thúy	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13807

Trang: 1/1

Phòng thi: B210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H0008	Phạm Ngọc Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1595	Hà Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1597	Trần Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H0020	Trương Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1626	Đoàn Lê Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	717G0012	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1641	Nguyễn Kim	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1659	Dương Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H0035	Nguyễn Ngọc Trang	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H1431	Nguyễn Đức Đại	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1692	Nguyễn Tú Minh	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1438	Trương Huệ	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0061	Nguyễn Trần Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1513	Nguyễn Ngọc Lam	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1775	Trần Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1782	Phan Nhật	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1536	Châu Hồng Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1553	Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H2190	Nguyễn Anh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1799	Lê Quang	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13775

Trang: 1/1

Phòng thi: B211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1345	Hoàng Nhân An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1349	Đinh Ngọc Trâm Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1361	Phùng Tiểu Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1363	Võ Lê Quỳnh Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1372	Ngô Phối Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1377	Nguyễn Thị Hoài Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H0063	Trương Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H0557	Võ Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H0183	Đinh Thị Thùy Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H0567	Trương Khánh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H0574	Hà Đăng Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0076	Đoàn Minh Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0578	Nguyễn Hữu Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0592	Nguyễn Thị Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0092	Phạm Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H0614	Nguyễn Thiên Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H0105	Lê Trần Minh Tuấn Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H0631	Ngô Nguyễn Quang Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H0635	Lê Đăng Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H0642	Nguyễn Phan Như Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13776

Trang: 1/1

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1593	Khương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1619	Phan Kim	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0663	Trần Minh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H2098	Nguyễn Đình Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H0024	Ngô Thị Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H1652	Nguyễn Việt	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H1422	Đỗ Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1426	Hoàng Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1433	Nguyễn Phan Minh	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H1697	Võ Đoàn Triệu	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H0050	Trần Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	717H0389	Lê Hoàng Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1466	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1481	Trương Thiên	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1501	Trần Thảo	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1517	Bùi Lê Phú	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H2170	Lương Thị Ngọc	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1784	Lê Thị Thu	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1806	Lê Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1575	Đoàn Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13777

Trang: 1/1

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1139	Nguyễn Thị Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H0127	Phạm Trần Cẩm	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0659	Trần Thị Thu	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1378	Trần Lê Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1383	Trần Thị Kiều	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	718H0496	Trần Ngọc Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H0139	Võ Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1396	Đặng Thị Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H1398	Nguyễn Huỳnh Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H0685	Đỗ Thị Thu	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1410	Nguyễn Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0042	Nguyễn Trần Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0552	Lê Mỹ	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0734	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H0068	Nguyễn Đồng	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H0195	Phùng Thị Trúc	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1284	Nguyễn Trần Minh	Thuy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H0602	Nguyễn Thái Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H0629	Hà Nguyên	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13778

Trang: 1/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H0006	Bùi Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	717H0270	Phan Lê Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H0126	Nguyễn Trung	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H0011	Lê Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H0490	Võ Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71600023	Nguyễn Hồng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71800251	Mai Huy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61703141	Hứa Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H0524	Lê Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	717H0579	Phạm Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H0536	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H0177	Nguyễn Xuân	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H0184	Nguyễn Văn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H0737	Trần Thị Thúy	Ny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1490	Nguyễn Thiện	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	717H0413	Bùi Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71801872	Nguyễn Lương Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1516	Nguyễn Thị Anh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H0600	Lê Thị Bích	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H0611	Nguyễn Thị Thực	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13778

Trang: 2/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H0780	Trần Thị Đan	Trinh		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	718H0107	Nguyễn Trần Bích	Tuyễn		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13779

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	718H1625	Đỗ Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H1380	Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1384	Nguyễn Thị Tân	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H2109	Phạm Trần Thanh	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1650	Đoàn Ngọc	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71704297	Trương Lâm Khánh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	718H0696	Nguyễn Thị Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	718H1428	Nguyễn Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	718H0715	Lê Thị Huyền	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	718H1450	Đặng Bội	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	718H1451	Dương Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	718H1716	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	718H1733	Phạm Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	718H1479	Phan Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	718H1480	Trần Huỳnh Minh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	718H1491	Ngô Đình Anh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	718H1492	Lưu Đức	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	718H1508	Bùi Vũ Xuân	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1760	Lê Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	718H1544	Nguyễn Hoàng Minh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13779

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính (B02037 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	718H1549	Nguyễn Hải	Triều		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪	
22	719H1195	Võ Ngọc Phương	Trinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13724

Trang: 1/1

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900007	Trương Thị Kim An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900024	Trần Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900080	Trương Hồ Nhất Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900093	Đoàn Thị Lệ Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900108	Hồ Bảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900110	Lê Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01800031	Phùng Kiều Hoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01801209	Giang Bửu Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900191	Nguyễn Lê Gia Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900203	Hà Thiên Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900204	Nguyễn Thành Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01801224	Đinh Hoàng Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900211	Nguyễn Huỳnh Xuân Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900246	Lê Hoàng Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900270	Lâm Triệu Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900271	Nguyễn Gia Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900283	Nguyễn Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801283	Nguyễn Bảo Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13725

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901293	Đặng Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900289	Nguyễn Thị Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900302	Nguyễn Thị Thảo		Nguyên	•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900309	Trần Gia Nguyễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900332	Lưu Đinh Tố Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900341	Tô Nguyễn Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900345	Lê Trung Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900376	Nguyễn Thị Hồng Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900383	Đào Tạ Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900389	Nguyễn Xuân Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900393	Ngô Nguyễn Châu Sa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900403	Trần Thiện Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900437	Bùi Thị Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900462	Hoàng Thị Hồng Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900472	Bành Thị Thúy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900505	Võ Hồng Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900507	Nguyễn Phan Đoan Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900512	Phạm Quốc Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900516	Nguyễn Huy Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900544	Trần Nguyễn Khánh Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13725

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900561	Võ Lê Khánh	Vy		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01900578	Ngô Hải	Yến		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13726

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900005	Trần Phan Trưởng	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900011	Hứa Mỹ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900039	Võ Đại	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900076	Lê Thái	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900092	Đoàn Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900111	Nguyễn Đặng Hồng	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900114	Phan Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900157	Nguyễn Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900195	Phạm Thị Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900209	Huỳnh Huỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900238	Trần Thị Thanh	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900240	Cao Huỳnh Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900257	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01703113	Tôn Trần Thảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900275	Đặng Võ	Nghiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900276	Đào Nguyễn Hiền	Ngoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900282	Lê Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900307	Trần Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900316	Lê Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900321	Nguyễn Thị Lan	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13726

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900322	Nguyễn Thị Phương Nhi			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13727

Trang: 1/1

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901292	Trần Khưu	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01703056	Triệu Khánh	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01901296	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01703081	Đào Thị	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703106	Tô Ái	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703121	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900328	Võ Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900331	Huỳnh Thị Hạnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900344	Trần Lê Diệp	Phan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900355	Lê Thị Ngọc	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703130	Huỳnh Lệ	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01701408	Phạm Thu	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900404	Nguyễn Cao	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900436	Lê Thị	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900465	Nguyễn Thị Xuân	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900477	Phan Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01901167	Trần Thị Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900520	Trương Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01603129	Huỳnh Châu Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900562	Võ Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13728

Trang: 1/1

Phòng thi: B309

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900004	Phạm Thị Thuý	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900038	Huỳnh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900055	Trần Biên	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800969	Đào Thụy Hồng	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900058	Nguyễn Thị Hồng	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900061	Quách Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900072	Đặng Ngọc Yến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900109	Huỳnh Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900118	Võ Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900134	Trần Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900135	Trần Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900146	Huỳnh Thị Diễm	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900168	Phạm Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800242	Võ Thị Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900169	Huỳnh Dương	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900185	Nguyễn Huỳnh Tiểu	Lăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900249	Lê Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701058	Trần Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900311	Nguyễn Thị Cẩm	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01701630	Nguyễn Xuân Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13742

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901133	Phạm Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01901295	Diệp Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01901297	Hồ Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01901147	Phó Thục	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01901005	Trương Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900314	Võ Hữu	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900334	Nguyễn Hoàng	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900342	Võ Minh	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900358	Đào Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900378	Phạm Thị Mỹ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900382	Cao Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900385	Lê Thị Thúy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900394	Lý Kim	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	11900467	Leang	Sopheakk		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900432	Lương Quốc	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900434	Nguyễn Trần Anh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900487	Lương Vĩ	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01901303	Liêu Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900523	Nguyễn Thị Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900528	Phạm Thị Mộng	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13742

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900534	Nguyễn Mai Nhật Uyên			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13743

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900033	Lại Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900050	Từ Ngọc Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900063	Cao Ngọc	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900068	Mai Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900071	Lưu Nguyễn Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900078	Phan Nguyễn Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900088	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900126	Nguyễn Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900129	Nguyễn Thị	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900138	Võ Nguyên Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900143	Huỳnh Lê Ngọc	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900148	Huỳnh Thị Diễm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900158	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900174	Đinh Thùy Thảo	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900176	Phạm Trần Ngọc	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900184	Nguyễn Thị Thanh	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900190	Huỳnh Tuyết	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900198	Trần Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900199	Trần Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900229	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13743

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900239	Bùi Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01801288	Đào Huỳnh Phi Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01800917	Nguyễn Nhật Triệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13744

Trang: 1/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01901294	Lâm Chí Dĩnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900098	Nguyễn Hạ Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900250	Lê Thị Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900324	Nguyễn Thị Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900340	Nguyễn Trương Yến Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900354	Trần Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900396	Hồ Thị Diễm Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900409	Nguyễn Thụy Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900410	Phạm Thị Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900413	Trương Từ Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900421	Nguyễn Trường Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900441	Huỳnh Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900444	Nguyễn Hà Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900455	Nguyễn Võ Hoà Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E18H0085	Đại Xuân Thủy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900471	Phạm Mai Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900476	Lê Thị Thùy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900497	Trần Bảo Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900501	Mai Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900506	Nguyễn Ngọc Châu Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13744

Trang: 2/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900513	Nguyễn Thị Thuý	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01900515	Trần Thị Như	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01900558	Tôn Phạm Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13745

Trang: 1/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01900017	Nguyễn Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900019	Nguyễn Thị Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900025	Trần Nguyễn Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900026	Trần Thị Mỹ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900027	Trương Đoàn Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900028	Trương Thị Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900031	Võ Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900035	Nguyễn Khánh	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01900041	Bùi Lương Kim	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01900047	Lê Thị Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900082	Đào Bích	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900104	Trần Lê Vỹ	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900137	Nguyễn Hòa	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900145	Lê Thị Kim	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900149	Nguyễn Huỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900171	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900189	Dương Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900193	Nguyễn Thị Hồng	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900212	Nguyễn Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900216	Nguyễn Châu Huệ	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13745

Trang: 2/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900219	Huỳnh Ngọc Minh			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13746

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701160	Lưu Minh Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01900224	Đinh Thị Huyền	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900225	Huỳnh Lê Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01900228	Nguyễn Thị Du	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01900230	Vi Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900233	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01900251	Nguyễn Châu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900268	Đặng Mẫn	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01901298	Lê Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01901299	Lê Thu	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01900284	Nguyễn Hoàng Cẩm	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01900286	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01900303	Phạm Thị Phương	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01900347	Huỳnh Nhật	Phối		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01900359	Lê Khả	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900422	Phan Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01900445	Nguyễn Lê Nhã	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01900469	Nguyễn Lê Khả	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01900500	Cao Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900522	Nguyễn Võ Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13746

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Dẫn luận ngôn ngữ (001164 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01900538	Đinh Thảo Vân			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01900552	Iprohime Thúy Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13808

Trang: 1/1

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41800812	Võ Cao	Đinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0028	Lê Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	418H0029	Bùi Văn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	418H0170	Nguyễn Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	418H0125	Đinh Duy	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	418H0032	Nguyễn Quốc	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0067	Trần Tuân	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0358	Lê Quang	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0270	Trần Minh Nghĩa Phú	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	418H0275	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41800191	Hồ Lê Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	418H0071	Phạm Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0295	Phạm Văn	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	418H0139	Bùi Long	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	418H0309	Phạm Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	418H0353	Lê Văn	Út		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	418H0357	Phạm Lê	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13809

Trang: 1/1

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 20 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	418H0417	Mai Quý	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0418	Trịnh Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	418H0424	Lê Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	418H0395	Nguyễn Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	418H0397	Lương Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	418H0438	Trương Đình Duy	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0398	Nguyễn Quế	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0440	Trần Duy	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0443	Nguyễn Đăng	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	418H0446	Nguyễn Thành	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	418H0456	Hoàng Văn	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	418H0458	Phạm Nguyên Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0375	Võ Huỳnh	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	418H0462	Lê Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	418H0379	Phạm Nguyễn Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	418H0486	Nguyễn Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	418H0489	Lâm Thành	Tây		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	418H0494	Lê	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	418H0498	Lê Quốc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	418H0505	Nguyễn Tiến	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13810

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 21 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41606011	Nguyễn Ngọc	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0099	Ngô Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	418H0027	Phan Đình	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	417H0175	Từ Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	417H0179	Lê Hoàng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	417H0185	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0009	Đỗ	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	417H0193	Võ Đại Hiệp	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	417H0061	Hồ Minh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41606032	Lê Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	417H0075	Huỳnh	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	417H0095	Lê Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	417H0211	Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	417H0103	Đỗ Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41606067	Nguyễn Trung	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41606068	Nguyễn Ngọc	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	417H0114	Nguyễn Bảo	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	417H0225	Nguyễn Nhật	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	417H0226	Phan Thanh Hoàng	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	417H0125	Lê Nguyễn Thành	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13810

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 21 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	417H0130	Phan Huỳnh Thế	Vinh		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13811

Trang: 1/1

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 21 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	418H0360	Phan Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0419	Vũ Thế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	418H0219	Mạc Hoàng Thái	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	418H0363	Ninh Thế Vĩnh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	418H0167	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	418H0433	Bùi Văn	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0368	Lâm Khánh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0402	Trần Ngọc	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0380	Phan Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	418H0134	Hoàng Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	418H0382	Hà Mai	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	418H0146	Đoàn Xuân	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0320	Trần Bảo	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	418H0495	Nguyễn Bảo	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	418H0208	Lục Hoàng	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	418H0507	Phạm Lê Quang	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	418H0389	Nguyễn Phúc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	418H0392	Nguyễn Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13825

Trang: 1/1

Phòng thi: B408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 22 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	418H0001	Nguyễn Trần Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0224	Nguyễn Phan Duy	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	418H0233	Nguyễn Hữu	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	418H0054	Nguyễn Ngọc Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	418H0005	Đinh Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	418H0112	Nguyễn Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0119	Trần Ngọc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0252	Trương Lê Hiệp	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0120	Lê Đình Bảo	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	418H0264	Võ Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41801180	Huỳnh Gia	Lực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	417H0143	Hoàng Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0072	Hà Khang	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	418H0077	Phạm Phong	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	418H0145	Lương Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	418H0081	Nguyễn Thành	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	418H0020	Trần Thiên	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41800427	Nguyễn Quang	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	418H0150	Nguyễn Minh	Thìn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13826

Trang: 1/1

Phòng thi: B409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 22 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	418H0420	Lê Hoàng	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0428	Trần Đức	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	418H0432	Chế Lan	Đô		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	418H0451	Nguyễn Tiến	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	418H0373	Nguyễn Phi	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	418H0271	Đỗ Minh	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0272	Đỗ Quang	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0281	Nguyễn Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0467	Võ Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	418H0303	Huỳnh Hoàng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	418H0304	Trần Đoàn	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	418H0408	Nguyễn Đình Anh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0306	Võ Trí	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	418H0307	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	418H0484	Hồ Đăng	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	418H0492	Nguyễn Minh	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	418H0502	Bùi Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13797

Trang: 1/1

Phòng thi: B410

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900010	Nguyễn Tiến	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900011	Võ Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81800530	Nguyễn Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900030	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900032	Phạm Kiên	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81403070	Huỳnh Phương	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81800375	Thái Đình	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81800222	Nguyễn Kim	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81800558	Nguyễn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900075	Trần Thị Lan	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900078	Lê Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900082	Võ Ngọc Xuân	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81403045	Lâm Diễm	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900109	Nguyễn Thanh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81800042	Hồ Triệu Gia	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81800594	Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800309	Lương Hoàng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81800072	La	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81800453	Nguyễn Nhật	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13798

Trang: 1/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900456	Trần Chính	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900399	Trần Trung	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900402	Trần Hữu	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900463	Võ Văn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900465	Dương Minh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900405	Trần Mạnh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900408	Ngô Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900344	Lê Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900475	Phan Văn	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900141	Dương Tấn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900428	Nguyễn Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900168	Nguyễn Chí	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900436	Nguyễn Hòa	Tặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900178	Nguyễn Đức	Tây		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900192	Trần Phước	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900439	Trần Phước	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900193	Nguyễn Trần Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900195	Phạm Thanh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900361	Lê Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900218	Ngô Quốc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13798

Trang: 2/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900221	Bùi Đình Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13827

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 23 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41606002	Lê Trương Trường	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	418H0218	Châu Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41606007	Nguyễn Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	418H0396	Nguyễn Lâm Hải	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	417H0170	Đặng Vũ	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	418H0238	Đặng Nhật	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	418H0239	Nguyễn Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	418H0399	Nguyễn Khánh	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	418H0006	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41503617	Võ Hoàng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	418H0064	Võ Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	418H0282	Phan Huỳnh Trọng	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	418H0378	Phạm Đức	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41701195	Huỳnh Linh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	417H0088	Nguyễn Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	417H0091	Phan Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	418H0305	Lê Tuấn	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41600089	Đinh Ngọc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	418H0324	Đoàn Gia	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41606074	Lê Tân	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13827

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Máy điện (401065 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 23 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41600095	Phạm Đức	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41600098	Nguyễn Tiến	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	418H0387	Giang Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	418H0088	Trần Thanh Lam	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41501603	Nguyễn Ngọc Minh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41606089	Trần Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	418H0509	Nguyễn Hoàng	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13818

Trang: 1/2

Phòng thi: B502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701559	Phạm Minh Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1800103	Danh Trần Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1800573	Nguyễn Quang Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701253	Bùi Thị Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1900093	Trần Thị Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701261	Phạm Khánh Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1900122	Trần Truyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1800597	Trần Mạnh Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1500164	Nguyễn Thị Lựu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1900141	Trương Tiểu Mẩn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1900143	Phạm Hùng Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1600197	Hồ Phan Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1500305	Đậu Thị Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1600250	Lê Thị Song			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1800354	Hứa Xuân Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1800657	Nguyễn Thị Tho			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1800365	Lê Phạm Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800366	Nguyễn Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1800367	Nguyễn Thị Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701453	Trần Gia Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13818

Trang: 2/2

Phòng thi: B502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800420	Phan Thanh Tuyền			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1800445	Trần Nguyễn Ái Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13793

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900002	Huỳnh Khánh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900005	Võ Ngọc Hoàng Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900009	Nguyễn Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81701044	Phạm Hữu Bá			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900037	Nguyễn Minh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900050	Phan Khánh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900052	Trần Thế Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81303016	Lê Phan Linh Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900089	Nguyễn Anh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81501149	Nguyễn Duy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900099	Phan Trường Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81501120	Nguyễn Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900102	Trương Thế Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81602092	Lâm Kim Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900127	Phan Chánh Nghiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900133	Trần Vĩnh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900134	Dương Minh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900149	Nguyễn Huỳnh Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900153	Lê Hữu Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900159	Trần Trọng Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13793

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900162	Huỳnh Hồng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900163	Lữ Văn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900169	Nguyễn Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81800066	Trịnh Nhật	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81900175	Ngô Lạc	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81800617	Nguyễn Viết	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81800131	Nguyễn Tân	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13794

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900453	Hồng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900229	Huỳnh Lâm Duy	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900457	Ngô Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900395	Nguyễn Quốc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900396	Phạm Quốc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900398	Trần Văn	Điệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900460	Bùi Nguyễn Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900404	Trương Tấn	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900233	Nguyễn Ngọc	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900466	Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900468	Ngô Huỳnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900234	Nguyễn Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900345	Lê Thành	Lập		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900414	Phạm Văn Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1700061	Nguyễn Rô	Luýt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900472	Bùi Đức	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900473	Nguyễn Trí	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900418	Nguyễn Tân	Nghiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900420	Trương Trọng	Nguyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900424	Bùi Nguyễn Xuân	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13794

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900181	Phan Quốc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900438	Cổ Hoàng Mai Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900359	Nguyễn Văn Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81900440	Lương Hồng Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81900441	Nguyễn Hữu Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81900449	Lưu Thành Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81900222	Trần Đỗ Lê Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	81900223	Đỗ Nguyễn Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13795

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900004	Đinh Dương Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900017	Nguyễn Trần Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900021	Nguyễn Lê Chi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800006	Huỳnh Minh Chính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900034	Nguyễn Trần Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900036	Đoàn Thành Định			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81800020	Trần Nguyễn Thanh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81800104	Nguyễn Hoàng Hiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900060	Mai Hồ Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900061	Nguyễn Văn Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900066	Lý Tiến Học			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900072	Nguyễn Trần Hoàng Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81800109	Nguyễn Thế Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900090	Phạm Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900091	Võ Lê Hoàng Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81800573	Huỳnh Quang Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800041	Nguyễn Công Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900121	Lê Hoàng Phương Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900126	Trương Văn Nghị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900129	Lê Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13795

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900146	Nguyễn Duy Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900148	Lê Thanh Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81800605	Võ Duy Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81900161	Võ Tiến Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81900165	Mai Thanh Sử			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81701177	Trần Hữu Thọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81800621	Mai Tiến Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13819

Trang: 1/2

Phòng thi: B510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1900411	Lê Thúy An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1900418	Lê Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1900419	Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1900370	Đào Thị Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1900371	Nguyễn Phương Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1900436	Nguyễn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1900379	Ka Lê Phương Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1900381	Nguyễn Thị Mỹ Lê			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1900383	Tống Thị Tùng Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1900156	Nguyễn Ngọc Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1900165	Lê Nguyễn Hoài Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1900166	Lưu Ngô Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1900460	Trần Phương Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1900196	Phan Võ Mộng Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1900221	Lê Thị Trúc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1900465	Nguyễn Thị Tiểu Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1900247	Cao Thị Phương Thị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1900258	Tô Thị Sông Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1900470	Nguyễn Thị Kim Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1900472	Lê Thanh Trà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13819

Trang: 2/2

Phòng thi: B510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1900410	Cao Võ Minh	Trang		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1900281	Nguyễn Huỳnh	Trang		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13796

Trang: 1/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900393	Trần Chí Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900594	Kheing Chandara			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900397	Phạm Tân Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900400	Hồ Vũ Trường Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900232	Nguyễn Hữu Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900464	Vũ Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900406	La Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900334	Lê Quốc Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900407	Lê Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900338	Trần Gia Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900410	Trần Đình Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900342	Nguyễn Trung Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900411	Lê Quốc Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900412	Nguyễn Vũ Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900419	Nguyễn Lý Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900422	Trần Phúc Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900423	Nguyễn Ngọc Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900154	Nghiêm Văn Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900429	Nguyễn Duy Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900430	Nguyễn Hải Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13796

Trang: 2/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Thủy lực (800043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900432	Nguyễn Văn Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900595	Nuth Sokrite			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900435	Phạm Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81602149	Trần Quốc Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81900186	Chiêm Tân Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81900197	Võ Phạm Mai Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81900443	Trần Thị Thu Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	81900445	Ngô Hải Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	81900447	Nguyễn Mạnh Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	81900448	Đỗ Minh Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	81900450	Lê Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	81900212	Phạm Quang Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13748

Trang: 1/1

Phòng thi: C204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Quản trị doanh nghiệp (001196 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701002	Võ Thị Quế	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01601019	Chương Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01701168	Trịnh Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701179	Lê Diễm	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01701194	Cù Thị Thúy	Dịu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01701201	Trần Lê Hoàng	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01701011	Võ Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01701217	Bảo Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01701017	Lê Thị Khánh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701234	Nguyễn Ngọc Thanh	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01701023	Huỳnh Thị Mỹ	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01701026	Nguyễn Thị Kim	Hoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701041	Cao Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701047	Võ Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701053	Huỳnh Thái Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01601219	Nguyễn Lệ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01701126	Nguyễn Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01601307	Phan Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01701146	Huỳnh Ngọc Hồng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01701147	Lê Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13749

Trang: 1/1

Phòng thi: C205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Quản trị doanh nghiệp (001196 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701561	Trương Văn Công			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01701243	Nguyễn Thị Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01701252	Đàm Thị Thanh Hoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701267	Hoàng Thị Thu Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01701271	Lai Đoàn Mỹ Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01701286	Hoàng Thị Thanh Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01701336	Phạm Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01701350	Lê Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01701384	Nguyễn Hồng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701396	Võ Duy Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01701648	Nguyễn Thị Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01701426	Nguyễn Minh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701484	Nguyễn Vũ Thiên Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701494	Trần Thị Tú Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71504018	Trần Mai Thủy Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701523	Vũ Nhã Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01701524	Lưu Khánh Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701543	Nguyễn Hoàng Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01701544	Nguyễn Hoàng Thúy Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13737

Trang: 1/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	018H0406	Nguyễn Hà Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	017H0074	Phan Trần Phước	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	017H0080	Nguyễn Anh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	017H0094	Nguyễn Thụy Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	017H0097	Lâm Quốc	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	017H0109	Trần Vĩnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	017H0115	Lê Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	017H0116	Lê Nguyễn Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	017H0122	Đàm Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701290	Chau Nhựt	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	017H0127	Nguyễn Đình Nhựt	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	017H0142	Võ Duy	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	017H0143	Nguyễn Thúy	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	017H0150	Bùi Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	017H0157	Nguyễn Huỳnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	017H0164	Phạm Quang	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	017H0167	Nguyễn Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	017H0168	Nguyễn Phụng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	017H0184	Trần Hồ Bảo	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	017H0186	Sâm Vỹ	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13737

Trang: 2/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	017H0191	Trịnh Thế Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	017H0199	Nguyễn Thị Tú Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	017H0200	Phan Thị Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	017H0206	Vũ Nhật Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	017H0219	Nguyễn Hà Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	017H0224	Nguyễn Thị Trang Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	017H0250	Trần Nhã Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	017H0252	Lê Thị Thanh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	017H0256	Đoàn Thực Huỳnh Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	017H0267	Vũ Ngọc Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13738

Trang: 1/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	018H0420	Ngô Bích	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	017H0066	Nguyễn Minh	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	017H0069	Nguyễn Lê Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	018H0043	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	017H0105	Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	017H0112	Nguyễn Trần Gia	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	017H0121	An Tấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	017H0125	Huỳnh Lê Nhật	Lê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	017H0126	Dương Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	017H0128	Nguyễn Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	018H0515	Nguyễn Phú Nhật	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	017H0141	Nguyễn Khánh Kỳ	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	017H0152	Phan Huỳnh Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	017H0166	Lê Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	017H0030	Nguyễn Thị Thanh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	017H0195	Lê Lưu Mỹ	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	017H0201	Nguyễn Nhật	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	017H0211	Nguyễn Học	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	017H0213	Trần Nguyễn Gia	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	017H0225	Tạ Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13738

Trang: 2/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	017H0238	Trần Nguyên Bảo	Trâm		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	017H0043	Phạm Thị Huệ	Trúc		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	017H0259	Nguyễn Hoàng Xuân	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	B17H0127	Nguyễn Hoàng Mỹ	Vân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	017H0265	Hàng Kim	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13739

Trang: 1/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	017H0053	Phạm Thị Bảo	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	017H0057	Nguyễn Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01701178	Phạm Thị Ngọc	Cầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	017H0068	Nguyễn Trần Hiểu	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	017H0071	Lê Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	017H0073	Trần Liên	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	017H0076	Nguyễn Hoàng Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	017H0077	Nguyễn Kiều	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	017H0081	Phạm Trí	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701205	Vũ Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	017H0085	Vũ Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	017H0089	Bùi Duy	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	017H0092	Huỳnh Hồng	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	018H0034	Trần Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	017H0106	Phạm Nguyễn Thực	Huyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	017H0118	Nguyễn Trần Bảo	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	017H0134	Trần Hoàng	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	017H0139	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	017H0144	Trương Thị	Ngà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	017H0148	Nguyễn Thị Thực	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13739

Trang: 2/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	017H0154	Đỗ Khoa	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01701340	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	017H0176	Trần Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	017H0216	Hồ Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	018H0337	Phương Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	017H0226	Đỗ Gia	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01701109	Phan Thị Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	018H0645	Triệu Vũ Quỳnh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	017H0240	Dương Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	017H0245	Ngô Kiều	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13740

Trang: 1/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	017H0054	Cù Vũ Hạnh	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	018H0401	Đinh Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	017H0001	Nguyễn Hoàng Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	017H0055	Nguyễn Ngọc Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	017H0063	Trịnh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	017H0064	Võ Lê Nhã	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	017H0079	Phan Lê Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	017H0087	Huỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	017H0096	Châu Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	017H0108	Trần Hoàng Khánh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	017H0119	Phạm Đinh Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	017H0124	Nguyễn Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	017H0175	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	017H0185	Nguyễn Linh	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	017H0190	Nguyễn Duy Diễm	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	017H0207	Đặng Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	017H0210	Nguyễn Thị	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	017H0215	Đỗ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	017H0223	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01701451	Nguyễn Thị Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13740

Trang: 2/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 11 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	017H0231	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	017H0041	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trà		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	017H0241	Tạ Huyền	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	017H0244	Nguyễn Quốc	Triệu		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	017H0248	Phạm Thanh	Trúc		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
26	017H0044	Trịnh Thị Thanh	Trúc		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
27	017H0261	Nguyễn Thị Thúy	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13741

Trang: 1/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	017H0003	Võ Hoàng Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	017H0061	Hoàng Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	017H0005	Văn Chí	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	017H0006	Đỗ Thị Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	018H0423	Võ Ngọc Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	017H0084	Nguyễn Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	017H0090	Phạm Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	017H0013	Lê Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	017H0102	Nguyễn Hoàng Nhã	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	017H0107	Dương Ngọc Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	017H0117	Trương Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	017H0123	Nguyễn Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	017H0024	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	018H0538	Trương Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	017H0153	Trần Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	017H0156	Nguyễn Hoàng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	017H0202	Nguyễn Trần Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	017H0033	Bàng Mỹ	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	017H0031	Lê Ngọc Quế	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	017H0214	Nguyễn Lê Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13741

Trang: 2/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Ngữ nghĩa học (001169 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	017H0220	Nguyễn Hoài Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	017H0222	Nguyễn Ngọc Phương	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	017H0036	Võ Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	017H0232	Nguyễn Ngọc Như	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	017H0239	Trương Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	017H0242	Trần Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	017H0243	Bùi Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	017H0262	Vũ Tú	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	017H0051	Trần Lê	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13820

Trang: 1/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1800514	Đinh Lê Hùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1900020	Phạm Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1900036	Võ Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1800526	Huỳnh Bảo Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701557	Trần Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1900051	Võ Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701212	Nguyễn Thế	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1800555	Trần Thị Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1600139	Nguyễn Hoàng	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701288	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1800252	Trần Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1801681	Lê Thị Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1801682	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1800048	Phạm Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1800311	Ngô Thị Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1800629	Nguyễn Lê Duy	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1500025	Bùi Trung	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800327	Nguyễn Thị Trúc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1800505	Lê Thị Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1800370	Phạm Vũ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13820

Trang: 2/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800667	Phạm Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1800399	Bùi Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701653	Lê Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1800704	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1800680	Trương Thị Minh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1800684	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1800075	Nguyễn Hoàng Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1701522	Phạm Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E1800443	Thái Ngân Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E1800448	Võ Thị Hồng	Xuynh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13837

Trang: 1/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1600015	Lê Đăng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01501102	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1600085	Bùi Quỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1900427	Nguyễn Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1900428	Trương Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1900081	Lê Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1900103	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1900380	Võ Trần Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1900119	Trần Đức Minh	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1900440	Huỳnh Cao	Khuyển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1900444	Nguyễn Thị	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1900124	Trần Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1900448	Trần Cao Gia	Luật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1900157	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1900161	Hàng Ngọc Đông	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1900349	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1900168	Phạm Châu Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1900169	Trần Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1900457	Nguyễn Hà	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1900459	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13837

Trang: 2/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Luật môi trường (E01034 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1900351	Võ Ngọc Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1900201	Phan Thị Huỳnh	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701370	Nguyễn Thị Hằng	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1900219	Trần Diễm	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1900399	Nguyễn Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1900245	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1900469	Nguyễn Thị	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1900471	Nguyễn Thị Thu	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E1900474	Dương Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E1900475	Nguyễn Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E1900330	Tài Nữ Hàm	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E1900485	Trần Thị Kiều	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13963

Trang: 1/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Phương pháp sinh tin học và ứng dụng (603074 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61600117	Trịnh Văn Có			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	618H0014	Hồ Ngọc Ánh Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	618H0016	Nguyễn Thị Thanh Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	618H0243	Tống Ngọc Kim Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	618H0021	Phan Thị Thu Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	617H0054	Trần Nhựt Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	618H0245	Trần Lê Diễm Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61703128	Phạm Quốc Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	618H0247	Lê Yên Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61600035	Phạm Thế Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	618H0148	Trần Thành Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	618H0035	Võ Minh Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	618H0253	Phan Thành Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	618H0254	Nguyễn Thị Minh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	618H0045	Văn Phạm Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	618H0175	Phan Thị Tuyết Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	618H0259	Nguyễn Minh Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	617H0076	Nguyễn Lê Hàn Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	618H0058	Tes Trí Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	618H0197	Ngô Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13963

Trang: 2/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Phương pháp sinh tin học và ứng dụng (603074 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61600137	Nguyễn Châu Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	618H0065	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	618H0219	Châu Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61600103	Nguyễn Xuân	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	618H0085	Lê Bảo	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13964

Trang: 1/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Phương pháp sinh tin học và ứng dụng (603074 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	618H0239	Bùi Đình Hoàn	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	617H0038	Nguyễn Hoàng Kim	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	617H0041	Liên Mỹ	Dinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	618H0240	Nguyễn Đức Công	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	618H0110	Phạm Khắc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	617H0044	Huỳnh Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	617H0046	Hạ Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	618H0018	Trần Uyển	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	618H0022	Đoàn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	617H0055	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	618H0124	Võ Minh	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	618H0137	Hồ Trung	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	618H0142	Phạm Hoàng Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	618H0143	Trần Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	618H0144	Đồng Vũ Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	618H0031	Lê Thiên	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	618H0041	Trần Ái	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	618H0043	Chu Mai Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	618H0049	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	618H0174	Phạm Hiền	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13964

Trang: 2/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Phương pháp sinh tin học và ứng dụng (603074 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	618H0188	Lâm Hoàng Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	618H0260	Hoàng Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	618H0195	Phan Nhật Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	618H0196	Huỳnh Nhật Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	618H0198	Nguyễn Trương Phi Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	618H0064	Lê Nguyễn Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	618H0264	Nguyễn Ngọc Bảo Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	618H0073	Nguyễn Ngọc Kiều Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	618H0074	Phan Mai Quốc Trữ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	618H0226	Phạm Vũ Tuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	618H0266	Lưu Trần Bích Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	618H0267	Nguyễn Võ Thảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	617H0030	Trần Ngọc Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	618H0082	Trần Nguyễn Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13747

Trang: 1/2

Phòng thi: C411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Quản trị doanh nghiệp (001196 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701161	Ngô Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01701175	Phùng Kim Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01701177	Phan Tiến Đại	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701185	Từ Phương	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01701195	Hồng Hoàng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01701208	Phạm Phương	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01203116	Nguyễn Kì	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01701214	Trần Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01701014	Lưu Phan Ngân	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701229	Trịnh Thị Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01701233	Trương Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01701587	Ngô Mạnh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701289	Nguyễn Ngọc Bích	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701042	Mai Trần Phương Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701297	Trần Thị Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701048	Nguyễn Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01701306	Trần Huệ	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701313	Lê Ngô Hoài	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01701612	Châu Sơn Hải	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01701618	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13747

Trang: 2/2

Phòng thi: C411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 9:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Tiếng Anh Quản trị doanh nghiệp (001196 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01701360	Trần Cẩm Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01701362	Đào Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01701379	Huỳnh Kim Phí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01701388	Nguyễn Thảo Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01603083	Tạ Thái Long	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01701410	Đinh Tiến Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01701414	Nguyễn Thu	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	01701096	Trần Hoàng Hương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	01701437	Nguyễn Tuấn	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	01701467	Phạm Hà Thanh	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	01701480	Lâm Ngọc Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	01701680	Trần Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	01701488	Lê Thị Hồng	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	01701512	Phạm Thị Mộng	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13833

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01801353	Trần Vũ Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800972	Nguyễn Thị Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800925	Nguyễn Hải	Đường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800976	Lê Thị Trà	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21800617	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01801356	Nguyễn Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801359	Nguyễn Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800452	Nguyễn Thanh	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21800622	Cao Thị Thu	Lài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800470	Thái Gia Lợi	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21800515	Phạm Thị Hồng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800939	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01800847	Nguyễn Văn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21800637	Trần Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801373	Đặng Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01801383	Bùi Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800430	Trần Phương	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21800362	Dương Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21800578	Lê Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21800649	Phan Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13833

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01800954	Bùi Thị Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01801287	Trần Thị Ngọc	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21800657	Nguyễn Thị Tố	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01801051	Lâm Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01800958	Phan Hà Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01801382	Ngô Doãn Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01800960	Nguyễn Huỳnh Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13832

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D1800181	Tăng Thị Hồng	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801975	Văn Văn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	D1800188	Vũ Bình	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71801769	Phan Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01800432	Lâm Thị Tú	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71801562	Trần Thị	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91800150	Đinh Quang	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800435	Hoàng Trần Kim	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D1800207	Nguyễn Thanh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D1800328	Lê Trí	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01800042	Dương Thị Thúy	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71801638	Nguyễn Chí	Lễ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71801569	Trần Lương Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71801572	Trần Ngô Yến	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802254	Nguyễn Ngọc	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71802051	Hà Thị Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71802056	Đặng Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71802061	Nguyễn Võ Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71802279	Nguyễn Trần Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D1800355	Huỳnh Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13832

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800342	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1800271	Hà Huỳnh Thiên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71801909	Huỳnh Thanh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C1800316	Lương Thị Quế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D1800140	Lê Hà Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1800307	Hà Thạch Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13831

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71801552	Ngô Văn Anh Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800162	Trần Thiên	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31801032	Trần Ngọc Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71800640	Trần Thị Mỹ	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800697	Đinh Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61800937	Phạm Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61800762	Nguyễn Lưu Hương	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801011	Nguyễn Minh	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800887	Vương Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800053	Hoặc Thơ	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800890	Lê Trịnh Ngân	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31800565	Lê Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800912	Thang Châu	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31801108	Hồ Bùi Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71800177	Đặng Bảo	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61800392	Lê Thị Thúy	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71800794	Lê Thị Ngọc	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41801227	Đoàn Hữu	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41801230	Bùi Hoàng Nguyên	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71800295	Trần Tuấn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13831

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 94 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800263	Nguyễn Phúc Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31801133	Nguyễn Thị Mỹ Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71800321	Lê Hoàng Anh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71800326	Tạ Phương Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71800881	Nguyễn Thị Hồng Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13821

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800156	Mai Trần Xuân	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800218	Phan Thị Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800337	Nguyễn Thị Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71802400	Trần Thị Thảo	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801077	Trương Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71802405	Phạm Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71802412	Bành Thiên	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71802421	Tô Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01801206	Nguyễn Thị Phụng	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800462	Trần Thị	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01801099	Trần Nguyễn Tuyết	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01801217	Vũ Ngọc Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71802430	Huỳnh Thị Minh	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800255	Phạm Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01800061	Trần Thị Thảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01800269	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800426	Lê Thanh	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801274	Hồ Huy	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01800951	Trần Thu	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801144	Hồ Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13821

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71802480	Nguyễn Song Bảo	Trân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	01801289	Lê Thị Lan	Trinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	01800299	Phan Diễm	Trinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	01800207	Hoàng Thị Kim	Tuyễn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	71802503	Lê Thị Kim	Yến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13823

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71801733	Trần Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801744	Nguyễn Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71801966	Trần Quê	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71801626	Huỳnh Võ Kiều	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71801757	Võ Ngọc Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71801778	Đỗ Nhât	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71801641	Võ Củng	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801820	Nguyễn Đậu	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71801644	Hà Thị Thu	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71802044	Nguyễn Thị Tuyết	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71801649	Lê Võ Hoài	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71801840	Nguyễn Anh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71801583	Nguyễn Phạm Thị Hà	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71801654	Nguyễn Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802095	Ngô Thị Ngọc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71801874	Ông Bửu	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71801657	Ngô Tiến	Sĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71802099	Lê Thị	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71801600	Nghiêm Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71801882	Trần Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13823

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71801667	Tô Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71801608	Phạm Thị	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71802150	Nguyễn Đan Thúc	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71801618	Nguyễn Trần	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	71801672	Nguyễn Hoàng Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71801952	Nguyễn Thị Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	71801673	Phạm Thị	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13824

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31800007	Đỗ Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800326	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31800604	Đỗ Ngân	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800611	Nguyễn Tâm	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800964	Lê Minh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41801139	Trần Lê	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31800242	Võ Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800630	Phan Thị Tuyết	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800244	Phạm Huỳnh Mỹ	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800915	Phạm Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800257	Trương Huỳnh Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31800101	Võ Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800581	Nguyễn Thị Kim	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800314	Phạm Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71801898	Nguyễn Nhật	Thường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31800657	Bùi Ngô Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800269	Hồ Trần Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31801132	Lê Thị Kiều	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31800661	Nguyễn Ngọc	Trầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800127	Nguyễn Thị Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13824

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31801143	Lê Việt	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31801144	Phạm Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31800132	Nguyễn Ngọc Đoan	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31800671	Đặng Ngọc Thanh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31800280	Nguyễn Nhật	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31800947	Tiêu Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13829

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1800117	Đặng Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801735	Phạm Văn	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71801747	Trương Nữ Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71802195	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71802196	Ngô Hoàng Kiều	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71802216	Hoàng Thị Diệu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71800660	Phan Thị Bích	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71800665	Nguyễn Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	51800780	Nguyễn Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81702032	Phùng Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71802066	Nguyễn Hồng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71800742	Nguyễn Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1800418	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71801584	Trần Thanh Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802087	Đàm Anh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61800629	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71802113	Trần Nguyên Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D1800113	Huỳnh Thị Bích	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71802118	Lê Thị Linh	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71801603	Ngô Thị Điêu	Thuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13829

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800109	Trần Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1800465	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	51704125	Trần Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13830

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1800236	Trần Nguyễn Nam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1800246	Trần Thụy Hoàn	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800927	Trần Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800928	Nguyễn Vũ Duy	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1800285	Mạc Việt	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1800266	Nguyễn Hoài	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1800267	Nguyễn Thị Bích	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21800297	Nguyễn Trúc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1800499	Đặng Trần Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1801683	Trần Xuân	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1800305	Đặng Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1800316	Phạm Thị Kim	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21800329	Đặng Hoàng Kim	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1800505	Lê Thị Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21800647	Trần	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1800336	Hoàng Ngô Minh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1800388	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1801691	Nguyễn Quỳnh Thảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21800134	Phạm Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21800652	Hà Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13830

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 92 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1800347	Nguyễn Anh Tuân			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	E1801690	Nguyễn Thùy Khánh	Vi		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	E1800443	Thái Ngân Khánh	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	E1800447	Nguyễn Thị Như Xuân			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13857

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Ứng dụng tin học trong ngành môi trường (902067 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91800547	Nguyễn Bình An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91800550	Phan Thị Hương Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91800331	Phạm Vũ Mạnh Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91800338	Trương Vũ Vân Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	91800344	Nguyễn Cao Kỳ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800554	Nguyễn Mậu Lân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91800354	Trần Nguyễn Phi Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	91602065	Nguyễn Thanh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91800368	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91800040	Tô Mỹ Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800373	Trần Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800392	Diệp Kiều Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800398	Nguyễn Thị Mỹ Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	91800569	Lương Thị Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800060	Phạm Nguyễn Ngọc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	91702074	Võ Anh Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	91800409	Trần Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	91800412	Ma Thị Hương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91800572	Huỳnh Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	91800418	Khấu Vĩnh Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13857

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Ứng dụng tin học trong ngành môi trường (902067 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	91702080	Nguyễn Việt	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	91602144	Đỗ Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	91800581	Trần Thanh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	91800091	Trần Thị Thẩm	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	91800095	Trịnh Cẩm	Vịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	91800584	Nguyễn Trọng	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13822

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71800589	Vũ Hoài	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801551	Trần Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71800491	Đinh Thị Liên	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41800077	Mai	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71800444	Trần Thị Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71800968	Nguyễn Thị Thái	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71800982	Ngô Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801565	Trịnh Duy	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71800452	Huỳnh Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1800027	Đặng Ngọc Bích	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71801023	Nguyễn Thị Bích	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71800506	Nguyễn Thị Hoài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71800697	Đỗ Thị Ngọc	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71801546	Trương Phạm Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71801070	Huỳnh Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71801579	Hồ Ngọc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71800462	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1801661	Nguyễn Thị Tiểu	Ny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71801162	Trần Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71800784	Lê Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13822

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 91 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71801166	Nguyễn Trương Như	Quỳnh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓠ ⓡ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓦ ⓨ ⓩ	
22	71801182	Nguyễn Thị	Thanh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓠ ⓡ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓦ ⓨ ⓩ	
23	71800809	Nguyễn Thị Thu	Thảo		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓠ ⓡ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓦ ⓨ ⓩ	
24	71606298	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓠ ⓡ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓦ ⓨ ⓩ	
25	71800861	Hà Thị	Trinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓠ ⓡ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓦ ⓨ ⓩ	
26	71800890	Nguyễn Tường	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	ⓠ ⓡ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓦ ⓨ ⓩ	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13941

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900921	Bùi Việt Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900750	Nguyễn Võ Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900628	Nguyễn Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900666	Phạm Ngọc Đoàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900940	Nguyễn Tân Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900779	Trần Thanh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900946	Lý Minh Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900950	Nguyễn Trần Thế Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900701	Nguyễn Tiến Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900704	Cổ Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900671	Phan Anh Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900641	Đinh Văn Kỷ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900672	Trương Huệ Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900836	Văn Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900505	Trương Hoàng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900677	Phạm Thị Trúc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900521	Trương Hào Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900726	Thân Phú Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900727	Nguyễn Văn Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900537	Dương Văn Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13941

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900864	Trịnh Bá	Sỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900728	Nguyễn Thiện	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900893	Trần Triệu	Tí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900575	Phạm Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900591	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900592	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900738	Lê Văn	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900608	Võ Minh	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41900919	Võ Thị Điệp	Y		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13956

Trang: 1/1

Phòng thi: B202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:14

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900928	Bùi Lê Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900763	Lâm Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900789	Nguyễn Thanh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900444	Nguyễn Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900469	Nguyễn Ngọc Phương	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900837	Phạm Đắc	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900843	Phạm Văn	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900847	Nguyễn Văn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900862	Nguyễn Hồng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900732	Lê Phạm Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900896	Nguyễn Văn Phúc	Toán		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900656	Nguyễn Lâm Công	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900618	Bùi Lê Phúc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41702166	Huỳnh Nguyễn Phượng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13942

Trang: 1/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901071	Đào Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41901072	Lương Sơn	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41901073	Nguyễn Hữu	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901077	Trần Hữu	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41901078	Võ Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41901081	Bùi Tân	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41901086	Nguyễn Ngọc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900952	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41901091	Thân Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900956	Võ Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900961	Trần Đăng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41901095	Võ Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900964	Trịnh Tân	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901100	Hoàng Kỳ	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901103	Trần Minh	Khởi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900978	Phạm Nguyễn Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901113	Lê Quang Nhất	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900991	Đoàn Ngọc Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901002	Trương Quang	Nhất		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901006	Nguyễn Huy	Phan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13942

Trang: 2/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901123	Trần Huỳnh Anh	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41901020	Bùi Lê	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901127	Nguyễn Tuấn	Quảng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41901128	Trần Khắc	Quyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41901129	Trần Anh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41901130	Trần Văn Ngọc	Sáng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41901043	Đặng Trường	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41901137	Trần Văn	Thuần		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41901150	Trần Hải	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13887

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Công nghệ sản xuất chất dẻo (605030 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702071	Trần Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61702076	Phạm Ngọc Minh Chiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61702089	Nguyễn Hữu Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61702094	Nguyễn Thị Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702100	Lương Thị Thảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702109	Trần Quốc Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702121	Lê Nhật Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61702122	Nguyễn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702124	Trần Võ Thiện Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61602090	Dương Quân Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61702140	Trịnh Bảo Lân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61402246	Nguyễn Thị Quỳnh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61702161	Trần Thị Diễm My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702165	Huỳnh Lê Phương Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702186	Bùi Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61602169	Đinh Tiên Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61602176	Mai Tấn Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702215	Nguyễn Thị Thu Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702218	Dương Hải Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702224	Quách Chí Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13887

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Công nghệ sản xuất chất dẻo (605030 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61702226	Nguyễn Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702227	Hà Trọng	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61702231	Đỗ Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61602236	Phạm Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61702264	Trần Thị Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61702276	Trần Xuân	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61702283	Nguyễn Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13943

Trang: 1/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900753	Chiêm Phạm Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900352	Ngô Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900632	Nguyễn Văn	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900633	Nguyễn Quốc	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900771	Nguyễn Đỗ Nhật	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900782	Lê Văn Huỳnh	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900783	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900784	Nguyễn Thành	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900785	Đỗ Mạnh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900699	Nguyễn Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900795	Nguyễn Công	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900796	Phạm Ngọc	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900413	Dương Khánh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900805	Trần Hồng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900424	Võ Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900817	Dương Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900825	Phạm Hoàng	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900473	Trần Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900835	Mai Nguyễn Đại	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900838	Lê Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13943

Trang: 2/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900645	Trần Khắc Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900498	Trần Thanh Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900717	Từ Hoàng Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900550	Phan Thành Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900868	Trần Trung Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900869	Trịnh Hội Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900907	Nguyễn Phương Quang Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900918	Trần Quang Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13944

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901067	Nguyễn Bình An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900922	Đặng Tuấn Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41901069	Nguyễn Đăng Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901083	Nguyễn Đức Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41901084	Nguyễn Kevin Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900943	Phạm Thanh Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900945	Lâm Thanh Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900947	Trương Quốc Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900948	Trần Thanh Hảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900949	Nguyễn Công Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900953	Dương Công Hiệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900965	Lương Chí Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900970	Lê Quốc Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900973	Nguyễn Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900977	Nguyễn Ngọc Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900979	Trần Quang Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901107	Quách Bảo Lân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901116	Phan Hồ Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901122	Nguyễn Thanh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901003	Nguyễn Minh Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13944

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901022	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	41901023	Lê Trần Ngọc	Sang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	41901027	Đoàn Ngọc	Tài		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	41901132	Nguyễn Việt	Tâm		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	41901133	Nguyễn Tạ Duy	Tân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
26	41901134	Nguyễn Quang	Thanh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
27	41901045	Hồng Bá	Thọ		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13945

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900008	Trần Lê Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900165	La Ngân Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41800005	Nguyễn Nhật Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900182	Nguyễn Thị Thúy Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41702047	Nguyễn Văn Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41703067	Trần Hoàng Ngọc Hạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900201	Nguyễn Minh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900212	Trần Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41501244	Dương Nghĩa Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41800029	Nguyễn Hoàng Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900067	Nguyễn Vũ Anh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41800887	Hồ Đăng Phương Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900084	Đoàn Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41501213	Nguyễn Ngọc Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900525	Huỳnh Lê Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900266	Nguyễn Quang Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901136	Đặng Lê Hưng Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900281	Trần Thị Ngọc Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901139	Trần Hữu Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900290	Huỳnh Công Tính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13945

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900295	Huỳnh Thị Ngân	Trâm		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	41701284	Lê Quốc	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	41900311	Lê Ngọc	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	41901147	Nguyễn Võ Anh	Vĩ		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	41901148	Nguyễn Duy	Vinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13947

Trang: 1/1

Phòng thi: B208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900348	Huỳnh Minh	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900024	Nguyễn Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900183	Phạm Ngọc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901101	Ngô Bảo	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900971	Nguyễn Ngô Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900070	Vũ Văn	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900076	Trần Liêm Bảo	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900081	Nguyễn Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900987	Nguyễn Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900085	Nguyễn Hữu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900251	Lê Nhật	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41901011	Nguyễn Thanh	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900104	Phùng Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901152	Lon	Sokvantip		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901033	Nguyễn Văn	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901041	Trần Vinh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901059	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901063	Lê Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13890

Trang: 1/1

Phòng thi: B209

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0147	Nguyễn Việt Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0149	Phan Nguyễn Nam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0007	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0009	Lâm Ngọc Châm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0014	Nguyễn Thị Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0173	Trương Thị Bích Hạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0030	Lê Hồng Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0186	Nguyễn Hồ Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0187	Nguyễn Trần Vĩ Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E19H0045	Phạm Thanh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0201	Nguyễn Thị Thảo My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0207	Nguyễn Hoàng Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0219	Nguyễn Phan Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0220	Đào Thị Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0077	Võ Nhật Quế			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0245	Long Thị Thúy Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0255	Trần Đức Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E19H0273	Đỗ Thị Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E19H0303	Võ Khánh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13891

Trang: 1/1

Phòng thi: B210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0156	Nguyễn Anh Bảo	Chấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0017	Huỳnh Thị Tuyết	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0178	Lê Minh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0181	Nguyễn Thọ	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0033	Mai Công	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0195	Võ Hoàng Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0212	Võ Khánh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0213	Đoàn Mộng	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0224	Phạm Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1900458	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0229	Phạm Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0065	Phùng Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0244	Hoàng Quảng	Quyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0095	Nguyễn Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0266	Trần Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0274	Lê Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0278	Trần Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13893

Trang: 1/1

Phòng thi: B211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0001	Bùi Hoàng Thái	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0145	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0158	Trần Bạch	Cúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0183	Đỗ Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0185	Lê Nhựt	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0190	Nguyễn Lê Khánh	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0202	Trương Uyển	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0051	Lê Phan Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0214	Trần Thị Mỹ	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E19H0226	Nguyễn Hồng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0072	Hà Thị Út	Nữ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0235	Bùi Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0075	Nguyễn Hoàng Nam	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0243	Nguyễn Tân	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0268	Huỳnh Ngọc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0100	Nguyễn Thị Quế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0281	Trần Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E19H0106	Nguyễn Song Phương	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E19H0115	Nguyễn Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13946

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900746	Thạch Thái An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900528	Nguyễn Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900752	Trương Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900761	Đặng Quang Đại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900695	Nguyễn Hoàng Đông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900770	Đoàn Lê Tuấn Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900794	Trương Đặng Tân Hơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900636	Huỳnh Phi Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900707	Lưu Lê Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900440	Nguyễn Hứa Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900826	Nguyễn Hữu Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900474	Bùi Đình Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900834	Đỗ Đình Nghị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900839	Nghiêm Bá Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900855	Nguyễn Tân Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900519	Huỳnh Quang Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900540	Đinh Thanh Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900546	Hoàng Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900552	Huỳnh Quốc Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900875	Lê Minh Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13946

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900876	Ngô Văn Thắng			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	41900565	Nguyễn Huỳnh Hữu Thiện			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	41900587	Nguyễn Hoàng Trân			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	41900744	Chu Nhật Vinh			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	41900624	Trần Quốc Vũ			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13948

Trang: 1/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900920	Bùi Quang Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41901070	Trần Duy	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900933	Lê Phúc	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901074	Huỳnh Thành	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900937	Phạm Hữu Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41901092	Trần Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900969	Đỗ Đoàn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41901105	Lê Nguyễn Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900976	Lê Minh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900986	Tăng Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41901114	Nguyễn Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900990	Trần Tiểu	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901119	Lý Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901125	Nguyễn Phong	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901126	Bùi Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901017	Lưu Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901025	Nguyễn Quang	Sáng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901026	Đỗ Tiến	Sĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901028	Trần Công	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901031	Phạm Cát	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13948

Trang: 2/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901040	Phạm Chí Thành			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	41900894	Nguyễn Quốc Tiên			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	41900904	Nguyễn Quang Trung			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	41901056	Nguyễn Xuân Trường			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	41901057	Nguyễn Xuân Tú			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
26	41901061	Nguyễn Quốc Tuy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
27	41900914	Nguyễn Hoàng Huy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13949

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900323	Đoàn Thanh Nhựt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900328	Cao Việt	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41800606	Hồ Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900338	Nguyễn Công	Chánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900339	Hồ Hữu	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41800076	Võ Mạnh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900013	Nguyễn Trần Châu Hải	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81701250	Cao Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900023	Nguyễn Tân	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41701083	Phan Tân	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900031	Võ Hồng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41502046	Nguyễn Ngọc	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900196	Nguyễn Duy	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900204	Nguyễn Trọng	Huấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900060	Trần Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41801194	Lý Cảnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41800708	Nguyễn Hoàng Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41603110	Phạm Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41702114	Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900101	Lại Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13949

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901135	Phạm Văn Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900278	Lê Võ Hoàng Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900132	Lê Minh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41401120	Trần Minh Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41702151	Đặng Ngọc Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41901141	Đoàn Thanh Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900150	Lê Minh Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900316	Huỳnh Quốc Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13950

Trang: 1/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900688	Lê Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900924	Trần Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900768	Nguyễn Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900384	Phan Phú	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900385	Huỳnh Xuân	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900398	Nguyễn Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900401	Nguyễn Hải	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900402	Bùi Nhật	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900791	Nguyễn Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900669	Phạm Đình	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900818	Tô Trần Thế	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900822	Phan Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900458	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900465	Lý Quốc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900468	Nguyễn Duy Khánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900841	Nguyễn Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900494	Võ Minh	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900495	Đặng Tấn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900850	Phan Hưng	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900522	Bùi Công	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13950

Trang: 2/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900874	Đinh Hoàng Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900568	Lê Đức Thọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900733	Trần Đức Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900734	Nguyễn Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900736	Ngô Duy Tỉnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900580	Huỳnh Trung Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900589	Đoàn Ngọc Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900600	Trần Phước Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13951

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901066	Đặng Ngọc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900939	Nguyễn Anh Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900951	Hoàng Nguyễn Xuân Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900958	Vũ Mạnh Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41901099	Trần Đoàn Chấn Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900967	Trần Nguyễn Duy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900982	Nguyễn Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900983	Thạch Phi Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41901112	Lê Nguyễn Phước Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900993	Lê Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900997	Nguyễn Tuấn Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900999	Trương Thị Minh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901120	Nguyễn Ngọc Kiều Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901012	Nguyễn Vũ Hoài Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901013	Trần Công Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901035	Lê Nhựt Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901036	Nguyễn Hoàng Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900892	Bùi Xuân Thủy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900897	Trương Công Bảo Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901053	Lâm Hiếu Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13951

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900901	Trần Quốc Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41901054	Nguyễn Đoàn Hoàng	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901055	Nguyễn Huy Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900908	Trương Quốc Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900910	Đặng Minh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900913	Trần Tùng Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41901062	Nguyễn Tân Vàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13952

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41801075	Nguyễn Trường An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41703039	Lê Thế Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900157	Trần Hà Bắc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41800798	Nguyễn Thành Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41501256	Hồ Tân Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900019	Phạm Thanh Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41901151	Malayphet Dethsada			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900180	Dương Phạm Hoàng Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41601047	Nguyễn Quốc Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900030	Trần Bảo Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41503091	Trương Quốc Hảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900194	Lê Trọng Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900799	Trần Chiêu Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41702075	Nguyễn Quốc Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41801019	Đỗ Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900220	Phan Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900231	Đinh Trần Lĩnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41800367	Lê Minh Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900263	Võ Thể Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900106	Trần Phương Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13952

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41800925	Văn Ngọc	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41601204	Phạm Thiên	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41800571	Huỳnh Công	Thân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41901138	Nguyễn Hoàng	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41901140	Lê Đức	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41801260	Đỗ Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900298	Nguyễn Phú Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41901142	Huỳnh Tân	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41900314	Dương Kỳ	VĨ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13937

Trang: 1/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41603007	Nguyễn Trần Anh	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900334	Trần Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900335	Tăng Mai Ái	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900349	Lê Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900351	Nguyễn Công	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900022	Nguyễn Phan Phú	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900366	Phạm Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900026	Nguyễn Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900189	Lê Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41602210	Trần Xuân	Hiệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41503162	Hoàng Anh	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900414	Hồ Nguyễn Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900215	Nguyễn Trang Minh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900428	Trần Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900068	Trần Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900445	Bùi Nguyễn Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900446	Phạm Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900486	Trương Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900256	Nguyễn Lê Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41703136	Nguyễn Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13937

Trang: 2/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900117	Hồ Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900125	Nguyễn Minh	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41603160	Phan Hoài	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900302	Nguyễn Minh	Trực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900146	Huỳnh Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41800466	Nguyễn Hoàng	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13938

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900748	Huỳnh Dương	Ấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900756	Lương Công	Chinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900758	Hồ Sỹ	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900759	Lê Tân	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900762	Lê Phước	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900764	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900767	Huỳnh Long	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900769	Đỗ Xuân Hà	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900786	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900798	Nguyễn Khánh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900803	Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900809	Nguyễn Trần Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900813	Phan Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900819	Quách Trí	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900823	Ngô Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900824	Nguyễn Đức	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900830	Đào Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900503	Phan Thanh	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900504	Thái Tôn Thiên	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900649	Nguyễn Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13938

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900723	Nguyễn Vũ Qui			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900725	K' Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900650	Trần Hải Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900536	Đặng Thái Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900545	Trần Đại Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900740	Phạm Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900625	Võ Duy Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13939

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901076	Đậu Trọng	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41901079	Đỗ Vĩ	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41901080	Nguyễn Anh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900941	Vương Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41901082	Lê Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41901087	Trần Minh	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900955	Trần Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900960	Phạm Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41901098	Nguyễn Đỗ Minh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41901104	Nguyễn An	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41901106	La Giai	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900980	Nguyễn Duy	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901000	Lê Minh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901121	Nguyễn Lâm	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901004	Phan Hoàng	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901008	Đỗ Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901131	Nguyễn Văn	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900865	Ngô Tấn	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900867	Huỳnh Nhựt	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900877	Nguyễn Văn	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13939

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901044	Nguyễn Phương	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900888	Lâm Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900891	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41901049	Nguyễn Cao	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900905	Nguyễn Trần	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900912	Trang Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900916	Nguyễn Ngọc Hoàng	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13936

Trang: 1/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901068	Lương Phúc	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41702015	Châu Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900332	Phạm Thế	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41702018	Trần Chí	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900172	Trần Minh	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900355	Ngô Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900377	Trần Hoàng Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900944	Tạ Đăng	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41703010	Nguyễn Thành	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900957	Lê Ngọc	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900208	Ngô Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900705	Phan Thị Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41702093	Trần Minh	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900828	Nguyễn Thiện	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900992	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41603089	Nguyễn Trần Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900646	Huỳnh Lê Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41801036	Trần Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41800396	Trịnh Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901018	Lê Trần Vĩnh	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13936

Trang: 2/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900516	Đặng Quốc Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41800269	Võ Văn Ga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41800054	Phạm Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900871	Võ Thiện Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900880	Nguyễn Tuấn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900128	Trương Phúc Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900884	Nguyễn Quốc Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41800957	Trần Nguyễn Hữu Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41900683	Nguyễn Đình Thuần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	41602159	Nguyễn Mạnh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	41900574	Nguyễn Phước Bảo Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	41702152	Nguyễn Phúc Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	41900303	Trần Công Trực			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	41703189	Nguyễn Thành Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	41900627	Lê Thanh Vỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13892

Trang: 1/1

Phòng thi: B402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0155	Trần Ngọc	Bộ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0015	Lưu Trần Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0180	Nguyễn Hữu	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0192	Lê Thị Tú	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0196	Mai Thị Hồng	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0131	Trương Thị Diễm	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0204	Nguyễn Đình	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0231	Nguyễn Văn	Nhớ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0232	Nguyễn Cao Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E19H0237	Nguyễn Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0239	Đặng Thị	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0079	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0246	Ngô Tân	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0260	Giáp Thị Minh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0261	Ngô Ngọc	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0269	Lê Huỳnh Quang	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0270	Bùi Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E19H0102	Nguyễn Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1900296	Trương Nguyễn Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....		.....	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13940

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900324	Lý Quang	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900325	Nguyễn Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900160	Huỳnh Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900356	Ngô Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900179	Huỳnh Thành	Được		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41800822	Đặng Văn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900032	Hồ Quang Minh	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900388	Lý Phước	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900397	Hoàng Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900216	Võ Duy	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900439	Nguyễn Đình Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41800868	Nguyễn Võ Vĩnh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900996	Nguyễn Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41701191	Trần Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900490	Thái Hạo	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41801040	Lê Hồng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900112	Hồ Minh	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900115	Lê Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900122	Phạm Mai	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900123	Ca Minh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13940

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 2E1 (C01144 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900288	Lê Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900141	Phan Bá	Tòng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900296	Phan Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41800448	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900300	Nguyễn Đức	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900304	Tiêu Tấn	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900147	Lê Xuân Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13858

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1600378	Trần Trung An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1600043	Nguyễn Thị Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701015	Nguyễn Thị Út			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1600073	Nguyễn Cao Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1600076	Nguyễn Khương Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1500121	Nguyễn Thị Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1600082	Trần Thị Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1600095	Bùi Thanh Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701026	Lê Nhựt Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1600105	Trần Tấn Hên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701029	Võ Thị Diệu Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1500124	Lê Hoàng Nhật Hoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1600139	Nguyễn Hoàng Khương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1600140	Trần Vĩnh Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1600143	Nguyễn Thị Ngọc Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1600164	Phan Hồ Lô			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1600190	Dương Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1500227	Phạm Thị Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1600007	Hồ Huỳnh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1500111	Lê Tân Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13858

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1600254	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1600279	Nhan Trí	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1600284	Bùi Nhã	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1600315	Nguyễn Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1600320	Lê Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1600328	Nguyễn Quang Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1600331	Lê Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1600337	Hà Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E1500257	Thái Thị Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13859

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701185	Trần Lê Bảo	Châm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701186	Nguyễn Đức	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701191	Lương Quốc	Chính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701206	Đỗ Quang	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701212	Nguyễn Thế	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701224	Vũ Thị Thanh	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701234	Trương Thị Ngọc	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701236	Nguyễn Lê Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701033	Nguyễn Bích	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701243	Phạm Xuân	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701035	Nguyễn Ngọc	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701252	Nguyễn Văn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701036	Nguyễn Thị Diễm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701038	Nguyễn Đình	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701265	Bùi Duy	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701277	Lê Quang	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701280	Huỳnh Thị Hải	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701048	Lương Thảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701051	Trần Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701054	Nguyễn Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13859

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701057	Trần Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701089	Bùi Huỳnh Lan Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701125	Phạm Nguyễn Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701127	Mã Thị Song Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701137	Dương Thanh Ngọc Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701138	Lê Ngô Diễm Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1701143	Lê Thị Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1701154	Trần Phượng Vĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E1701157	Phạm Diệp Hoàng Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E1701159	Phan Cao Vỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E1701160	Diệp Thị Hoàng Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13860

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701297	Nguyễn Thị Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701313	Trần Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701316	Nguyễn Trần Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701321	Lê Văn	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701322	Lê Văn Hải	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701330	Nguyễn Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701364	Phan Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701367	Phạm Thị Phương	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701372	Phạm Thị Hồng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701377	Lê Đức	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701385	Trần Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701386	Trần Thị	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701387	Trần Thị Mỹ	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701390	Lê Vinh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701396	Lê Ngô Phương	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701401	Nguyễn Đức	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701424	Đỗ Nguyễn	Thạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701427	Hồ Thị Diệu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701438	Đặng Bảo	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701446	Chu Thị Mỹ	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13860

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701447	Đỗ Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701450	Phạm Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701464	Trần Thị Thanh	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701465	Nguyễn Cảnh	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701481	Trần Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701488	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1701491	Phan Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1701492	Trần Kim	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E1701494	Võ Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E1701499	Võ Thị Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E1701502	Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E1701512	Lê Thị Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13863

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701166	Lê Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701170	Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701173	Nguyễn Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701174	Nguyễn Trần Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701179	Nguyễn Nhật	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701181	Nguyễn Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701182	Lê Thị Ngự	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701188	Trần Minh	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701019	Trần Minh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701020	Trần Sỹ	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701028	Nguyễn Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701030	Nguyễn Cao Thế	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701041	Trần Thị Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701058	Nguyễn Bảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701061	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701065	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701069	Phạm Tố	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701074	Nguyễn Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701076	Hồ Trần Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701078	Nguyễn Gia	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13863

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701090	Nguyễn Thị Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701095	Võ Hoài	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701098	Nguyễn Thị	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701099	Lê Thị Ngọc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701103	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701122	Nguyễn Hoàng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1701131	Nguyễn Hoàng Kim	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13897

Trang: 1/1

Phòng thi: B409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0011	Nguyễn Phạm Anh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0128	Phan Xuân	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0129	Ngọc Cao	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0049	Vi Hoàng Linh	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0050	Lâm Thùy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0217	Hoàng Lê Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0225	Lưu Tịnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0067	Trần Nữ Hoài	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0230	Trần Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E19H0238	Nguyễn Việt	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0250	Lê Đình	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0254	Phạm Ngọc Uyên	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0264	Nguyễn Hạnh	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0272	Trần Ngọc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0275	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0105	Phạm Ngọc Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0113	Đào Mai	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E19H0140	Trương Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13896

Trang: 1/1

Phòng thi: B410

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0010	Nguyễn Hoàng Hạnh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0124	Nguyễn Minh	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0127	Nguyễn Thị Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0175	Mai Thế	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0184	Lê Chí Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0042	Huỳnh Tân	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0200	Nguyễn Hồ Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0058	Văn Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0227	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E19H0073	Lê Nguyễn Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0086	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0253	Phạm Hoàng Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0256	Nguyễn Lê Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0094	Vũ Thị Thanh	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0286	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0298	Võ Đức	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0302	Trần Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E19H0119	Võ Đoàn Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13906

Trang: 1/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900399	Trần Trung Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900400	Hồ Vũ Trường Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900402	Trần Hữu Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900232	Nguyễn Hữu Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900465	Dương Minh Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900408	Ngô Thanh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900410	Trần Đình Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900422	Trần Phúc Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900475	Phan Văn Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900423	Nguyễn Ngọc Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900426	Trần Trọng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900430	Nguyễn Hải Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900432	Nguyễn Văn Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900434	Lê Trung Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900168	Nguyễn Chí Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900435	Phạm Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900439	Trần Phước Thọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900195	Phạm Thành Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81800442	Lê Văn Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900361	Lê Minh Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13906

Trang: 2/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900450	Lê Anh	Tuấn		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900221	Bùi Đình	Vũ		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13861

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701004	Hồ Đặng Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701547	Trần Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701554	Nguyễn Như	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1600085	Bùi Quỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701583	Phạm Lê Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701585	Nguyễn Vĩnh	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701588	Bùi Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701589	Đỗ Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701292	Lâm Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701592	Nguyễn Thị Sinh Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1600169	Trần Thị	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701598	Lê Thị Mỹ	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701601	Dương Hoàng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701605	Nguyễn Thị	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701610	Cao Ánh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701642	Lê Xuân	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1600285	Đỗ Thị Ái	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701646	Nguyễn Trần Bảo	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1600329	Dương Tân	Trị		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1500187	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13861

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701513	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701516	Lương Tú	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701662	Nguyễn Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701664	Lê Phan Mỹ	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701527	Trần Phước	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701544	Nguyễn Đỗ Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1701530	Nguyễn Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E1701532	Phạm Thị Mỹ	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E1701533	Nguyễn Ngọc	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E1701539	Võ Thị Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13862

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701003	Quách Thuận An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701008	Trần Lâm Phương Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1600058	Nguyễn Anh Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1600069	Hồ Ngọc Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1600071	Lã Văn Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701287	Đường Thị Bích Lê			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701314	Vũ Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1500116	Nguyễn Thị Kiều My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1600205	Phạm Đình Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1600212	Nguyễn Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701543	Bouttalath Phoulin			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1500246	Võ Duy Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1500025	Bùi Trung Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701629	Trần Lê Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1500205	Nguyễn Tân Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1500034	Nguyễn Thị Thu Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1600275	Võ Thị Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1500038	Nguyễn Tân Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1600295	Trần Nguyễn Lãm Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1600301	Võ Thị Cẩm Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13862

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1600321	Nguyễn Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1600323	Phạm Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1600340	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1600354	Phạm Thị Ánh	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13864

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701193	Nguyễn Thị Kim Chung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701194	Huỳnh Thị Thanh Chuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701195	Phạm Lê Thành Công			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701197	Đinh Thị Anh Đào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701203	Nguyễn Bùi Hoài Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701216	Nguyễn Thị Ánh Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701221	Nguyễn Thị Kim Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701222	Bùi Thị Hồng Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701233	Phan Thị Thu Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701235	Hồ Trọng Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701250	Nguyễn Lâm Duy Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701256	Đoàn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701271	Nguyễn Hà Ngọc Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701273	Nguyễn Võ Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701278	Trần Trung Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701281	Nguyễn Trần Bích Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701283	Nguyễn Sinh Kỷ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701285	Hoàng Văn Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701295	Nguyễn Thị Diệu Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701298	Võ Hoàng Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13864

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701307	Nguyễn Công Luyện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701318	Trần Thị Trà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701326	Hồ Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701338	Đỗ Thị Thanh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701343	Nguyễn Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701345	Trần Lê Thị Ngọc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1701351	Đặng Lê Yên Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13888

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Công nghệ sản xuất chất dẻo (605030 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61702073	Mẫn Thị Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61702088	Trần Thị Thùy Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61702090	Ngô Thị Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61702110	Đào Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61702115	Vũ Việt Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61702132	Trần Lê Nhật Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61702147	Trần Gia Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61702150	Ngô Vũ Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702151	Nguyễn Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61702155	Nguyễn Thị Ngọc Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61702158	Nguyễn Thị Quế Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702164	Trần Thị Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61702168	Huỳnh Quan Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61702181	Lê Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61702034	Trần Khánh Nhựt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61702191	Châu Nhân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61702036	Phan Đăng Lộc Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61702201	Tô Võ Thi Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61702037	Lê Thị Mỹ Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61702208	Phạm Thị Hồng Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13888

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Công nghệ sản xuất chất dẻo (605030 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61702223	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702233	Nguyễn Phan Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61702250	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61702262	Hồ Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61702278	Lê Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61702279	Trần Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61702282	Nguyễn Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	61702285	Bùi Quang	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13865

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 004 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701353	Lê Hồng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701355	Nguyễn Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701356	Trần Hồ Hoàng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701359	Đặng Đức	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701366	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701371	Dương Thị Công	Nương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701374	Phan Đình	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701378	Hồ Thị Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701382	Nguyễn Thị Hồ	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701383	Nguyễn Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701384	Trần Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701406	Huỳnh Thị Diễm	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701408	Trần Thị Xuân	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701410	Đoàn Văn	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701421	Nguyễn Lê Việt	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701428	Lê Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701430	Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701432	Nguyễn Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701437	Vũ Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701449	Nguyễn Thị Nhựt	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13865

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 004 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701462	Nguyễn Thu	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701479	Phan Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701483	Lê Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701484	Ngô Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701486	Nguyễn Ngọc Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701495	Vũ Ngọc Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13907

Trang: 1/2

Phòng thi: B509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81800367	Nguyễn Thái Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900021	Nguyễn Lê Chi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81602022	Lê Huy Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900030	Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900032	Phạm Kiên Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81602040	Trần Anh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900054	Nguyễn Phước Giàu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900072	Nguyễn Trần Hoàng Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900081	Trần Phan Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900082	Võ Ngọc Xuân Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900121	Lê Hoàng Phương Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900126	Trương Văn Nghị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81702043	Trần Hoài Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81301255	Nguyễn Hoàng Vĩnh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81601102	Phạm Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900148	Lê Thanh Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81502054	Nguyễn Minh Hữu Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900154	Nghiêm Văn Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900178	Nguyễn Đức Tây			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81602133	Nguyễn Chí Thạch			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13907

Trang: 2/2

Phòng thi: B509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81701188	Nguyễn Thành	Trung		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81501158	Phạm Thành	Trung		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13852

Trang: 1/2

Phòng thi: C202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: CFA 4 (B03008 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1701122	Lý Quốc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B17H0033	Nguyễn Bảo An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B17H0034	Chu Thị Mỹ Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B17H0036	Nguyễn Hùng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B17H0037	Nguyễn Như Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B17H0042	Trần Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B17H0005	Nguyễn Thanh Bảo Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B17H0048	Lăng Kim Đài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B17H0051	Lương Tuyết Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B17H0057	Nguyễn Phượng Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B17H0065	Nguyễn Thanh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B17H0067	Nguyễn Phùng Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B17H0009	Hoàng Thiên Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31702072	Nguyễn Thị Thu Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B17H0014	Châu Tuấn Nghiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B17H0032	Nguyễn Võ Ái Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B17H0015	Văn Bảo Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1701257	Nguyễn Thái Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	617H0087	Đàm Thụy Phương Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B17H0026	Hồ Phạm Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13852

Trang: 2/2

Phòng thi: C202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: CFA 4 (B03008 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B17H0028	Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1701284	Nguyễn Ngân	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A1700106	Trần Ngọc Thu	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13855

Trang: 1/1

Phòng thi: C204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:18

Lần:1

Môn học: CFA 4 (B03008 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B19H0160	Nguyễn Trần Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B17H0085	Nguyễn Lê Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B17H0086	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1501652	Nguyễn Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B17H0088	Hoàng Nguyễn Anh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B17H0091	Hồ Văn	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B17H0095	Trần Vũ Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1501634	Mai Quỳnh Nguyên	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B17H0106	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B17H0107	Trần Thái	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B17H0112	Nguyễn Đoàn Khánh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B17H0116	Nguyễn Thị Kim	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B17H0120	Lê Tất	Toại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B17H0124	Lê Hoàng	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B17H0126	Nguyễn Quốc	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B17H0129	Nguyễn Thị Thu	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B17H0131	Lê Hiền	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B17H0135	Ngô Lâm	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13953

Trang: 1/1

Phòng thi: C205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Toán tổ hợp và đồ thị (502042 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	518H0593	Lý Lý	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	518H0326	Đinh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	517H0097	Lý Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	518H0607	Hoàng Hữu	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	518H0609	Nguyễn Trần Nhật	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	518H0340	Nguyễn Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	518H0349	Đặng Chí	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	517H0126	Nguyễn Thanh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	518H0626	Hoàng Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	518H0627	Lê Đình Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	517H0130	Cao Văn	Huynh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	518H0639	Nguyễn Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	518H0388	Nguyễn Thị Bích	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	518H0645	Nguyễn Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	518H0398	Nguyễn Khắc Minh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	518H0404	Trần Phạm Thanh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	517H0153	Cao Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	518H0114	Lê Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	51800649	Nguyễn Thanh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....		.....	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13954

Trang: 1/1

Phòng thi: C206

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Toán tổ hợp và đồ thị (502042 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	518H0601	Lê Lương Kim	Chung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	518H0335	Lê Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	518H0613	Nguyễn Tuấn	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	518H0086	Nguyễn Võ Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	518H0006	Phan Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	518H0617	Trương Bùi Quốc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	518H0623	Vũ Trung	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	518H0624	Phạm Mạnh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	518H0625	Bùi Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	518H0630	Nguyễn Quốc Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	518H0373	Lâm Gia	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	518H0376	Huỳnh Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	518H0659	Nguyễn Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	517H0164	Văn Nguyễn Hoàng	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	518H0440	Võ Hữu	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	518H0672	Phạm Như	Thuần		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	518H0674	Nguyễn Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	518H0680	Phạm Văn	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	518H0682	Nguyễn Quang	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13866

Trang: 1/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 005 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1701546	Trần Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1701572	Nguyễn Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701573	Nguyễn Thị Kim	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701574	Phạm Thị Tố	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1701576	Đặng Thị Thu	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701577	Lại Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1701584	Nguyễn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701597	Nguyễn Thị Hương	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1701606	Đào Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701615	Nguyễn Thị Mỹ	Nương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701617	Nguyễn Văn	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701618	Nguyễn Ngọc	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701620	Nguyễn Thành	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701626	Nguyễn Thị	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701627	Nguyễn Thị	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701630	Đoàn Công	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701634	Nguyễn Đình	Sửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701637	Nguyễn Long	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701641	Trần Quốc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701652	Phạm Thị Thúy	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13866

Trang: 2/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (E01060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 005 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1701654	Nguyễn Thị Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1701655	Nguyễn Thị Tố	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1701506	Dương Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1701661	Ngô Thị	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1701515	Hồ Phạm Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E1701517	Vũ Hải	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E1701663	Nguyễn Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13854

Trang: 1/1

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:18

Lần:1

Môn học: CFA 4 (B03008 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B17H0007	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B17H0052	Phạm Thái	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B17H0053	Chu Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B17H0054	Trần Quang	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B17H0056	Phan Nhật	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B17H0060	Trần Duy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B17H0062	Huỳnh Thị Cẩm	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1606045	Nguyễn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B17H0064	Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B17H0077	Trương Nhựt Hoài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B17H0011	Trần Xuân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B17H0016	Nguyễn Vạn	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1606068	Đỗ Thị Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1606071	Nguyễn Thị Tú	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1606075	Võ Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1606091	Huỳnh Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1606094	Đỗ Thanh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1606110	Nguyễn Thị Thanh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13889

Trang: 1/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E19H0141	Nguyễn Trường An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E19H0006	Nguyễn Phương Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E19H0144	Nguyễn Thị Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E19H0153	Nguyễn Xuân Bắc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E19H0165	Vũ Minh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E19H0166	Đặng Thu Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E19H0167	Vũ Thị Thùy Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E19H0171	Phạm Thị Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E19H0172	Lê Thị Kim Hăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E19H0028	Phan Thanh Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E19H0177	Huỳnh Nhật Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E19H0179	Nguyễn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E19H0034	Phạm Thảo Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E19H0182	Đặng Nguyên Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E19H0036	Đỗ Thị Thùy Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E19H0197	Nguyễn Đình Lượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E19H0206	Võ Thiên Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E19H0208	Nguyễn Thị Gia Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E19H0209	Nguyễn Thị Trúc Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E19H0054	Hán Thị Quỳnh Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13889

Trang: 2/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Luật hôn nhân và gia đình (E01013 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E19H0215	Nguyễn Hữu Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E19H0061	Đỗ Lê Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E19H0223	Trần Thị Thanh Nhàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E19H0228	Phạm Nguyễn Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E19H0236	Nguyễn Hoài Ánh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E19H0240	Đoàn Thị Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E19H0251	Nguyễn Phương Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E19H0257	Nguyễn Mai Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	E19H0258	Phạm Ngọc Song Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	E19H0262	Thạch Thị Huệ Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	E19H0263	Huỳnh Thị Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	E19H0265	Phan Thị Thủy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	E19H0289	Đặng Lê Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	E19H0290	Đoàn Lê Thị Giang Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13908

Trang: 1/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900453	Hồng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900457	Ngô Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900395	Nguyễn Quốc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900396	Phạm Quốc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900398	Trần Văn	Điệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81602037	Lâm Bùi	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900460	Bùi Nguyễn Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900468	Ngô Huỳnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900344	Lê Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900345	Lê Thành	Lập		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900414	Phạm Văn Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900472	Bùi Đức	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900473	Nguyễn Trí	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900424	Bùi Nguyễn Xuân	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900428	Nguyễn Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900162	Huỳnh Hồng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900163	Lữ Văn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900169	Nguyễn Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900436	Nguyễn Hòa	Tặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900180	Lê Thành Vĩnh	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13908

Trang: 2/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900438	Cổ Hoàng Mai	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900440	Lương Hồng	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900193	Nguyễn Trần Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81900197	Võ Phạm Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81601157	Nguyễn Anh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81900442	Nguyễn Đức	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81900448	Đỗ Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13909

Trang: 1/2

Phòng thi: C301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900002	Huỳnh Khánh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900005	Võ Ngọc Hoàng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900011	Võ Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81702022	Hoàng Anh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900037	Nguyễn Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900050	Phan Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81701074	Võ Nguyên	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900463	Võ Văn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900089	Nguyễn Anh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81701099	Nguyễn Anh Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900099	Phan Trường	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900102	Trương Thế	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81702036	Nguyễn Phước	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900109	Nguyễn Thanh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900127	Phan Chánh	Nghiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900134	Dương Minh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81900146	Nguyễn Duy	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900149	Nguyễn Huỳnh	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900153	Lê Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81800066	Trịnh Nhật	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13909

Trang: 2/2

Phòng thi: C301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81800611	Nguyễn Viết Thắng			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81800620	Đỗ Ngọc Toàn			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13836

Trang: 1/2

Phòng thi: C302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính quốc tế (Anh) (B02042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	717H0690	Nguyễn Vũ Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	717H0691	Phạm Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1833	Trịnh Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	717H0695	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	717H0701	Nguyễn Lê Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	717H0706	Lê Phương	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	717H0710	Nguyễn Thị Thanh	Diễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	717H0718	Nguyễn Thị Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71608021	Nguyễn Lê	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	717H0728	Đoàn Ngọc Thanh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71706264	Vũ	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	717H0737	Nguyễn Thị Minh	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	717H0739	Đinh Châu Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	717H0740	Trần Kim	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	717H0191	Vương Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	717H0764	Nguyễn	Kiểng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	717H0771	Giả Trần Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	717H0778	Trần Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	717H0794	Nguyễn Quốc	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	717H0871	Hồ Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13836

Trang: 2/2

Phòng thi: C302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính quốc tế (Anh) (B02042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	717H0893	Trần Ngọc Thủy Tiên			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13851

Trang: 1/1

Phòng thi: C303

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Quản trị tài chính quốc tế (Anh) (B02042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	717H0685	Lê Vân Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	718H0265	Lâm Ngọc Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	718H1921	Nguyễn Lê Minh Liên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	718H1953	Nguyễn Hoàng Trân Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	718H1955	Trần Đình Nghiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	717H0804	Nguyễn Yến Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	717H0805	Trần Thị Yến Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	717H0813	Lê Lâm Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	717H0854	Nguyễn Thị Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	717H0857	Võ Trần Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41703161	Huỳnh Trọng Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	717H0878	Nguyễn Thị Yến Thị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	717H0886	Đặng Phạm Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	717H0894	Phạm Trương Quang Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	717H0900	Trần Hoàng Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	717H0904	Lê Thanh Trị			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	717H0912	Trần Thị Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	717H0922	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	718H1114	Dương Thực Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	717H0943	Đinh Tân Vương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13838

Trang: 1/1

Phòng thi: C304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Công trình giao thông (801041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	817H0014	Nguyễn Thanh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	817H0015	Bùi Thị Kiều Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	817H0016	Ngô Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	817H0017	Phan Bảo Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	817H0018	Đặng Ngọc Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	817H0024	Võ Nhật Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	817H0025	Nguyễn Thanh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	817H0026	Nguyễn Chí Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81600023	Trần Sỹ Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	817H0002	Nguyễn Gia Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	817H0029	Nguyễn Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	817H0032	Đinh Duy Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	518H0382	Ngô Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81702033	Thái Châu Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81600032	Vũ Xuân Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81701140	Hứa Gia Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	817H0009	Mã Nhất Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81600058	Nguyễn Thái Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81600060	Nguyễn Ngọc Thạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	518H0286	Nguyễn Đức Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13839

Trang: 1/1

Phòng thi: C305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Công trình giao thông (801041 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81800202	Tạ Tường	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	818H0043	Nguyễn Đức	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	817H0037	Đoàn Triệu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	817H0040	Hồ Thái	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	817H0043	Huỳnh Hồng	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	817H0045	Lê Thanh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	817H0046	Đặng Thành	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	817H0047	Chung Vĩnh Nhật	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	817H0050	Nguyễn Trần Đăng	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	817H0052	Doãn Văn Tấn	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	817H0053	Đoàn Duy	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	817H0055	Vũ Tiến	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	817H0056	Lưu Minh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	817H0057	Huỳnh Ngọc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1700076	Nguyễn Phùng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	817H0058	Trịnh Minh	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800129	Nguyễn Anh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	817H0061	Lương Công	Thức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	817H0064	Nguyễn Việt	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	817H0065	Lê Ngọc	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13910

Trang: 1/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900229	Huỳnh Lâm Duy	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900397	Phạm Tấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81701071	Nguyễn Văn	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900404	Trương Tân	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81900233	Nguyễn Ngọc	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900407	Lê Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81701098	Đặng Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81900338	Trần Gia	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900342	Nguyễn Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81900411	Lê Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900412	Nguyễn Vũ Tuần	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900418	Nguyễn Tấn	Nghiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81900419	Nguyễn Lý	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81900429	Nguyễn Duy	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900595	Nuth	Sokrite		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900175	Ngô Lạc	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81602136	Nguyễn Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900181	Phan Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900186	Chiêm Tân	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900441	Nguyễn Hữu	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13910

Trang: 2/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900443	Trần Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900445	Ngô Hải	Triệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900447	Nguyễn Mạnh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81900449	Lưu Thành	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81900212	Phạm Quang	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81502028	Nguyễn Bảo	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81900218	Ngô Quốc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	81900223	Đỗ Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13840

Trang: 1/2

Phòng thi: C308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật nuôi cấy mô và tế bào thực vật (607043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61703074	Đặng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61703075	Lê Đức	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61703076	Lê Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61703079	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61703005	Nguyễn Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61703091	Hoắc Thị Huyền	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61703110	Huỳnh Công	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61503011	Võ Hoàng	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61603071	Chung Hồng Bảo	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61703136	Phạm Thị Thu	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61703144	Hồ Thị Tuyết	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61703240	Kim Thị Ngọc	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61703185	Dương Nguyễn Mai	Quế		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61703187	Võ Văn	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61503057	Huỳnh Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	617H0083	Phan Trường	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61503100	Đinh Hồ Bảo	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61503155	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61703215	Võ Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61703217	Phạm Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13840

Trang: 2/2

Phòng thi: C308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật nuôi cấy mô và tế bào thực vật (607043 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61703230	Hồ Phong Vương			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13976

Trang: 1/2

Phòng thi: C309

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Vi sinh vật và bệnh học (608026 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	617H0032	Đỗ Hoàng Minh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	617H0034	Nguyễn Hồng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61600007	Lê Ngọc Quỳnh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	617H0038	Nguyễn Hoàng Kim	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61703081	Nguyễn Ngọc Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	617H0041	Liên Mỹ	Dinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	617H0006	Trần Thái	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	617H0043	Võ Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	617H0044	Huỳnh Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	617H0046	Hạ Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	617H0053	Nguyễn Trọng	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	617H0060	Trương Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	617H0066	Cao Nguyễn Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	617H0072	Lục Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	617H0074	Võ Trần Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	617H0077	Võ Như Nam	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	617H0081	Nguyễn Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	617H0096	Lê Thị Tố	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	617H0097	Nguyễn Hạnh	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	617H0030	Trần Ngọc Thành	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13976

Trang: 2/2

Phòng thi: C309

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Vi sinh vật và bệnh học (608026 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	617H0100	Nguyễn Trần Hải Yến			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13927

Trang: 1/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900004	Đinh Dương Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81900009	Nguyễn Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81900017	Nguyễn Trần Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800533	Hoàng Quảng Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81800537	Phan Văn Chiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81900034	Nguyễn Trần Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81900036	Đoàn Thành Định			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81800018	Đinh Lê Nhất Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81900052	Trần Thế Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81800375	Thái Đình Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81900060	Mai Hồ Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81900061	Nguyễn Văn Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81702026	Trần Lê Thanh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81800383	Văn Sơn Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	81900066	Lý Tiến Học			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81900075	Trần Thị Lan Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800565	Võ Đình Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81900090	Phạm Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	81900091	Võ Lê Hoàng Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81900133	Trần Vĩnh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13927

Trang: 2/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Sức bền vật liệu 1 (800047 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81900141	Dương Tấn Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81900147	Trần Duy Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900159	Trần Trọng Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81900161	Võ Tiến Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81702060	Nguyễn Hữu Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81701172	Nguyễn Trí Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81800621	Mai Tiến Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	81701189	Nguyễn Thành Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13853

Trang: 1/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: CFA 4 (B03008 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1501649	Trần Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1501646	Võ Hồng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1501624	Vũ Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B17H0071	Trần Sơn	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B17H0074	Hồ Nguyễn Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B17H0076	Phạm Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1606059	Nguyễn Thùy	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B17H0082	Lê Dương Chúc	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B17H0084	Lê Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B17H0087	Trần Thanh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B17H0093	Lư Thúy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B17H0094	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B17H0097	Đặng Chế Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1606097	Phạm Sơn	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B17H0108	Hoàng Diệu	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B17H0110	Phan Thị Anh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B17H0114	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B17H0115	Trần Thị Thanh	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B17H0117	Trần Nhật	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1606122	Đặng Thị Mỹ	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13853

Trang: 2/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: CFA 4 (B03008 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B17H0123	Ngô Hoàng Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1606140	Nguyễn Phạm Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B17H0134	Trần Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13955

Trang: 1/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Toán tổ hợp và đồ thị (502042 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	518H0321	Huỳnh Nhựt An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	518H0078	Nguyễn Quốc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	518H0596	Apdolloh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	518H0599	Nguyễn Hữu Hoài Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	518H0328	Ngô Ngọc Phương Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	518H0084	Phạm Hữu Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	518H0602	Trần Hoàng Cung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	518H0603	Chung Chí Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	518H0606	Mạc Thuận Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800854	Lê Anh Đoàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	518H0088	Đào Hoàng Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	518H0093	Phạm Duy Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	518H0375	Vũ Đức Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	518H0389	Nguyễn Thành Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	518H0647	Nguyễn Văn Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	518H0102	Võ Thành Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	518H0390	Võ Tuấn Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	518H0104	Chương Thành Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	518H0652	Lâm Ngọc Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	518H0653	Lê Doãn Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13955

Trang: 2/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 13:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Toán tổ hợp và đồ thị (502042 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	518H0105	Trần Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	518H0399	Nguyễn Thị Bạch Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	518H0656	Nguyễn Hoài Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	518H0658	Phạm Nhật Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	518H0662	Trần Tuấn Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	518H0549	Lữ Trọng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	518H0430	Phạm Thanh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	518H0434	Dương Trọng Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	518H0439	Tiêu Gia Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	518H0447	Đỗ Quang Thụy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	518H0675	Phù Phương Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	517H0171	Quách Đỗ Khánh Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13899

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	51800003	Đinh Tiến	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800772	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31801015	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800857	Lăng Thị	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800860	Nguyễn Tùng	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800351	Trịnh Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31800782	Đinh Thị Thanh	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800374	Trần Thị Mai	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800375	Hứa Vinh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800383	Phan Tân	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800392	Trần Thụy Thúy	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31801085	Phạm Phan Trầm Huệ Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31801088	Nguyễn Lê Tuấn	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800410	Nguyễn Thị Hà	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51800220	Nguyễn Hoàng Quang	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31800566	Mai Hoàng	Nhứt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800810	Hà Gia	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31800813	Nguyễn Ngọc Uyên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31800432	Nguyễn Hoàng	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800734	Nguyễn Thị Phương	Sa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13899

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800439	Lê Hữu Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31800820	Nguyễn Phước Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31800449	Nguyễn Huỳnh Thơ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31801139	Đặng Thị Huyền Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31801145	Nguyễn Đức Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31800497	Phan Hạnh Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	31800767	Tạ Nguyệt Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....			
2/ .....		2/ .....			

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13898

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81800526	Thái Thiện An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800347	Nguyễn Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81800214	Ngô Nguyễn Anh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800222	Nguyễn Kim Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81800469	Ngô Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800050	Võ Trần Ngọc Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D1800214	Trần Nguyễn Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800051	Vũ Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1800209	Trương Thành Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81800664	Lê Nguyễn Như Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800078	Đào Nguyễn Thuận Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81800485	Trần Thị Mỹ Nhí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800386	Huỳnh Trần Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800087	Trần Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71802290	Nguyễn Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31800106	Đặng Công Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800266	Quan Tạ Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31800129	Phan Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A1800224	Trần Huyền Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800136	Chiêm Thành Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13898

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800148	Phạm Phương Vy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓷ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13901

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31801009	Bé Thị Minh	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800773	Nguyễn Thủy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31801025	Ngô Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800333	Lê Ngọc Hoàn	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800336	Võ Hoàng Ra	Đa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800169	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31800781	Võ Phước	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800882	Phan Thị Khánh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800235	Trần Ngọc Vân	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800236	Nguyễn Phạm Phúc	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41502049	Bùi Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31801067	Lương Thị	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800893	Lâm Huỳnh	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800897	Nguyễn Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41800038	Huỳnh Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31801091	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31703033	Phạm Thị Hoài	Nhớ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31801104	Nguyễn Thị Diệu	Ny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31800920	Đặng Ngọc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41703172	Nguyễn Trọng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13901

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800201	Trần Hồng	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31801126	Chung Tiến	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41701267	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31800830	Chung Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31801141	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31801166	Nguyễn Thị Bảo	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13900

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	51800839	Lưu Trần Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	11800491	Trần Mai Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	51800525	Đinh Tiến	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	51800530	Nguyễn Hoàng	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	11800498	Bùi Thanh	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	51800972	Lâm Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	11800506	Lương Gia	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01701583	Hoàng Thị Phương	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	51800987	Phạm Ngọc Thành	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800287	Võ Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11800601	Đoàn Thị	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71801806	Võ Hoàng Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701311	Trịnh Lê	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21800064	Phan Tịnh	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21800090	Nguyễn Hà	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	51800230	Phạm Ngọc	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	51801019	Nguyễn Lưu Tiến	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	51800810	Nguyễn Trần Minh	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	51800934	Phan Xuân	Thứ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21800128	Nguyễn Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13900

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31703169	Nguyễn Thị Thu	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
22	01701678	Phạm Thị Kim	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
23	51800253	Trần Bình	Trọng		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
24	51800256	Trần Vĩnh	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	
25	01800146	Dương Nữ Tường	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13902

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41801074	Nguyễn Thành An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41801081	Mai Duy Băng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	51802076	Lê Thái Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701560	Phạm Thị Bích Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61800719	Phạm Nguyễn Hoàn Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	51800022	Phạm Hồng Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01701209	Thân Bảo Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01701573	Đinh Thị Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01701586	Nguyễn Thị Kim Huệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701265	Lê Thị Thảo Huyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41801151	Nguyễn Hoàng Hữu Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	51800792	Hà Thị Thanh Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71800701	Trương Quỳnh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701342	Nguyễn Trần Khai Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51800591	Đỗ Thị Tuyết Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	51800599	Lê Hoài Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	51800802	Nguyễn Đại Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701397	Lưu Hồng Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71704169	Nguyễn Thị Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61800647	Hồ Quyên Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13902

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01701495	Đỗ Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41801277	Nguyễn Hoàng Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01701526	Phạm Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	51800658	Trần Thị Ái	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01701548	Văn Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13905

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41800793	Huỳnh Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41701083	Phan Tân Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31800168	Phạm Thị Thuý Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800864	Nguyễn Thị Kim Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41801007	Lê Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41503024	Võ Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31800537	Huỳnh Phước Hiệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800173	Nguyễn Thị Mỹ Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31801054	Trần Nguyễn Mai Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31801056	Nguyễn Thành Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41800854	Đinh Quốc Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31801078	Trần Thị Cẩm Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41800884	Trần Chu Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31801089	Trần Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31801090	Phạm Trọng Nguyễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31801092	Lê Phong Nhã			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31801094	Phạm Thị Thanh Nhàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31801096	Đỗ Ngọc Ý Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31800580	Nguyễn Kim Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800202	Nguyễn Hoàng Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13905

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31801137	Nguyễn Linh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31800936	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31801148	Bùi Thị Bích	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31800499	Đặng Thảo	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31800213	Lê Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31800841	Hoàng Thị Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13916

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01501077	Nguyễn Lê Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	51800840	Nguyễn Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41801002	Đỗ Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41603040	Hồ Lê Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01403070	Trần Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71705361	Phan Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41702093	Trần Minh	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41801181	Phạm Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41703114	Viên Thiên	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800906	Trần Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41703122	Võ Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61502004	Trần Nhi Kiều	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	51704110	Võ Trường	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	51801026	Huỳnh Duy	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01800347	Hoàng Thị	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41602149	Hồ Thanh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01701477	Chu Nguyễn Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701478	Dương Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	51800951	Ngô Đức Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41702160	Nguyễn Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13916

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41602189	Phạm Thị Hồng	Tươi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61702057	Nguyễn Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01701541	Hà Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13915

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701179	Lê Diễm	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	51800356	Nguyễn Phú	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	51800534	Thân Lê Tân	Định		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701194	Cù Thị Thúy	Dịu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01701011	Võ Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21800023	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71706069	Nguyễn Văn	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	51800059	Trần Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01801097	Dương Hoàng Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800073	Nguyễn Thế Thăng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01801111	Ngô Phạm Hiếu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21800632	Dương Nữ Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701635	Lê Diệu	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701636	Bùi Đình	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51703165	Giáp Xuân Vinh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	11800547	Võ Đình Đăng	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71801596	Nguyễn Thị Lê	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	11703068	Ngô Thị Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	51801039	Mạch Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01800758	Trần Khánh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13915

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01701679	Phạm Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01801154	Huỳnh Lê Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	51800142	Nguyễn Lê Bá	Trình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01701129	Nguyễn Dương	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13903

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1800115	Lê Phạm Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01701554	Nguyễn Dương Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800965	Vũ Ngọc Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800530	Nguyễn Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1800356	Hồ Thị	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01801070	Hà Phương	Du		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1800253	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81800698	Lai Trần Đoan	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81800709	Võ Trần Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01701594	Võ Văn	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1800283	Đỗ Thị Hồng	Lĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01701612	Châu Sơn Hải	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D1800236	Lưu Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81800730	Trần Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701627	Trần Thị Châu	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81800746	Nguyễn Đại	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800602	Trần Lê Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01703155	Huỳnh Thị Thu	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01800127	Nguyễn Bích	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	11800568	Phan Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13903

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1800350	Nguyễn Quốc	Tựu		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	01701693	Hà Thị	Vân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	E1800694	Vũ Quốc	Việt		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	11703087	Lê Thanh	Vũ		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	01800153	Trần Du	Ý		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13904

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91602002	Nguyễn Hoàng An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81800688	Võ Nguyên Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1800250	Trần Thị Hoài Đíệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71800964	Nguyễn Thị Cẩm Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81800209	Trương Nhật Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1800023	Châu Nguyễn Thảo Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81800215	Nguyễn Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1800264	Nguyễn Ngọc Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81800556	Nguyễn Đức Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800040	Phạm Thị Kim Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1801677	Nguyễn Hoàng Việt Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A1800143	Nguyễn Thị Hiền Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81800270	Nguyễn Đình Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81601102	Phạm Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A1800282	Trần Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A1700067	Võ Hồng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31703134	Lê Đồng Bích Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800638	Nguyễn Chung Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71802461	Đặng Ngọc Khanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1800186	Lục Nguyễn Hoàng Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13904

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800651	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81800673	Đặng Hữu	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A1800310	Phạm Phương	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H1800344	Bùi Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1800077	Trần Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13918

Trang: 1/1

Phòng thi: A605

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1800015	Trịnh Quốc Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71606068	Võ Hữu Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1800364	Hoàng Thị Thùy Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1701164	Nguyễn Trung Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D1800208	Đinh Nguyễn Xuân Hoài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D1700071	Trương Phạm Phương Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1800394	Nguyễn Thị Thu Liên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D1800221	Ngô Nguyễn Phương Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D1800053	Nguyễn Ngọc Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1800052	Dương Thị Mai Loan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1800341	Võ Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1800274	Đào Thị Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1800095	Lê Thị Kim Thoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1800289	Trần Ngọc Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D1800126	Nguyễn Thanh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1800466	Bùi Tuyết Phương Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1800313	Trần Đinh Thảo Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1701107	Nguyễn Trần Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1800129	Nguyễn Đăng Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13917

Trang: 1/1

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81800650	Đào Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800388	Lê Trần Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	11703026	Lương Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	11701037	Nguyễn Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01800652	Nguyễn Hữu	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21500285	Đinh Thành	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801201	Cao Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71802228	Trần Ngọc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A1700044	Wong Bính	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	11703049	Thái Thị Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11604013	Nguyễn Huỳnh	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81501130	Nguyễn Thiện	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801376	Đinh Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81800760	Trần Quốc	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91602144	Đỗ Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01801046	Trần Thúy	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01801047	Nguyễn Thụy Uyển	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	11502009	Hoàng Anh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01800626	Nguyễn Trần Nguyệt	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81800677	Phan Thị Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13873

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900335	Tăng Mai Ái	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41800075	Trần Long	Cát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900351	Nguyễn Công	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901151	Malayphet	Dethsada		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41800480	Bùi Trung	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900183	Phạm Ngọc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41901087	Trần Minh	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41901095	Võ Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900067	Nguyễn Vũ Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41801152	Vũ Khắc Duy	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41901104	Nguyễn An	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41901112	Lê Nguyễn Phước	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900084	Đoàn Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41703136	Nguyễn Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41801040	Lê Hồng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900106	Trần Phương	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901127	Nguyễn Tuấn	Quảng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901128	Trần Khắc	Quyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901131	Nguyễn Văn	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901137	Trần Văn	Thuần		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13873

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41801066	Lê Quốc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900298	Nguyễn Phú Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900300	Nguyễn Đức	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41901150	Trần Hải	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13711

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01703033	Lâm Nhã	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01703047	Trần Thị Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01703054	Lê Hồng	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01703067	Lương Thị Dương	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703071	Trần Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703073	Phạm Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01703011	Nguyễn Quang	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01703012	Đặng Thị Minh	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01703013	Phan Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01703103	Hồ Phương	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703109	Huỳnh Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703121	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01703131	Lê Thị	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01703136	Võ Thị Tường	Quy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01702077	Lê Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01703145	Huỳnh Nguyễn Mai	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01703149	Nguyễn Hoàng Mỹ	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01703150	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01703152	Nguyễn Như	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01703154	Phan Ngọc Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13711

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01703157	Tiêu Thị Tiên			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	01703163	Vũ Ngọc Trân			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	01702102	Phạm Ngọc Tú			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	01703179	Lê Thị Tố Uyên			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13874

Trang: 1/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900747	Cao Nguyễn Hoài	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900750	Nguyễn Võ Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900753	Chiêm Phạm Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900628	Nguyễn Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900764	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900766	Quách Trí	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900768	Nguyễn Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900384	Phan Phú	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900388	Lý Phước	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900798	Nguyễn Khánh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900705	Phan Thị Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900428	Trần Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900671	Phan Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900819	Quách Trí	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900452	Hồ Nhựt	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900494	Võ Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900495	Đặng Tấn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900514	Trịnh Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900516	Đặng Quốc	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900522	Bùi Công	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13874

Trang: 2/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900728	Nguyễn Thiện Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900732	Lê Phạm Ngọc Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900734	Nguyễn Hoài Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900589	Đoàn Ngọc Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13875

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:26

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901066	Đặng Ngọc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900947	Trương Quốc Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900949	Nguyễn Công Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900955	Trần Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900958	Vũ Mạnh Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900959	Phạm Đức Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900983	Thạch Phi Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900993	Lê Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900999	Trương Thị Minh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41901000	Lê Minh Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900843	Phạm Văn Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900850	Phan Hưng Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901012	Nguyễn Vũ Hoài Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901018	Lê Trần Vĩnh Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900861	Nguyễn Hồng Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900865	Ngô Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900871	Võ Thiện Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901033	Nguyễn Văn Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900881	Nguyễn Quốc Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901043	Đặng Trường Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13875

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:26

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901044	Nguyễn Phương	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41901049	Nguyễn Cao	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901054	Nguyễn Đoàn Hoàng	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41901055	Nguyễn Huy	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41901062	Nguyễn Tân	Vàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41901063	Lê Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13876

Trang: 1/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900157	Trần Hà	Bắc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900928	Bùi Lê Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900008	Trần Lê	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900165	La Ngân	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900019	Phạm Thanh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900022	Nguyễn Phan Phú	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900024	Nguyễn Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41901083	Nguyễn Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900189	Lê Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900783	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900194	Lê Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41801121	Phan Thanh	Hoá		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900053	Lê Đỗ	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901099	Trần Đoàn Chấn	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900068	Trần Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900076	Trần Liêm Bảo	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41800707	Nguyễn Hoàng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900104	Phùng Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41801053	Nguyễn Xuân	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901134	Nguyễn Quang	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13876

Trang: 2/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900125	Nguyễn Minh	Thiện		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	41901138	Nguyễn Hoàng	Thương		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	41901142	Huỳnh Tân	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	41701287	Võ Đình	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	41900146	Huỳnh Anh	Tuấn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13877

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900748	Huỳnh Dương	Ấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900688	Lê Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900758	Hồ Sỹ	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900352	Ngô Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900695	Nguyễn Hoàng	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900633	Nguyễn Quốc	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900699	Nguyễn Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900795	Nguyễn Công	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900424	Võ Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900220	Phan Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900813	Phan Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900231	Đinh Trần	Lĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900251	Lê Nhật	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900498	Trần Thanh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900717	Tù Hoàng	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900504	Thái Tôn Thiên	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900723	Nguyễn Vũ	Qui		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900525	Huỳnh Lê	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900532	Nguyễn Phước	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900550	Phan Thành	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13877

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900565	Nguyễn Huỳnh Hữu Thiện			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	41900568	Lê Đức Thọ			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	41900733	Trần Đức Thuận			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	41900736	Ngô Duy Tỉnh			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	41900580	Huỳnh Trung Toàn			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
26	41900302	Nguyễn Minh Trực			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
27	41900314	Dương Kỳ Vĩ			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13878

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901070	Trần Duy	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900939	Nguyễn Anh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900942	Nguyễn Trịnh Kim	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900818	Tô Trần Thế	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900979	Trần Quang	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900822	Phan Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900838	Lê Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41901003	Nguyễn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900847	Nguyễn Văn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41901011	Nguyễn Thanh	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900858	Nguyễn Anh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41901022	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901025	Nguyễn Quang	Sáng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900862	Nguyễn Hồng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901035	Lê Nhựt	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901041	Trần Vinh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900885	Trang Gia	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900888	Lâm Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900896	Nguyễn Văn Phúc	Toán		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900897	Trương Công Bảo	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký: .....	Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13878

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900901	Trần Quốc Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900907	Nguyễn Phương Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901058	Kiều Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13712

Trang: 1/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01702013	Võ Thị Khánh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01703038	Phạm Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01703040	Vũ Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01703042	Trần Thị	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703043	Triệu Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01702016	Nguyễn Thị Y	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01703046	Nguyễn Thị Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01703048	Nguyễn Lê Diệu	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01703052	Nguyễn Thị Hồng	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01703055	Chung Ân	Dinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703006	Khuê Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703063	Huỳnh Thị Tú	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01702027	Nguyễn Thị Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01703074	Trần Thị Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01703009	Nguyễn Thị Kiều	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01702036	Đỗ Dương Khánh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01702044	Hà Thị	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01702063	Phan Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01702066	Phan Hữu Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01702068	Trần Định Kỷ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13712

Trang: 2/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01702075	Phạm Lê Quang			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	01702091	Phan Hoàng Minh			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	01702092	Đồng Nhã			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	01702095	Nguyễn Thị Diễm			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	01703032	Nguyễn Như Ý			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13710

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01702026	Bùi Mỹ	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01702028	Hồ Nhật	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01702037	Phạm Thị	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01702040	Tô Thị Vi	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01702041	Thái Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01702047	Giang Cẩm	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01702048	Trần Chí	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01702049	Nguyễn Văn	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01702051	Vương Vĩ	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01702053	Nguyễn Phương Quỳnh	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01702054	Lê Trương Mạn	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01702055	Đặng Kim Thủy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01702060	Trần Lê Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01702062	Huỳnh Vĩ	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01702065	Lý Tú	Phân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01702070	Giang Mỹ	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01702071	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01702072	Nguyễn Thị Xuân	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01702073	Trần Bích	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01702080	Bùi Đỗ Thành	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13710

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01702082	Nguyễn Thị Hồng	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01702087	Đỗ Thị Mai	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01702098	Trần Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13714

Trang: 1/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01702014	Huỳnh Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01702015	Nguyễn Trần Diệp	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01703041	Quách Minh	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01703044	Hứa Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703053	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703061	Trần Thị Phương	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01702019	Nguyễn Thị Châu	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01702021	Lê Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01703007	Huỳnh Thị Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01703078	Đỗ An	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703079	Lê Thị Thu	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703008	Bùi Gia	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01702035	Đinh Thị Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01702045	Hà Cẩm	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01702052	Dìn Tắng	Mùi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01703018	Lê Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01703020	Vương	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01702083	Phan Nguyệt	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01702084	Trần Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01702086	Trần Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13714

Trang: 2/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01702010	Trịnh Hà Minh	Thu		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	01702099	Ngô Diễm	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	01702105	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	01702110	Ngô Thị Kim	Xuân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13879

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900528	Nguyễn Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900339	Hồ Hữu Chiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900355	Ngô Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900023	Nguyễn Tân Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900180	Dương Phạm Hoàng Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900026	Nguyễn Anh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900377	Trần Hoàng Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41503091	Trương Quốc Hảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41800345	Hoàng Ngọc Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900474	Bùi Đình Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41701219	Đặng Thanh Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900508	Huỳnh Tân Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900537	Dương Văn Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900540	Đinh Thanh Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900546	Hoàng Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900117	Hồ Duy Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900276	Trịnh Khang Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900281	Trần Thị Ngọc Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900132	Lê Minh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900290	Huỳnh Công Tính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13879

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900295	Huỳnh Thị Ngân	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41801260	Đỗ Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900150	Lê Minh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41603182	Nguyễn Phước	Vĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13880

Trang: 1/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900756	Lương Công	Chinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900759	Lê Tân	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900762	Lê Phước	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900763	Lâm Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900767	Huỳnh Long	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900770	Đoàn Lê Tuấn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900772	Nguyễn Thành	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900789	Nguyễn Thanh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900790	Lê Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900794	Trương Đặng Tân	Hơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900796	Phạm Ngọc	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900704	Cổ Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900814	Huỳnh Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900672	Trương Huệ	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900826	Nguyễn Hữu	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900828	Nguyễn Thiện	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900834	Đỗ Đình	Nghị		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900649	Nguyễn Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900650	Trần Hải	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900867	Huỳnh Nhựt	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13880

Trang: 2/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900868	Trần Trung	Tân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	41900869	Trịnh Hội	Tân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	41900880	Nguyễn Tuấn	Thành		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	41900884	Nguyễn Quốc	Thịnh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
25	41900904	Nguyễn Quang	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
26	41900914	Nguyễn Hoàng Huy	Vạn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
27	41900624	Trần Quốc	Vũ		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13881

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901076	Đậu Trọng	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900937	Phạm Hữu Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41800822	Đặng Văn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901084	Nguyễn Kevin	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900951	Hoàng Nguyễn Xuân	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900965	Lương Chí	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900967	Trần Nguyễn Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900969	Đỗ Đoàn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41901105	Lê Nguyễn Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900978	Phạm Nguyễn Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41901114	Nguyễn Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900991	Đoàn Ngọc Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41901002	Trương Quang	Nhất		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901015	Phạm Ngọc Thanh	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901126	Bùi Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901024	Nguyễn Ngọc Hoài	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901027	Đoàn Ngọc	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901028	Trần Công	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901132	Nguyễn Việt	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901031	Phạm Cát	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13881

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:24

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901135	Phạm Văn Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	51800241	Tôn Đặng Thuần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901056	Nguyễn Xuân Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41901146	Trần Quang Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13882

Trang: 1/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:34

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900752	Trương Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41800799	Trần Công Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900009	Trương Văn Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900761	Đặng Quang Đại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900771	Nguyễn Đỗ Nhật Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41800082	Võ Tịnh Thanh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900032	Hồ Quang Minh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900385	Huỳnh Xuân Hảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900398	Nguyễn Đức Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41800084	Nguyễn Quốc Hoà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900401	Nguyễn Hải Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41703080	Phạm Ngọc Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41800160	Trương Thiện Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900440	Nguyễn Hứa Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41800861	Cao Hoàng Tuân Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41701152	Đỗ Sỹ Hoàng Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900825	Phạm Hoàng Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900468	Nguyễn Duy Khánh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900081	Nguyễn Quang Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900085	Nguyễn Hữu Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13882

Trang: 2/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:34

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900645	Trần Khắc Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900101	Lại Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41800400	Lương Văn Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900519	Huỳnh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41503050	Nguyễn Duy Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900724	Huỳnh Phú Quý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41800230	Xăm Thái Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41801232	Tử Gia Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41900130	Nguyễn Đỗ Đức Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	41703029	Huỳnh Phú Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	41800965	Quách Bảo Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	41900656	Nguyễn Lâm Công Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	41900316	Huỳnh Quốc Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	41702166	Huỳnh Nguyễn Phượng Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13884

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:29

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900325	Nguyễn Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900172	Trần Minh Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41901077	Trần Hữu Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901078	Võ Tân Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41901079	Đỗ Vĩ Đông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41901080	Nguyễn Anh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900769	Đỗ Xuân Hà Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900030	Trần Bảo Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900031	Võ Hồng Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41901086	Nguyễn Ngọc Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41901091	Thân Nguyễn Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900793	Trương Quốc Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900208	Ngô Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901098	Nguyễn Đỗ Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900215	Nguyễn Trang Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900216	Võ Duy Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41901103	Trần Minh Khởi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901113	Lê Quang Nhất Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900996	Nguyễn Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901120	Nguyễn Ngọc Kiều Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13884

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:29

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41901121	Nguyễn Lâm	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900256	Nguyễn Lê Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901123	Trần Huỳnh Anh	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900263	Võ Thế	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41901129	Trần Anh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900278	Lê Võ Hoàng	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41901140	Lê Đức	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900296	Phan Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41900303	Trần Công	Trực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13885

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:28

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41900332	Phạm Thế	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900334	Trần Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900666	Phạm Ngọc	Đoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900786	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900791	Nguyễn Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900701	Nguyễn Tiến	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41900799	Trần Chiêu	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900414	Hồ Nguyễn Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900439	Nguyễn Đình Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900445	Bùi Nguyễn Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900446	Phạm Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900465	Lý Quốc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900646	Huỳnh Lê Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900505	Trương Hoàng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900677	Phạm Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41900725	K'	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900727	Nguyễn Văn	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900536	Đặng Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900545	Trần Đại	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900683	Nguyễn Đình	Thuần		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13885

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:28

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900574	Nguyễn Phước Bảo	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41900591	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900592	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900600	Trần Phước	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41900608	Võ Minh	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900740	Phạm Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900625	Võ Duy	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900627	Lê Thanh	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13886

Trang: 1/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901068	Lương Phúc	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900921	Bùi Việt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41900938	Đoàn Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900940	Nguyễn Tân	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900941	Vương Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900952	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41801012	Trần Nhật	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900961	Trần Đăng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41900980	Nguyễn Duy	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900982	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900830	Đào Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900992	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900841	Nguyễn Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41901004	Phan Hoàng	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41901008	Đỗ Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41901009	Nguyễn Đăng	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900873	Huỳnh Chí	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41901036	Nguyễn Hoàng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41900877	Nguyễn Văn	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900892	Bùi Xuân	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13886

Trang: 2/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:27

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41900894	Nguyễn Quốc Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41901053	Lâm Hiếu Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900905	Nguyễn Trần Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900910	Đặng Minh Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41901060	Nguyễn Nhật Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41900913	Trần Tùng Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41900919	Võ Thị Diệp Y			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13716

Trang: 1/2

Phòng thi: B309

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701173	Hồ Ngọc Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701013	Lý Ngọc	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21701017	Dương Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701199	Bùi Thị Bé	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701200	Ngô Thị Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701201	Nguyễn Thị Hồng	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701208	Dương Tuyết	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701212	Nguyễn Thị Bích	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701038	Lê Thị Kim	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701228	Hồ Thị Ánh	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701041	Bành Thị Thiên	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701044	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701238	Trần Mai	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701243	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701253	Đỗ Thị Minh	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21701259	Nguyễn Thị Thúy	Liễu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21701071	Lê Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701076	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21701077	Phạm Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21701080	Lê Thị Mộng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13716

Trang: 2/2

Phòng thi: B309

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21701083	Nguyễn Thành Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21701085	Lê Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701110	Đặng Thị Thảo Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21701130	Đỗ Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701131	Lê Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701145	Chu Trần Bảo Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701152	Lê Trần Thảo Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701155	Trần Huỳnh Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21701161	Trịnh Lưu Thực Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21701163	Lê Ngọc Lan Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13718

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701002	Đoàn Trần Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701171	Bùi Đinh Hoài	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21701004	Mã Ngọc Loan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701178	Nguyễn Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701180	Võ Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701012	Trần Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701453	Trần Nguyễn Uyên	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701184	Nguyễn Văn Hồng	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701189	Lê Vu Đức	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701190	Nguyễn Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701192	Huỳnh Lê	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701195	Nguyễn Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701209	Nguyễn Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701210	Nguyễn Thị Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701035	Quách Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21701215	Nguyễn Thảo	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21701222	Đặng Thị	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701057	Sầm Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21701062	Từ Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21701065	Lâm Thị Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13718

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21701066	Trần Lê Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21701069	Nguyễn Ngọc	Ngà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701075	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21701112	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701127	Nguyễn Thị Cẩm	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701136	Phan Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701138	Nguyễn Thị Kim	Thuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701140	Nguyễn Ngô Xuân	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21701156	Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21701167	Lê Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13722

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701174	Lâm Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21600001	Nguyễn Hải	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21500381	Tô Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701193	Huỳnh Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701028	Nguyễn Mộng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21600088	Phạm Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701203	Phùng Nhật	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701034	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701213	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701214	Phạm Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701227	Lê Huỳnh Bá	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701240	Nguyễn Thị Thu	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21600132	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21500322	Chu Quốc	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701074	Nguyễn Ngọc Trà	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21600225	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21701109	Nguyễn Tân	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21600467	Nguyễn Phương	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21600367	Ngô Thị Thanh	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21600441	Phạm Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13722

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21600377	Nguyễn Thị Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21500237	Nguyễn Lê Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21600385	Phạm Ngọc Thảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21600473	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21500338	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21500069	Trần Ngọc Tuyết	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701168	Lê Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21600435	Nguyễn Thị Hồng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13883

Trang: 1/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:36

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41901067	Nguyễn Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41900922	Đặng Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41901069	Nguyễn Đăng Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41901073	Nguyễn Hữu	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41900933	Lê Phúc	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41901074	Huỳnh Thành	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41901082	Lê Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41701098	Võ Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41603033	Hồ Đông	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900950	Nguyễn Trần Thể	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900636	Huỳnh Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41900964	Trịnh Tân	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41900974	Cao Hồ Duy	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41900976	Lê Minh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41900977	Nguyễn Ngọc	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41800366	Trần Kim	Lực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41900986	Tăng Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41900839	Nghiêm Bá	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41901119	Lý Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41901006	Nguyễn Huy	Phan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13883

Trang: 2/2

Phòng thi: B401

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:36

Lần:1

Môn học: An toàn điện (401060 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41800902	Đặng Xuân Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	41901017	Lưu Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41900855	Nguyễn Tân Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41900521	Trương Hào Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41901023	Lê Trần Ngọc Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	41901026	Đỗ Tiến Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	41901133	Nguyễn Tạ Duy Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	41900874	Đinh Hoàng Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	41900876	Ngô Văn Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	41901139	Trần Hữu Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	41901141	Đoàn Thanh Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	41801267	Nguyễn Công Trứ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	41702158	Nguyễn Hồng Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	41901061	Nguyễn Quốc Tuy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	41901147	Nguyễn Võ Anh Vĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	41901148	Nguyễn Duy Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13715

Trang: 1/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01703086	Đào Thị Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01703087	Nguyễn Thị Kim Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01703088	Lê Mi Vi Kha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01703090	Nguyễn Huỳnh Kim Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703097	Phan Ngọc Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703108	Trần Thúy Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01703112	Nguyễn Thị Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01703117	Nguyễn Hồng Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01703119	Nguyễn Tường Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01703138	Tống Phương Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703140	Phù Nguyệt Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703141	Trần Trịnh Hà Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01703146	Trần Thị Kim Thoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01703147	Hoàng Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01703148	Lê Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01703153	Nguyễn Thị Bích Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01703162	Phan Thái Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01703171	Nguyễn Thị Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01703174	Nguyễn Xuân Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01703176	Huỳnh Ngọc Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13715

Trang: 2/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01703177	Nguyễn Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01703182	Hoàng Nguyễn Khánh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01703183	Nguyễn Ngọc Thúy Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13717

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701454	Lương Ngọc	Chúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701456	Võ Thị Hồng	Điểm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21600063	Lê Thị Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701462	Nguyễn Thị	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701263	Nguyễn Thị Bé	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701266	Phạm Thị Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701268	Tô Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701274	Trần Thị Thu	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701281	Trần Phương Ánh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701287	Phạm Thị Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701308	Huỳnh Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701309	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701311	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701314	Nguyễn Trần Uyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701317	Kiều Hạnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21701324	Đỗ Thị Kim	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21701327	Trần Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701332	Huỳnh Thị Hồng	Phản		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21701337	Chu Thanh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21701351	Trần Thị Thúy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13717

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21701365	Nguyễn Dạ Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21701480	Nguyễn Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701384	Võ Thị Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21701386	Bùi Thị Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701405	Lê Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701406	Phan Nguyễn Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701409	Đỗ Xuân Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701421	Ngô Phương Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21701422	Phạm Thị Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21701437	Trần Lê Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	21701443	Nguyễn Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13719

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701224	Lê Khánh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701235	Lê Phạm Thanh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21701237	Nguyễn Thị Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701251	Trần Hữu Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701257	Dương Kiến	Lân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701272	Nguyễn Thị Ái	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701273	Trần Thị Hồng	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701277	Dương Hoàng Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701278	Vũ Thị Hương	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701285	Bùi Thị Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701286	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701295	Phạm Thị Thy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701305	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701313	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701473	Trương Quỳnh Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21701321	Phan Thị Duyên	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21701475	Ngô Kim	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701476	Nguyễn Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21701358	Nguyễn Thị Mộng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21701363	Long Hồng	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13719

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21701371	Lê Bảo Yến	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21701372	Nguyễn Ngọc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701381	Nguyễn Thị Lan	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21701392	Nguyễn Thị Kim	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701396	Trần Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701399	Hà Thị Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701401	Võ Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701407	Vũ Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21701412	Nguyễn Thị Ngọc	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21701419	Đặng Thị Thu	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13720

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701007	Phan Thị Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701183	Nguyễn Thị Tuyết	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21600044	Phan Anh	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21600060	Võ Văn	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701022	Phạm Thị Ánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701194	Huỳnh Thị Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701196	Nguyễn Thị	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701216	Phan Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701218	Nguyễn Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701234	Lê Huỳnh Thị Cẩm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21600124	Trần Thị Thúy	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701242	Trần Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701246	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701050	Hà Trúc	Lê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21600192	Phan Đình	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21600200	Lê Thị Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21600223	Nguyễn Thị	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21600248	Trần Huệ	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21600256	Nguyễn Thị Ánh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21600282	Trần Võ Hồng	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13720

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21600296	Cao Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21600362	Lê Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701142	Lê Hữu	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21600375	Đào Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701151	Lê Huỳnh Diễm	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701153	Lê Thị Xuân	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701154	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701158	Võ Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21600414	Hồ Thị Tú	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21600426	Nguyễn Khánh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	21600431	Thái Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13721

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701452	Đỗ Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701455	Nguyễn Thị	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1600060	Lã Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701260	Đặng Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701262	Hồ Phương Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701267	Thân Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701294	Nguyễn Tú	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701300	Hồng Nguyễn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701303	Trần Hạnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701318	Ngô Phương	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701331	Trần Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701345	Trần Thục	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701347	Bùi Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701348	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701359	Đinh Ngọc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21701360	Lý Ngọc	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71505218	Lâm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701366	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21701367	Nguyễn Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21701369	Nguyễn Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13721

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21701383	Trương Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21701400	Trần Thụy Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701411	Mai Ngọc Tuyết	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21701417	Vũ Thị	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701426	Phạm Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701427	Phan Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701429	Bùi Hoàng	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701441	Đậu Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21701445	Trần Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21701447	Phan Thị Ngọc	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13723

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21701244	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21701245	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21701247	Trần Ngọc Hương	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21701465	Trần Thị Thu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21701250	Nguyễn Thị Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21701284	Đỗ Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21701328	Lê Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21701329	Thiều Lê Khánh	Ninh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21701333	Võ Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21701451	Somchanmavong	Phetmany		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21701339	Hồ Như	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21701343	Nguyễn Thị Minh	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21701350	Phạm Ngọc Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21701355	Phan Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21701377	Nguyễn Ngọc Việt	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21701378	Đặng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21701385	Phan Đức	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21701387	Nguyễn Thị Mai	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21701389	Lưu Thị Xuân	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21701402	Phạm Huyền Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13723

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội (204020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21701403	Trần Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21701481	Nguyễn Thị Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21701415	Tăng Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	21701420	Lê Thị Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21701428	Trần Khả Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21701430	Trần Thiên Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21701442	Lê Bảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	21701446	Nguyễn Hồ Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	21701448	Võ Thị Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21701449	Lê Ngọc Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13867

Trang: 1/1

Phòng thi: B408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1600019	Đoàn Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700003	Nguyễn Bão	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700188	Trần Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700191	Phạm Tân	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700199	Nguyễn Thị	Điểm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700025	Trần Vũ Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700212	Nguyễn Thanh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700039	Nguyễn Ngọc Mai	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700048	Bùi Hữu	Kiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700059	Ngô Phú	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1600063	Nguyễn Quế	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1600115	Kongpachith	Phitsamay		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700111	Trần Ngọc Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700117	Lê Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700122	Huỳnh Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700134	Phan Võ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1600097	Nguyễn Thị Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1600106	Nguyễn Tân	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700160	Lê Thị Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13868

Trang: 1/1

Phòng thi: B409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700350	Phạm Nhật Phương	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700219	Vũ Ngọc Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700220	Võ Thị Khánh	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700224	Bùi Văn	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700230	Trịnh Văn	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700234	Nguyễn Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700082	Trương Ánh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700256	Phan Nguyễn Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700258	Nguyễn Thị Kim	Phản		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700263	Mai Yến	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700267	Nguyễn Minh Nhựt	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700272	Lưu Văn	Sáng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700298	Phạm Thị Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700310	Phan Thị Kim	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700311	Doãn Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700319	Lê Dương Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700321	Phan Phước	Yên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13977

Trang: 1/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91603003	Hồ Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91703012	Trần Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91703001	Nguyễn Trọng	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91703021	Nguyễn Ngọc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	91800147	Bùi Nguyễn Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	51503006	Lê Nhật	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91800150	Đinh Quang	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	91603042	Phạm Minh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91800475	Nguyễn Bảo	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91703036	Trần Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91703048	Nguyễn Thị Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800157	Ngô Gia	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800490	Lê Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	91703076	Cao Ngọc	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800174	Nguyễn Nguyên Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	91603117	Nguyễn Duy	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	91703085	Vũ Thị	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	91800181	Đỗ Ngọc Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91703089	Nguyễn Thị Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	91800186	Huỳnh Khánh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13977

Trang: 2/2

Phòng thi: B411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	91800189	Lê Duy	Ý		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13713

Trang: 1/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01703076	Nguyễn Trần Thanh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01703085	Hoàng Thành	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01703091	Lê Trần Thảo	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01703094	Trần Thị Thảo	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703098	Trần Nguyễn Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703100	Vũ Hoàng Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01703110	Lê Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01703111	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01703114	Trần Chí	Nguyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01703118	Nguyễn Lê	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703125	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703128	Tăng Tiểu	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01703129	Hồ Thị Vân	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01703132	Phan Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01703135	Nguyễn Thị Nguyệt	Quế		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01703142	Lê Tân	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01703143	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01703158	Lương Y	Tình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01703159	Nguyễn Hồ Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01703160	Lê Khánh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13713

Trang: 2/2

Phòng thi: B501

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01703161	Nguyễn Huỳnh Trần	Trân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	01703165	Nguyễn Thị Bình	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	01703167	Trần Thị Thùy	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	01703172	Võ Ngọc Trinh	Trinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	01703185	Đoàn Bạch	Yến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13978

Trang: 1/2

Phòng thi: B502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91800589	Ngô Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91800596	Nguyễn Khánh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91800600	Võ Văn Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91800602	Nguyễn Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	91800604	Trần Đức Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800605	Trần Bách Khâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91800608	Hà Thanh Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	91800609	Nguyễn Định Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91703059	Nguyễn Công Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91703061	Nguyễn Thị Như Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800492	Huỳnh Văn Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800495	Đoàn Nguyễn Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800497	Nguyễn Thị Ny			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	91800501	Trần Siêu Sao			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800513	Tống Xuân Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	91800625	Nguyễn Thị Thanh Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	91800626	Phạm Thanh Tiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	91800628	Ngô Thị Thu Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91800516	Nguyễn Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	91603142	Trần Đàm Uyên Vi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13978

Trang: 2/2

Phòng thi: B502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	91800528	Trần Quang Vinh			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13709

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01603007	Đỗ Nguyễn Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01703049	Trần Thị Phương	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01603137	Đoàn Công	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01702017	Vệ Văn	Dư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01703062	Bùi Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01703066	Đỗ Thị Mỹ	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01703068	Đinh Đan	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01703070	Nguyễn Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01703072	Tô Kim	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01602028	Bùi Thị	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01703082	Nguyễn Thị	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01703084	Nguyễn Thị Thanh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01702039	Lương Gia	Hỷ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01703010	Nguyễn Hồ Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01503020	Trương Quỳnh	Lê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01702046	Trần Kim Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01703101	Hứa Bích	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01603066	Nguyễn Bích Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01703115	Lý Thiện	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01703133	Nguyễn Thị Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13709

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:31

Lần:1

Môn học: Đọc tiếng Trung quốc thương mại (002327 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01602061	Lâm Mỹ	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01503106	Trần Thiện	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01703024	Lê Đỗ Quỳnh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01702090	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01602071	Võ Ái	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01502009	Trần Phan Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01702100	Đào Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	01702101	Nguyễn Thế	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	01603117	Châu Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	01702104	Võ Thị Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	01603129	Huỳnh Châu Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13869

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700001	Đỗ Ngọc Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700002	Hồ Hà	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700187	Trần Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700014	Nguyễn Hà Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700016	Huỳnh Thị Ngọc	Chuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700182	Nguyễn Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700034	Quách Phạm Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700036	Nguyễn Ngọc Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700040	Nguyễn Thị Hoàng	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700044	Nguyễn Thụy Hạnh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700062	Nguyễn Hải Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700064	Phạm Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700065	Trần Lưu Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700069	Nguyễn Phan Hồng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700076	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700098	Nguyễn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700099	Nguyễn Thị Kiều	Nương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700106	Trần Phan Như	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700113	Lê Nhất	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700119	Tô Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13869

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700121	Hoàng Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1700129	Huỳnh Lâm Hoài	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1700132	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H1700145	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H1700146	Phạm Phan Bích	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H1700151	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H1700172	Nguyễn Hoàng Kiều	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H1700175	Duy Kỳ	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H1700177	Trịnh Thị Mỹ	Xuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	H1700181	Trương Thị Bảo	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13870

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700189	Trương Tiểu	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700192	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700205	Nguyễn Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700206	Phan Ngọc Tiểu	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700207	Hà Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700209	Phạm Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700216	Thái	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700217	Dương Phùng Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700223	Nguyễn Trần HẠ	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700227	Phạm Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700228	Từ Bội	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700229	Trần Hải	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700232	Nguyễn Thị Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700233	Thái Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700236	Châu Bội	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700240	Phạm Thị Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700251	Huỳnh Yến	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700253	Nguyễn Thị Chân	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700264	Nguyễn Phạm Hà	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700269	Mã Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13870

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-B

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700323	Phimmakone Sommaly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1700276	Nguyễn Thị Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1700279	Huỳnh Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H1700282	Nguyễn Hoàng Minh Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H1700284	Phạm Duy Thiệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H1700296	Đoàn Huyền Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H1700302	Trần Thanh Triều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H1700306	Trần Kim Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H1700312	Nguyễn Thụy Hà Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	H1700320	Lê Thị Hoàng Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13979

Trang: 1/2

Phòng thi: B508

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91800141	Nguyễn Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91800143	Lê Hữu	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91800465	Nguyễn Đăng Mạnh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91800146	Nguyễn Trọng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	91800467	Dương Vương	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800148	Nguyễn Phạm Huyền	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91800471	Đoàn Ngọc	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	91800474	Nguyễn Đức Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91800151	Đào Hoa	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91800159	Lương Kim	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800488	Nguyễn Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800162	Nguyễn Trần Thẽ	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800166	Đồng Thị Yến	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	91800167	Đỗ Hồ Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800168	Phùng Duy Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	91800170	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	91800502	Phan Công	Sin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	91800505	Phạm Ngọc	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91800176	Lý Văn	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	91800514	Phạm Đỗ	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13979

Trang: 2/2

Phòng thi: B508

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	91703090	Nguyễn Thị Mỹ	Trang		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	91800187	Nguyễn Khải	Vinh		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13980

Trang: 1/2

Phòng thi: B511

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91800587	Lương Thị Mỹ	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91800588	Ngô Đình Trường	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91800590	Trần Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91800592	Đặng Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	91800593	Nguyễn Thị Như	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800594	Phan Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91703017	Nguyễn Văn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	91800597	Nguyễn Quốc Thiên	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91800603	Huỳnh Tân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91800152	Bùi Lê Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800606	Hồ Tân	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800607	Đặng Nguyễn Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800612	Võ Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	91800616	Phạm Trường	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800617	Nguyễn Văn	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	91800622	Cao Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	91800623	Nguyễn Thị	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	91800624	Ngô Diệu	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91800630	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	91800632	Nguyễn Văn	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13980

Trang: 2/2

Phòng thi: B511

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Kỹ thuật an toàn cơ khí (903057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	91800634	Hoàng Thị Thảo	Vân		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	91800635	Nguyễn Tuấn	Vũ		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13871

Trang: 1/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700008	Xà Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700194	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700196	Nguyễn Mai Khánh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700197	Trương Khải	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700198	Lê Quang	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700201	Trịnh Xuân	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700202	Đặng Hoàng Thanh	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700021	Đỗ Phạm Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700203	Nguyễn Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700204	Ngô Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700208	Hồ Thị Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700038	Tạ Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700214	Hoàng Thị	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700049	Châu Phạm Thị Mỹ	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700225	Hoàng Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700235	Lê Thị Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700237	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700074	Phan Thanh Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700075	Đỗ Nguyễn Xuân	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700077	Huỳnh Biện Thiên	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13871

Trang: 2/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700078	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1700080	Trần Lưu Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1700096	Nguyễn Lê Phi	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H1700110	Trần Mai Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H1700143	Nguyễn Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H1700148	Võ Tuyết Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H1700149	Nguyễn Lê Mỹ	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H1700162	Phạm Tố	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H1700163	Trương Ngọc Ái	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	H1700167	Vũ Nguyễn Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13872

Trang: 1/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1700239	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1700241	Võ Song	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1700244	Nguyễn Phương	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1700245	Trần Phạm Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1700247	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1700248	Võ Thị Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700249	Đoàn Vũ Linh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1700254	Vương Ngô Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1700257	Trần Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1700260	Huỳnh Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1700268	Trần Kim Nguyệt	Quế		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1700271	Vũ Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1700280	Nguyễn Phạm Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1700281	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1700285	Văn Hà Cẩm	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1700286	Ngô Thị Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1700287	Nguyễn Quang	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1700288	Trần Thị	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1700289	Hà Bích	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1700290	Phạm Chí	Thức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký: .....	Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13872

Trang: 2/2

Phòng thi: C207

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Dược cổ truyền (H01040 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1700291	Phan Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1700297	Đào Thị Hà	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1700299	Đỗ Cao	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H1700301	Trần Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H1700307	Đặng Lê	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H1700309	Đỗ Châu Khánh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H1700313	Trần Lê	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H1700315	Nguyễn Trung	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H1700316	Hà Nguyệt	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	H1700318	Hoàng Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13911

Trang: 1/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900337	Lê Hà Nhựt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900010	Nguyễn Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900368	Vũ Minh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900023	Trần Gia	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900369	Phan Thị Yến	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900037	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900374	Tô Thị Mỹ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900378	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900053	Nguyễn Tôn Bình	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900070	Trần Ngọc Phương	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900071	Nguyễn Thị Diễm	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900072	Nguyễn Thị Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900102	Lâm Trí	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900105	Nguyễn Trần Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900121	Hoàng Thị Kim	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900133	Trần Lê Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1701203	Hà Vinh	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900165	Võ Yến	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1800418	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900187	Hà Kim	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13911

Trang: 2/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900207	Diệp Đình Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1501042	Bùi Anh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1800436	Lê Viết Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1900357	Hồ Ngọc Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B1900268	Huỳnh Thanh Chí Tín			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1900280	Nguyễn Thị Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	91502120	Trương Nguyễn Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1800468	Hồ Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B1900300	Nguyễn Nhật Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B1900305	Nguyễn Phạm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	B1800473	Nguyễn Thị Bích			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	B1900309	Trịnh Nguyễn Ánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	B1900319	Lý Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	B1701312	Nguyễn Đỗ Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	B1900329	Tù Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13912

Trang: 1/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900379	Nguyễn Trần Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900380	Phan Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900382	Lin Tsun	Han		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900384	Trần Thị Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900388	Trần Việt	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900445	Yayongkay	Leeta		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900396	Huỳnh Triệu	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900399	Nguyễn Quốc	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900403	Trần Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900405	Trần Thị Trúc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900406	Lưu Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900410	Võ Phạm Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900446	Khaiphom	Nouny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900413	Lê Hoàng	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900414	Lâm Trần Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900415	Nguyễn Hoàng Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1900416	Vũ Thị Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1900419	Trần Thị Lê	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900420	Lê Nguyễn Thúy	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900421	Nguyễn Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13912

Trang: 2/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:33

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900449	Phetsikhieo Souliya			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1900425	Phạm Thị Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1900427	Nguyễn Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1900428	Trương Thị Kim Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B1900429	Lê Thị Nhã Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1900431	Nguyễn Ngọc Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900433	Nguyễn Thị Thu Thủy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1900434	Trần Thị Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B1900436	Đào Hữu Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B1900437	Trần Quang Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	B1900438	Đặng Duy Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	B1900442	Ngô Phan Thùy Vi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	B1900443	Huỳnh Hữu Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13894

Trang: 1/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1701126	Mã Kỳ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900034	Dương Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21400017	Nguyễn Hoài	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900058	Đinh Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900073	Phùng Thị Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21480110	Diệp Mỹ	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1800388	Trương Tân	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900349	Chau Võ Diệu	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71400148	Huỳnh Trịnh Giao	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1501222	Nguyễn Thị Huyền	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1800397	Trần Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900351	Trần Thị Hồng	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1800214	Lê Thị Trà	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1600127	Trương Lê Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B1900152	Nguyễn Lý Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900178	Võ Lê Thanh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1900179	Huỳnh Thị Ngọc	Nhé		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1800240	Nguyễn Diệu Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B1900184	Nguyễn Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1701218	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13894

Trang: 2/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900205	Nguyễn Văn Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1900355	Trần Thị Minh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1501032	Nguyễn Thị Phương Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1701287	Võ Thị Thùy Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	21400164	Lê Cao Quốc Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1701292	Lê Hoàng Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900314	Nguyễn Thị Hồng Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1900324	Lê Ngọc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13895

Trang: 1/2

Phòng thi: C301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B1900363	Trương Hào An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B1900364	Lê Phan Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B1900366	Trần Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B1900370	Nguyễn Thị Lan	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1900372	Phạm Nguyễn Thu	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B1900376	Nguyễn Mạnh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B1900381	Võ Ngọc Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1900383	Lý Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1900391	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B1900395	Trần Phương Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B1900397	Tô Huỳnh Bảo Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B1900398	Đỗ Minh Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B1900401	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B1900402	Mã Huỳnh Tuyết Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21400028	Trần Như Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1900408	Nguyễn Khánh Nhì			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B1701215	Phan Thị Yến Nhì			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71480376	Trần Hải Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21300199	Trần Vinh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B1900418	Nguyễn Bùi Tú Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13895

Trang: 2/2

Phòng thi: C301

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:30

Lần:1

Môn học: Tiền tệ và thị trường tài chính (B01020 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B1900422	Phan Trần Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B1900423	Phạm Quốc	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B1900424	Dương Khương	Tần		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B1900426	Lâm Thị Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B1900430	Châu Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B1800456	Hoàng Thị	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B1900435	Trần Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B1900441	Phạm Thảo	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B1900444	Nguyễn Phạm Lê	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21400014	Nguyễn Ngọc Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13919

Trang: 1/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 2 (C03008 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C1703002	Phương Gia An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C1703007	Nguyễn Thị Quế Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C1800247	Vũ Nguyễn Vân Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C1800042	Nguyễn Viết Đồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C1800006	Nguyễn Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C1800168	Nguyễn Thị Thu Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C1700045	Nguyễn Minh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C1800253	Trương Ngọc Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C1703022	Vũ Ngọc Minh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C1800177	Trần Thị Mỹ Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C1700055	Phan Tuấn Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C1800183	Nguyễn Thị Trúc Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C1800051	Phạm Thanh Đăng Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C1800105	Huỳnh Thiên Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1800021	Ngô Thị Nhàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C1800199	Huỳnh Ngọc Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C1800114	Nguyễn Hoàng Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C1800201	Nguyễn Thị Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C1800024	Trần Ngọc Tâm Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C1601155	Trần Thị Huyền Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13919

Trang: 2/2

Phòng thi: C307

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:36

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 2 (C03008 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C1703051	Trần Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C1703054	Phạm Thị	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C1703056	Lê Ngọc	Salas		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C1800123	Lương Nguyễn Thùy	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C1800130	Trần Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C1800218	Châu Trần Thanh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C1800131	Nguyễn Thị Như	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	C1800221	Dương Kim	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	C1800222	Dương Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	21900276	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	C1800228	Lê Huỳnh Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	C1703065	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	C1800233	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	C1800035	Tăng Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	C1800238	Trần Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	C1800242	Nguyễn Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13920

Trang: 1/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:38

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 2 (C03008 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C1900091	Lê Hoàng Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C1900094	Cao Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C1900005	Nguyễn Phát	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C1900095	Nguyễn Hiển	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C1900097	Châu Đạt	Đỉnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C1900105	Nguyễn Huỳnh	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C1900106	Dư Đức Hiền	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C1900107	Hồ Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C1900109	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C1900112	Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C1900113	Nguyễn Phúc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C1800256	Lê Tuấn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C1800323	Nguyễn Hồ Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C1900015	Liễu Thanh	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1900114	Đỗ Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C1900118	Lưu Tú	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C1900120	Phạm Tiểu	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C1800261	Hà Thị Thảo	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C1800298	Lê Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C1800299	Quan Gia	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13920

Trang: 2/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:38

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 2 (C03008 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C1900124	Huỳnh Thái Diễm	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C1900129	Bùi Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C1900134	Tôn Ngọc Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C1900136	Huỳnh Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C1800267	Phạm Thị	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C1900138	Trần Thị Lê	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C1900139	Bùi Ngọc Chí	Thăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	C1900140	Đặng Toàn	Thăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	C1603068	Nguyễn Thị	Thiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	C1800313	Nguyễn Mai Nhựt	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	C1900149	Phan Thị Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	C1800315	Tô Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	C1800316	Lương Thị Quê	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	C1800317	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	C1900153	Trịnh Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	C1800280	Nguyễn Thị Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	C1900154	Phạm Tố	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	C1800322	Nguyễn Hồng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13928

Trang: 1/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Quản lý tài chính trong du lịch và nhà hàng, khách sạn (B02080 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31705062	Phạm Thị Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31503194	Lê Thị Kim	Bông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31705004	Huỳnh Lâm Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31705066	Lê Ngọc	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31705067	Nguyễn Thị Hồng	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31605170	Đinh Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31705074	Trần Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31503080	Lê Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31503091	Trần Thị Kim	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31705013	Trương Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31705015	Phạm Xuân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31705018	Nguyễn Kiều	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31705023	Lương Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31705029	Trần Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31605085	Phạm Thị Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31605087	Bùi Văn	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31705039	Võ Hữu Thiện	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31705040	Nguyễn Trúc	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31705044	Huỳnh Ngọc Khánh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31503105	Nguyễn Chí	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13928

Trang: 2/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Quản lý tài chính trong du lịch và nhà hàng, khách sạn (B02080 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31503106	Trần Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31605121	Nguyễn Thị Yến	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31503149	Hoàng Thị	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31503100	Tòng Thị	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31605178	Mai Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31705046	Trần Quốc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	31503129	Trần Thị	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	31503195	Nguyễn Hoàng	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	31705058	Trịnh Yến	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13929

Trang: 1/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Quản lý tài chính trong du lịch và nhà hàng, khách sạn (B02080 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31705077	Nguyễn Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31705079	Ngô Thị Minh	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31705081	Nguyễn Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31705083	Nguyễn Thanh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31705085	Mạch Bá	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31705087	Trần Thị	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31503137	Trần Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31705092	Lý Hải	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31705095	Cao Duy	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31705096	Nguyễn Thị Tuyết	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31503151	Võ Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31705098	Lương Chấn	Nghiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31705100	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31705101	Bùi Qui	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31705105	Nguyễn Thị Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31705108	Trần Nguyễn Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31705110	Võ Hoàng	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31705113	Đỗ Hồ Hoàng	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31705114	Huỳnh Tân	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31705115	Lê Ngọc	Sáng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13929

Trang: 2/2

Phòng thi: C409

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Quản lý tài chính trong du lịch và nhà hàng, khách sạn (B02080 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31705117	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31705123	Võ Phạm Liễu	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31705126	Lê Thị Hương	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31705128	Lâm Thị Huyền	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31705132	Hoàng Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31705135	Nguyễn Ngọc Kim	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	31705138	Nguyễn Thị Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	31705142	Trần Thụy Bảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	31705143	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13965

Trang: 1/2

Phòng thi: C411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:38

Lần:1

Môn học: Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (603140 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61703005	Nguyễn Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61703087	Bùi Minh Triệu	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61703006	Lâm Thúy	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61703093	Huỳnh Xuân	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61703094	Lưu Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61703099	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61703102	Lư Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61703112	Trần Thị Mỹ	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61703115	Ngô Thị Thanh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61703130	Trần Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61703021	Vũ Việt	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61703022	Đỗ Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61703140	Nguyễn Thị Sa	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61703143	Phạm Thị Hồng	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61703024	Hà Dương Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61703149	Hòa Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61703152	Trần Nguyễn Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61703153	Chung Hải	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61703154	Phạm Thị Tuyết	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61703155	Lê Thị Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13965

Trang: 2/2

Phòng thi: C411

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 15:30

SL:38

Lần:1

Môn học: Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (603140 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61703162	Nguyễn Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	61800074	Trương Thị Triệu	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61703165	Lê Ái	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	61800980	Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61703170	Võ Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	61703175	Trần Thị Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61703177	Trần Cát	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	61703181	Đỗ Thị Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	61703191	Tôn San	San		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	61703198	Trần Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	61703212	Phạm Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	61703218	Hồ Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	61703231	Hoàng Ngọc Đan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	61703232	Huỳnh Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	61703067	Ngô Hoàng Tố	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	61703235	Nguyễn Trần Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	61703069	Trần Lâm Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
38	61703239	Nguyễn Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13750

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 100 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31801017	Phạm Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71801549	Phan Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31801029	Bùi Minh	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800854	Nguyễn Thị	Chinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800870	Ngô Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31801048	Nguyễn Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31800234	Phạm Ngọc Mai	Huân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800878	Trần Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41801145	Phạm Châu	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71802253	Ngô Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71800461	Dương Mộng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41801195	Nguyễn Ngọc Nhất	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800903	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800188	Huỳnh Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41800912	La Thuận	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701409	Đoàn Đức	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31801119	Ngô Ngọc Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31801125	Tạ Thảo	Thơm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31801134	Nguyễn Vũ Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71801604	Đỗ Thị Thu	Tình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13750

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 100 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71801605	Nguyễn Phương	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31800751	Võ Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61800673	Nguyễn Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31800760	Võ Thị Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31801162	Lê Trần Đoan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31801163	Lưu Hoàng Thuý	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	61800457	Nguyễn Thị Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13751

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 100 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800213	Cao Nguyễn Hoàng An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1800126	Phạm Hồng Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1800103	Danh Trần Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01800030	Võ Phạm Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B1800376	Hồ Nghĩa Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1800266	Đặng Minh Hoan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1800573	Nguyễn Quang Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1800282	Vũ Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1800251	Nguyễn Hồng Ngọc Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800489	Hồ Khánh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E18H0450	Lê Thị Phương Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D1800347	Lâm Mỹ Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1800471	Trần Kim Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01800273	Nguyễn Ngọc Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01800278	Châu Anh Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1800632	Lê Thị Mỹ Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1800658	Nguyễn Thị Bích Thoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800365	Lê Phạm Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1800366	Nguyễn Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1800370	Phạm Vũ Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13751

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 100 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800675	Ngô Thị Minh	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1800420	Phan Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1800423	Dương Thị Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E1800075	Nguyễn Hoàng Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1800686	Lê Thị Tùng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71800208	Nguyễn Ngọc Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13752

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:29

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 100 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01800971	Trần Thi Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21800623	Hà Nguyễn Bảo Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21800501	Nguyễn Thị Trúc Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01801215	Trần Bảo Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801220	Dương Ngọc Lụa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21800627	Lê Thị Vân Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21800509	Nguyễn Thị Tuyết Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21800286	Phan Thị Hồng Mơ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21800517	Huỳnh Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21800520	Đặng Thị Ngọc Nguyện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01801238	Nguyễn Thị Thanh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1800613	Nguyễn Trịnh Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801240	Trần Nhã Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21800535	Nguyễn Tuyết Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801027	Bành Tú Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01801272	Quách Lê Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01801278	Nguyễn Thị Loan Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1800364	Lâm Huỳnh Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21800120	Trương Anh Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801040	Nguyễn Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13752

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:29

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 100 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01801290	Phan Mỹ	Trình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21800141	Nguyễn Ngọc Đoan	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01801291	Nguyễn Hoàng Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01800768	Phạm Thị	Tư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01801295	Đinh Kim	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	21800596	Huỳnh Khánh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	21800602	Nguyễn Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	01801305	Nguyễn Thị Thảo	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	01801050	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13753

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:21

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 101 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1800152	Nguyễn Tuấn	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91800467	Dương Vương	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81800547	Lê Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	91800596	Nguyễn Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81800641	Trần Duy	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1800083	Phạm Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1800036	Nguyễn Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B1800405	Khổng Lê	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81800587	Nguyễn Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91800385	Đồng Thị Hồng	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1800480	Lê Thị Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71605010	Nguyễn Ngọc Tuyết	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81800309	Lương Hoàng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1800646	Chu Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800572	Huỳnh Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	918H0028	Võ Hoàng	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C1800131	Nguyễn Thị Như	Thor		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71802339	Nguyễn Cao Xuân	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1800690	Trang Tố	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1800487	Trần Văn	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13753

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:21

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 101 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1801671	Trần Thị Ý Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13754

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 101 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1800233	Phạm Quang	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1800237	Từ Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31801022	Bùi Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800851	Phùng Nguyễn Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31801028	Vũ Thị Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800867	Phạm Thị Vân	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21320027	Lê Thị Hiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800541	Trương Vỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800886	Lê Thị Thúy	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21800631	Đoàn Ái	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800904	Phan Hùng Văn	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21800528	Lê Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31801097	Nguyễn Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01801255	Trần Anh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01800725	La Thị Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01601211	Phan Hoàng Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800424	Trần Thị	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1800325	Nguyễn Tú	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01801285	Nguyễn Lìu Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801041	Trần Phan Bảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13754

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 101 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800833	Thiên Lâm Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	21800592	Lê Nguyễn Mạnh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C1700087	Nguyễn Thị Thu	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31800141	Nguyễn Thùy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H1800359	Trần Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H1800360	Ngô Huỳnh Tú	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13756

Trang: 1/1

Phòng thi: A509

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:18

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 102 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91800547	Nguyễn Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81800528	Trần Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1800144	Tôn Thị Xuân	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800104	Nguyễn Hoàng	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E1800574	Trần Đức	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800338	Trương Vũ Văn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81800246	Nguyễn Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1800496	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1800175	Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81800605	Võ Duy	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800407	Lâm Quốc	Qui		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800418	Khấu Vĩnh	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A1800068	Nguyễn Minh	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1801665	Hồ Trần Nguyên	Thục		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800431	Nguyễn Việt Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B1800463	Quang Nhả	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800359	Nguyễn Hoàng Lâm	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81800776	Nguyễn Trần Anh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13759

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 102 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31800843	Hà Trần Thanh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1800231	Nguyễn Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31801016	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	51800015	Lê Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	51800187	Trần Ngọc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1800258	Trương Văn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31604014	Phạm Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31800231	Vũ Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31801059	Khưu Hoàng Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31800710	Nguyễn Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800714	Lê Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1800294	Hồ Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1800303	Đặng Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31801107	Đỗ Trung Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1800317	Phạm Văn	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31800816	Phạm Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800436	Nguyễn Phúc	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1800195	Nguyễn Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1800201	Huỳnh Ngọc Minh	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1800345	Bùi Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13759

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 102 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	51800143	Dương Thanh	Trúc		•	V	⓪ ⓧ ⓠ ⓢ ⓤ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	
22	51800147	Phạm Minh	Trung		•	V	ⓧ ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	
23	31800278	Trần Ngọc Xuân	Tú		•	V	ⓧ ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	
24	31801155	Văn Thị Tố	Uyên		•	V	ⓧ ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	
25	H1800357	Nguyễn Thành	Vương		•	V	ⓧ ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	ⓠ ⓢ ⓣ ⓤ ⓥ ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13760

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 102 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	11702001	Phạm Ngự	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01801178	Tô Ngọc Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01801180	Trần Khánh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	51800759	Trần Minh	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61800923	Đỗ Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	11701038	Trần Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	51800968	Phạm Văn	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01801194	Nguyễn Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01701239	Hoàng Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800387	Nguyễn Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11703045	Phạm Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21800497	Peh Yu Chia	Lindaa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	11701069	Nguyễn Thảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	11701072	Nguyễn Gia	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01703113	Tôn Trần Thảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	11701095	La Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71801456	Lâm Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	51800306	Huỳnh Đoàn Diễm	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	11701109	Mai Thị Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01703150	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13760

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 102 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01701673	Nguyễn Thị Hồng	Trâm		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	51801033	Tôn Bảo	Trí		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	11701144	Dương Ngọc Thảo	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	71801949	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13761

Trang: 1/1

Phòng thi: A603

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:18

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 103 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81800535	Lê Viết	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81800188	Phạm Nguyễn Tuân	Đang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31705070	Trương Thị Thu	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800200	Nguyễn Võ Quốc	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800349	Nguyễn Thảo	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800600	Võ Văn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1700047	Đặng Nguyễn Kiều	Khâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71802426	Thái Trí	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81800254	Trần Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81701121	Huỳnh Phi Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800377	Nguyễn Tuyết	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	91800495	Đoàn Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31703126	Đặng Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A1800287	Trần Ngọc Trúc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A1800297	Phạm Ngọc Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1800650	Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800282	Hồ Ngọc Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A1800240	Nguyễn Trần Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13762

Trang: 1/1

Phòng thi: A604

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:20

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 103 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	51800016	Nguyễn Quế	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	51800964	Đặng Thành	Chí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	51800860	Nguyễn Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	51703073	Ngô Hoàn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800869	Nguyễn Lê Phước	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	31800373	Nguyễn Thị Mỹ	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41701145	Nguyễn Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	51802084	Lê Duy	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31801061	Võ Tấn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	31801100	Phùng Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31801105	Trần Tuân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41801223	Đoàn Hữu	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31800739	Nguyễn Thương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41801246	Trần Hữu	Tho		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41800439	Nguyễn Văn	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41800587	Âu Nhất	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	51801031	Ngô Minh	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	51800940	Thạch Chí	Tôn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41801262	Võ Minh	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800488	Tăng Ngọc	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13763

Trang: 1/1

Phòng thi: A605

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:15

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 103 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71706268	Võ Nguyễn Châu	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	11701052	Trần Minh	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	11601025	Nguyễn An	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	11603015	Thông Minh	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71704296	Hoàng Huy	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	11503002	Dương Thị Ngọc	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	11701081	Bạch Nga	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61402064	Phạm Lăng Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61702207	Võ Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61703182	Phạm Thị Kim	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01801264	Tống Thị Hồng	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61702216	Tăng Thái	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71801887	Trần Văn	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	11800147	Phan Nguyễn Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21800656	Nguyễn Thị Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13764

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71802514	Nguyễn Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81800367	Nguyễn Thái	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81800533	Hoàng Quảng	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31702036	Nguyễn Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71802180	Mã Tín	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81800009	Huỳnh Chung Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	91800102	Phạm Lê Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	91800202	Lê Anh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E1800202	Đặng Thị	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C1800256	Lê Tuấn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1800243	Trần Thị	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81602092	Lâm Kim	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81800041	Nguyễn Công	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A1800142	Lý Thị Huỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31800077	Đỗ Phạm Thanh	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C1800112	Nguyễn Đăng Trí	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81702047	Nguyễn Minh	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	91800243	Võ Thành	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	91800404	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	91800125	Hà Công	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13764

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:24

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	91800262	Dương Quốc	Thái		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	31800198	Nguyễn Hoàng	Thanh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	E1800653	Trần Hoàng Nhật	Thảo		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	91800277	Đỗ Thị	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13765

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	51800002	Nguyễn Trường An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31800847	Nguyễn Quỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71802175	Nguyễn An Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41801088	Phan Văn Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61800506	Huỳnh Thị Quỳnh Giao			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	51800768	Nguyễn Huỳnh Xuân Giao			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61800740	Nguyễn Thị Thúy Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71800998	Lê Thùy Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800376	Huỳnh Hoàng Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800418	Vũ Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41801154	Nguyễn Duy Tuân Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31800889	Bùi Thị Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	51800893	Nguyễn Thành Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41701182	Đỗ Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51800088	Nguyễn Phúc Tâm Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	51800713	Trương Kim Pha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1800320	Hồ Thị Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41800400	Lương Văn Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41800269	Võ Văn Ga Sin			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41800565	Đỗ Thành Duy Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

# BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ

x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13765

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 002 - Đợt 8

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG		Mã: 13765	Trang: 2/2						
<b>BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ</b>									
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021									
Phòng thi: A702	Ngày thi: 22/12/2020	Giờ thi: 17:45	SL:25						
Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)		Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 002 - Đợt 8	Lần:1						
STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41801231	Châu Tuấn	Thanh		•	<input checked="" type="checkbox"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71704437	Nguyễn Mạnh	Thúc		•	<input checked="" type="checkbox"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31800834	Huỳnh Thanh	Trúc		•	<input checked="" type="checkbox"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	71505036	Phan Kim	Tuyết		•	<input checked="" type="checkbox"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41801290	Đoàn Hữu	Vinh		•	<input checked="" type="checkbox"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13767

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	31800002	Đỗ Thị Khánh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71800590	Bùi Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71800596	Trần Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71800611	Diệp Thị	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800687	Phạm Thị Thúy	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71800443	Phạm Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	31800783	Trần Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	31801051	Lưu Ngọc	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71800455	Lê Thị Hồng	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71800458	Trần Thị	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31800395	Nguyễn Thị Thùy	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31800064	Nguyễn Quỳnh Lam	Ngà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31801086	Trần Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31800405	Văn Thị	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31800080	Lâm Khả	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31800081	Nguyễn Uyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800815	Quách Bảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71800469	Lê Vũ Hồng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71800470	Hồ Thụy Ngân	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	31800819	Huỳnh Lâm	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13767

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	31800112	Huỳnh Mạch Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	31800456	Nguyễn Thị Phương	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	31800119	Phạm Vũ Xuân	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31800122	Trương Ý	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	31800133	Phạm Thị Lê	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31800137	Lao Thanh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13768

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:23

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71800616	Phạm Thị Hồng	Chuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	71800626	Dương Cao Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71801326	Trần Thị Mỹ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71801767	Thái Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71801771	Đào Ngọc	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71801789	Võ Thụy Đan	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	71801794	Ngô Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	71801566	Nguyễn Hoàng	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	71800683	Vũ Ngọc	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71801026	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71801545	Phạm Thị Hồng	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	71802028	Phạm Bá Hoàng	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	71801816	Hồ Thị Trúc	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71800715	Nguyễn Lê Việt	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	71800741	Nguyễn Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	71800795	Nguyễn Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71800800	Nguyễn Thị Hoài	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	71802107	Nguyễn Linh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71800831	Trần Phan Kim	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71801669	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13768

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:23

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 002 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	71800868	Nguyễn Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	71800869	Nguyễn Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	71801526	Tôn Thị Kim Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13769

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E1800520	Trần Thị Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21800446	Châu Thị Kim	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71801748	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	71802392	Nguyễn Thị	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801209	Giang Bửu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21800048	Trần Hồ Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801224	Đinh Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800253	Hồ Thị Tú	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01801225	Võ Thị Trúc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	71802258	Lê Thị Tố	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71802263	Dương Trịnh Hưng	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01801009	Nguyễn Thanh Thảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801239	Phan Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	71802268	Lê Đăng Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21800533	Võ Nguyễn Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21800539	Trần Công	Pháp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D1800357	Vũ Đức	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801022	Diệp Bảo Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	71802464	Nguyễn Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01800743	Nguyễn Thị Phương	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13769

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:26

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01800115	Trần Thị Hoàng	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D1800120	Trần Thị Kim Ngọc	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	21800646	Lê Trần Thảo	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01801036	Nguyễn Trần Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01800583	Nguyễn Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	71802352	Tô Thị Minh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13755

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 101 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41800121	Phạm Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61800724	Nguyễn Ngọc	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	71800346	Phan Thị Thanh	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	51800275	Bùi Lê Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71801758	Nguyễn Phước Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71801766	Phan Yến	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61800305	Lê Hoài	Hận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41800658	Đặng Thế Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	51800682	Nguyễn Đồng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	51800884	Phạm Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	71801802	Lìn Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	51800701	Trần Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	51800302	M'bodj Cẩm	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	51800223	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	51800803	Nguyễn Văn	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	51800721	Trần Quốc	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	71801883	Trương Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	51800122	Nguyễn Hữu	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	51800123	Nguyễn Xuân	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	71800187	Nguyễn Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13755

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:27

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 101 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	51800247	Nghiêm Minh	Tiến		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	71801910	Huỳnh Thị Ngọc	Trân		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	71801923	Hồ Hoàng Minh	Trí		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	41800781	Lê Hoàng	Trung		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	51800322	Nguyễn Đức	Tú		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
26	51800650	Lê Thị Thanh	Tuyễn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
27	51800328	Ngô Hồng	Xinh		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 13766

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01701157	Hoàng Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	11701025	Nguyễn Phạm Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01800924	Nguyễn Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01701248	Trần Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01701581	Đặng Thị Lê	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	11701060	Ngô Thị Khanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01800935	Nguyễn Ngọc	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01800045	Hứa Ngọc Tú	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	11701071	Vương Thị Kiều	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800472	Nguyễn Thành	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	11601038	Lâm Gia	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01800342	Phan Thị Ngọc	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	11701078	Trần Phạm Khôi	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01701620	Cao Phan Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01701363	Dương Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01701070	Nguyễn Thanh Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800639	Hồ Thị	Sen		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01701412	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01701668	Võ Thị Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801044	Khương Ngọc	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**x Học kỳ 1 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 13766

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 22/12/2020

Giờ thi: 17:45

SL:25

Lần:1

Môn học: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (301003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 104 - Tổ 003 - Đợt 8

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01800143	Trần Bạch Tố	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
22	01800614	Lê Thị Hải	Vi		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
23	11703085	Nguyễn Thị Thúy	Vi		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
24	01800149	Lục Nguyễn Thúy	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	
25	01800152	Trần Lê Thảo	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký: